

Số/No: 0766/2025-BM/VP HĐQT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 04 năm 2025  
Ho Chi Minh City, April 17th, 2025

**CÔNG BỐ THÔNG TIN**  
**INFORMATION DISCLOSURE**

**Kính gửi:** ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HỒ CHÍ MINH  
**To:** STATE SECURITIES COMMISSION OF VIETNAM  
HOCHIMINH STOCK EXCHANGE

**1. Tên tổ chức/ Name of organization: TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH/  
BAO MINH INSURANCE CORPORATION**

- Mã chứng khoán/Mã thành viên/ Stock code/ Broker code: BMI
- Địa chỉ/ Address: Số 26 Tôn Thất Đạm, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh/ 26 Ton That Dam, Nguyen Thai Binh ward, District 1, HCMC
- Điện thoại liên hệ/ Telephone: 028 3829 4180 Fax: 028 3829 4185
- E-mail: [marketing@baominh.com.vn](mailto:marketing@baominh.com.vn)

**2. Nội dung thông tin công bố/Contents of disclosure:**

Tổng Công ty cổ phần Bảo Minh công bố thông tin Báo cáo thường niên năm 2024/Bao Minh Insurance Corporation discloses the annual report for the year 2024.

**3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 17/04/2025 tại đường dẫn <http://www.baominh.com.vn>. /This information was published on the company's official website on April 17, 2025, at the following link: <http://www.baominh.com.vn>.**

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./ We affirm that the disclosed information is truthful and take full responsibility under the law for the content of the disclosed information.

**Nơi nhận/Recipients:**

- Như trên/ As mentioned above;
- Lưu VPTSC, VPHDQT/ Office of the General Director, Office of the Board of Directors (for record-keeping).



**Tài liệu đính kèm/Attached documents:**

1. Báo cáo thường niên năm 2024/The annual report for the year 2024.

**TỔNG  
CÔNG  
TY CỔ  
PHẦN  
BẢO  
MINH**

Digitally signed by TỔNG  
CÔNG TY CỔ PHẦN  
BẢO MINH  
DN: C=VN, L=TPHCM,  
CN=TỔNG CÔNG TY  
CỔ PHẦN BẢO MINH,  
OID.0.9.2342.19200300.  
100.1.1=  
MST:0300446973  
Reason: I am the author  
of this document  
Location:  
Date: 2025.04.17  
23:28:00+07'00'  
Foxit PDF Reader  
Version: 12.1.1



*"Tận tình  
phục vụ"*



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH**

# **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2024**



[www.baominh.com.vn](http://www.baominh.com.vn)



(028) 3829 4180



26 Tôn Thất Đạm, Quận 1,  
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

1



## THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát  
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh  
Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý  
Định hướng phát triển  
Các rủi ro

## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh  
Tổ chức và nhân sự  
Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án  
Tình hình tài chính  
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu  
Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

3



## BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh  
Tình hình tài chính  
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý  
Kế hoạch phát triển trong tương lai  
Giải trình của Ban điều hành đối với ý kiểm toán  
Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

4



## QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị  
Ban Kiểm soát  
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

6



## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội  
Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc  
Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

5



## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ý kiểm kiểm toán  
Báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán

# MỤC LỤC



# 01

## THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh  
và bộ máy quản lý

Định hướng phát triển

Các rủi ro

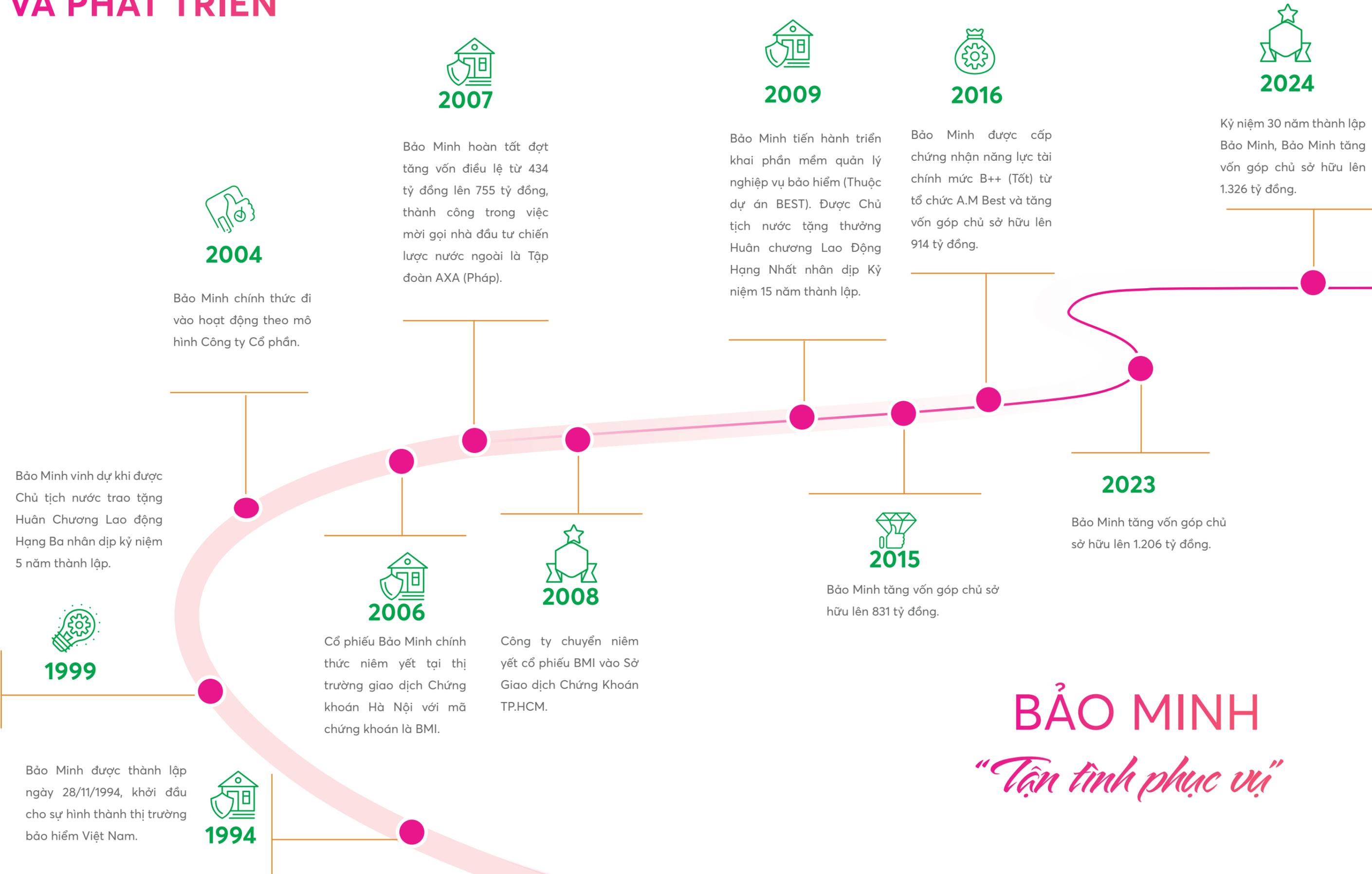
# THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên giao dịch	TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH
Tên tiếng anh	BAO MINH INSURANCE CORPORATION
Vốn điều lệ	1.326.428.180.000 đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	2.787.543.499.599 đồng
Địa chỉ trụ sở chính	26 Tôn Thất Đạm, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Số điện thoại	(028) 3829 4180
Số fax	(028) 3829 4185
Website	www.baominh.com.vn
Giấy CNĐKDN	Số 13/2006/GCNCP-TTLK do VSD cấp lần đầu ngày 23/11/2006, số 13/2006/GCNCP-VSDC-6 cấp thay đổi lần 6 ngày 24/10/2024
Mã cổ phiếu	BMI

Logo



# QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



**2004**

Bảo Minh chính thức đi vào hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần.

Bảo Minh vinh dự khi được Chủ tịch nước trao tặng Huân Chương Lao động Hạng Ba nhân dịp kỷ niệm 5 năm thành lập.



**1999**

Bảo Minh được thành lập ngày 28/11/1994, khởi đầu cho sự hình thành thị trường bảo hiểm Việt Nam.



**1994**



**2007**

Bảo Minh hoàn tất đợt tăng vốn điều lệ từ 434 tỷ đồng lên 755 tỷ đồng, thành công trong việc mời gọi nhà đầu tư chiến lược nước ngoài là Tập đoàn AXA (Pháp).



**2006**

Cổ phiếu Bảo Minh chính thức niêm yết tại thị trường giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là BMI.



**2008**

Công ty chuyển niêm yết cổ phiếu BMI vào Sở Giao dịch Chứng Khoán TP.HCM.



**2009**

Bảo Minh tiến hành triển khai phần mềm quản lý nghiệp vụ bảo hiểm (Thuộc dự án BEST). Được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Lao Động Hạng Nhất nhân dịp Kỷ niệm 15 năm thành lập.



**2016**

Bảo Minh được cấp chứng nhận năng lực tài chính mức B++ (Tốt) từ tổ chức A.M Best và tăng vốn góp chủ sở hữu lên 914 tỷ đồng.



**2015**

Bảo Minh tăng vốn góp chủ sở hữu lên 831 tỷ đồng.



**2024**

Kỷ niệm 30 năm thành lập Bảo Minh, Bảo Minh tăng vốn góp chủ sở hữu lên 1.326 tỷ đồng.

**2023**

Bảo Minh tăng vốn góp chủ sở hữu lên 1.206 tỷ đồng.

## BẢO MINH

*"Tận tình phục vụ"*

# NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

## Ngành nghề kinh doanh

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính: **Bảo hiểm phi nhân thọ và đầu tư tài chính**

- Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ
- Kinh doanh tái bảo hiểm
- Giám định tổn thất
- Đầu tư tài chính
- Các hoạt động khác theo quy định của pháp luật

## Địa bàn kinh doanh

Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ, kinh doanh Tái Bảo hiểm phi nhân thọ với mạng lưới hoạt động lớn với 1 trung tâm đào tạo chuyên biệt tại TP.HCM. Trong đó bao gồm: 22 Ban/Trung tâm chức năng thuộc trụ sở chính, hơn 65 công ty thành viên và 550 Phòng giao dịch được phủ sóng trên khắp Việt Nam.

## CÁC NHÓM NGHIỆP VỤ BẢO HIỂM

### Bảo hiểm xe cơ giới

Bảo Minh cung cấp các bảo hiểm mang tính bắt buộc theo quy định của nhà nước gồm Bảo hiểm Trách nhiệm dân sự xe máy, bảo hiểm trách nhiệm dân sự ô tô, hay cả bảo hiểm vật chất ô tô.

### Bảo hiểm con người

Bảo Minh giúp phòng ngừa các rủi ro trong tương lai thông qua đa dạng các sản phẩm bảo hiểm liên quan đến sức khỏe, du lịch, tai nạn.

### Bảo hiểm tài sản

Bảo Minh cung cấp các giải pháp toàn diện gồm các loại bảo hiểm gồm cháy nổ bắt buộc, rủi ro cho tài sản, gián đoạn kinh doanh,...

### Bảo hiểm hàng hải

Công ty còn cung cấp các giải pháp bảo hiểm hàng hải linh hoạt gồm: Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển đường biển, Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu,...

### Bảo hiểm hàng không

Bảo Minh giúp phòng ngừa những rủi ro ở ngành hàng không như Bảo hiểm hành khách đi trên máy bay, bảo hiểm thân máy bay và trách nhiệm dân sự hàng không.

### Bảo hiểm nông nghiệp

Để đề phòng rủi ro do thiên tai, dịch bệnh ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất nông nghiệp, Bảo Minh cung cấp các biện pháp bảo vệ như Bảo hiểm cây lúa, Bảo hiểm vật nuôi, cây trồng, thủy sản...



# THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

## MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Công ty Cổ phần Bảo Minh là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước thành tổng công ty cổ phần bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc.

### ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Đây là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Bảo Minh, gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, hoạt động thông qua cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên, ĐHĐCĐ bất thường và thông qua việc lấy ý kiến bằng văn bản từ các Cổ đông.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HDQT là cơ quan quản lý Bảo Minh, có toàn quyền nhân danh Bảo Minh để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Bảo Minh không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

### BAN KIỂM SOÁT

Ban kiểm soát là cơ quan do ĐHĐCĐ bầu ra, thay mặt cổ đông để kiểm soát một cách độc lập, khách quan và trung thực mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh, quản trị và điều hành của Bảo Minh.

### TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc của Bảo Minh là người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty, là người được HDQT bổ nhiệm từ 1 thành viên HDQT hoặc một người khác. Tổng Giám đốc là người trực tiếp điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Bảo Minh theo những thông lệ quản lý tốt nhất; có các quyền hạn và nhiệm vụ được nêu trong Điều lệ của Tổng Công ty.

## CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ



### Công ty liên doanh

#### Công ty Bảo hiểm Liên Hiệp

- Địa chỉ: Tầng 11 - Tòa nhà TungShing Square - Số 2 Ngô Quyền - Tp.Hà Nội
- Tỷ lệ phần sở hữu: 48,45%
- Hoạt động chính: Bảo hiểm tài sản; bảo hiểm hàng hóa vận chuyển; Bảo hiểm kỹ thuật; Bảo hiểm trách nhiệm và các loại bảo hiểm khác.



## ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

### Các mục tiêu chủ yếu của công ty

- Tối đa hóa các khoản lợi nhuận của Bảo Minh
- Tăng lợi tức cho các cổ đông
- Đóng góp cho Ngân sách Nhà nước
- Tạo việc làm ổn định cho người lao động



Tổng Công ty cổ phần Bảo Minh luôn đặt ra mục tiêu trở thành một doanh nghiệp hàng đầu và tiên phong trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ. Lấy quyền lợi khách hàng làm mục tiêu chiến lược, sự hợp tác và quyền lợi của cổ đông làm động lực thúc đẩy mạnh mẽ, Bảo Minh đã tích cực trong việc ứng dụng công nghệ cao để mang đến hiệu quả hoạt động tốt nhất cũng như mang đến sự hài lòng trọn vẹn cho khách hàng. Ngoài ra Bảo Minh cũng cam kết đóng góp tích cực vào Ngân sách Nhà nước, thể hiện trách nhiệm xã hội và vai trò trong sự phát triển kinh tế quốc gia. Bên cạnh đó, công ty chú trọng vào công tác tạo việc làm ổn định cho người lao động, xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, an toàn và thân thiện, từ đó góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống cho cán bộ nhân viên. Đây là những mục tiêu nền tảng, định hướng cho mọi hoạt động và quyết sách của Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh.

## Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Dựa trên tầm nhìn chiến lược: “Luôn là một trong những doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ hàng đầu tại Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ tài chính, bảo hiểm” Bảo Minh đã xây dựng chiến lược trung và dài hạn với các định hướng như sau:

### Củng cố vị thế hàng đầu trong lĩnh vực bảo hiểm

Bảo Minh tập trung nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ bảo hiểm, mở rộng danh mục sản phẩm phù hợp với nhu cầu đa dạng của khách hàng cũng như không ngừng ứng dụng công nghệ hiện đại để tối ưu hóa quy trình quản lý rủi ro và nâng cao trải nghiệm người dùng.

### Phát triển trong lĩnh vực tài chính và bảo hiểm

Công ty đang thực hiện đa dạng hóa hoạt động kinh doanh, mở rộng đầu tư vào các dịch vụ tài chính liên quan, nhằm tăng giá trị cho cổ đông và đối tác. Bên cạnh đó, Bảo Minh cũng tập trung vào việc xây dựng hệ thống quản trị rủi ro hiệu quả, đảm bảo sự phát triển ổn định trước biến động thị trường.



### Đầu tư vào con người và văn hóa doanh nghiệp

Để duy trì lợi thế cạnh tranh, Bảo Minh chú trọng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, thông qua các chương trình đào tạo chuyên sâu và xây dựng môi trường làm việc tích cực. Văn hóa doanh nghiệp cũng là yếu tố mà Bảo Minh quan tâm khi lấy sự chuyên nghiệp và tận tâm làm cốt lõi, nhằm thúc đẩy sự gắn kết giữa các thành viên.

### Cam kết trách nhiệm xã hội

Bảo Minh không chỉ hướng đến lợi nhuận mà còn chú trọng đóng góp vào sự phát triển cộng đồng và bảo vệ môi trường. Doanh nghiệp thực hiện các chương trình an sinh xã hội, hỗ trợ cộng đồng trong việc giảm thiểu rủi ro và nâng cao nhận thức về bảo hiểm.



Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bảo Minh đặt ra các mục tiêu phát triển bền vững rõ ràng và cụ thể đối với xã hội, môi trường và cộng đồng như sau:

#### **Mục tiêu đối với xã hội**

Bảo Minh mong muốn tổ chức các chương trình giáo dục và truyền thông nhằm nâng cao nhận thức của người dân về tầm quan trọng của bảo hiểm trong việc bảo vệ tài sản và sức khỏe thông qua các buổi hội thảo, buổi tọa đàm và các hoạt động cộng đồng để cung cấp thông tin và kiến thức về các sản phẩm bảo hiểm. Bên cạnh đó, Bảo Minh luôn đặt khách hàng lên hàng đầu, cam kết cung cấp dịch vụ chăm sóc khách hàng tận tâm và minh bạch cũng như nỗ lực giải quyết nhanh chóng các khiếu nại và yêu cầu bồi thường, nhằm đảm bảo quyền lợi của khách hàng.

#### **Mục tiêu đối với môi trường**

Bảo Minh thực hiện các biện pháp nhằm giảm thiểu tác động đến môi trường trong hoạt động kinh doanh của mình. Công ty khuyến khích sử dụng giấy tái chế và giảm thiểu chất thải. Ngoài ra Bảo Minh cũng tích cực khuyến khích người lao động tham gia vào các hoạt động bảo vệ môi trường hay các hoạt động an sinh xã hội, góp phần xây dựng một môi trường đô thị xanh sạch đẹp.

#### **Mục tiêu đối với cộng đồng**

Để tạo lập một cộng đồng lành mạnh và văn minh, Bảo Minh không ngừng tham gia vào các hoạt động từ thiện và hỗ trợ cộng đồng, đặc biệt là trong lĩnh vực giáo dục, y tế và an sinh xã hội. Thêm vào đó, công ty cam kết tạo ra môi trường làm việc công bằng và bình đẳng, cung cấp cơ hội việc làm cho tất cả mọi người. Công ty cũng chú trọng đến việc đào tạo và phát triển kỹ năng cho nhân viên, giúp họ nâng cao năng lực và phát triển nghề nghiệp.

Thông qua các mục tiêu này, Bảo Minh không chỉ hướng tới việc phát triển bền vững cho chính doanh nghiệp mà còn góp phần tích cực vào sự phát triển của xã hội, bảo vệ môi trường và nâng cao chất lượng cuộc sống của cộng đồng. Công ty tin rằng sự phát triển bền vững không chỉ mang lại lợi ích cho doanh nghiệp mà còn tạo ra giá trị lâu dài cho xã hội và môi trường.

*Mục tiêu  
phát triển  
bền vững*





## CÁC RỦI RO

### Rủi ro thị trường

Là một chủ thể hoạt động trong nền kinh tế, Bảo Minh chịu ảnh hưởng trực tiếp từ các yếu tố vĩ mô như lạm phát, lãi suất và tốc độ tăng trưởng kinh tế. Nhận thức được điều này, Tổng Công ty đã chủ động đưa ra các phương án nhận biết và biện pháp ứng phó với các biến động kinh tế, nhằm đảm bảo hoạt động kinh doanh ổn định.

Bảo Minh chịu ảnh hưởng từ các yếu tố kinh tế vĩ mô như lạm phát và lãi suất. Năm 2024, lạm phát đạt 3,63% (thấp hơn dự báo 4-4,5%), nhờ CPI giảm từ 4,36% (tháng 7) xuống 2,94% (tháng 12), hỗ trợ tăng trưởng GDP 7,09% và doanh thu phí bảo hiểm của Bảo Minh tăng 13-14%. Tuy nhiên, lạm phát y tế 7-10%/năm đẩy chi phí bồi thường bảo hiểm sức khỏe tăng, kết

hợp lạm phát chung cũng ảnh hưởng tới tình hình kinh doanh của Bảo Minh. Về lãi suất, NHNN giữ lãi suất tái cấp vốn 4,5%, nhưng lãi suất tiền gửi giảm còn 4,5-5%/năm (quý 4: 4,2-4,8%), làm giảm thu nhập từ tiền gửi và trái phiếu,

Để ứng phó, Bảo Minh kiểm soát chi phí bồi thường (tỷ lệ giảm từ 33,1% năm 2023 xuống 28,3% năm 2024), tối ưu vận hành qua chuyển đổi số (phần mềm BEST, Premia, ứng dụng iBMI), đa dạng hóa đầu tư (giảm tiền gửi ngân hàng từ 91,16% xuống 84,6%), và tận dụng chứng khoán khởi sắc (doanh thu đầu tư cổ phiếu đạt 19,94 tỷ đồng, tăng 633,74%). Các biện pháp này giúp giảm tác động kinh tế, đảm bảo hiệu quả kinh doanh.

### Rủi ro cạnh tranh

Thị trường bảo hiểm phi nhân thọ Việt Nam năm 2024 cạnh tranh khốc liệt với 32 doanh nghiệp, đạt doanh thu 79.349 tỷ đồng (tăng 11,7%). PVI và Bảo Việt dẫn đầu về thị phần, trong khi BSH, UIC, MIC, BIC, PTI đẩy mạnh số hóa và kênh bancassurance, tạo áp lực lớn cho Bảo Minh.

Để nâng cao thị phần, Bảo Minh đẩy mạnh chuyển đổi số với phần mềm BEST, Premia và ứng dụng iBMI, cải

thiện quản lý nghiệp vụ và trải nghiệm khách hàng. Đồng thời, công ty tăng cường phát triển sản phẩm mới và nâng cao chất lượng giải quyết bồi thường để tạo sự khác biệt. Các giải pháp này giúp Bảo Minh tận dụng nội lực, vượt qua thách thức cạnh tranh và củng cố vị thế top đầu trên thị trường.



## CÁC RỦI RO (TIẾP THEO)

### Rủi ro thiên tai, dịch bệnh

Việt Nam nằm trong khu vực chịu ảnh hưởng nặng nề từ thiên tai và biến đổi khí hậu, với tần suất bão, lũ lụt, sạt lở ngày càng tăng. Siêu bão Yagi năm 2024 gây thiệt hại nghiêm trọng tại 26 tỉnh thành phía Bắc và Thanh Hóa, với tổn thất ngành bảo hiểm phi nhân thọ ước tính 10.604 tỷ đồng. Các đợt mưa lũ miền Trung, hạn hán miền Nam cũng làm gia tăng rủi ro cho bảo hiểm tài sản, xe cơ giới, và nông nghiệp. Về dịch bệnh, dù Covid-19 đã qua đỉnh điểm, năm 2024 vẫn ghi nhận sốt xuất huyết, cúm mùa gia tăng, lạm phát chi phí y tế (7-10%/năm) đẩy nhu cầu bồi thường sức khỏe lên cao. Ngành bảo hiểm phi nhân thọ chịu áp lực lớn khi

doanh thu 2024 đạt 79.349 tỷ đồng (tăng 11,7%), nhưng chi phí bồi thường tăng mạnh do bão Yagi, khiến dự phòng bồi thường lập kỷ lục. Tại Bảo Minh, dự phòng bồi thường tăng 510.439 triệu đồng (từ 889.293 triệu đồng lên 1.399.732 triệu đồng), chủ yếu do ảnh hưởng của cơn bão số 03. Bảo hiểm tài sản (24,8% doanh thu) và xe cơ giới (15,9%) chịu tổn thất nặng, dù tỷ lệ bồi thường/doanh thu giảm từ 33,1% (2023) xuống 28,3% (2024). Rủi ro này gây áp lực lên chi phí, lợi nhuận của Bảo Minh.

### Rủi ro trực lợi bảo hiểm

Sự phát triển của ngành bảo hiểm kéo theo rủi ro trực lợi gia tăng. Dù chưa có số liệu chính thức, Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam ghi nhận nhiều vụ việc nghi ngờ trực lợi. Pháp luật như Nghị định 98/2013/NĐ-CP và Bộ Luật Hình sự 2015 (sửa đổi 2017) đã có chế tài, nhưng trực lợi diễn ra với hành vi ngày càng tinh vi và phức tạp. Bảo Minh ứng phó bằng cách tăng phí, giới hạn quyền lợi, từ chối khách hàng có dấu hiệu trực lợi, đồng thời nâng cao đào tạo kỹ năng, kiến thức, chuyên môn cho các nhân viên giám định, bồi thường, kiên quyết đấu tranh chống gian lận, đảm bảo hiệu quả nghiệp vụ.

### Rủi ro pháp lý

Là một doanh nghiệp hoạt động trong nền kinh tế Việt Nam, Bảo Minh chịu ảnh hưởng trực tiếp từ các quy định pháp luật liên quan như Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, Luật Kinh doanh Bảo hiểm, v.v. Đặc biệt, những sửa đổi trong Luật Kinh doanh Bảo hiểm số 08/2022/QH15 cùng các văn bản hướng dẫn thi hành đã tạo ra một hành lang pháp lý chặt chẽ, hỗ trợ phát triển kênh phân phối bảo hiểm qua ngân hàng (bancassurance). Các quy định này tăng cường tính minh bạch trong việc cung cấp sản phẩm bảo hiểm qua ngân hàng, bảo vệ quyền tự do lựa chọn của khách hàng, đồng thời nâng cao hiệu quả giám sát và chất lượng hoạt động bancassurance. Kết hợp với Thông tư 67/2023 hướng dẫn một số điều của Luật Kinh doanh Bảo hiểm, khung pháp lý cho thị trường bảo hiểm đã được hoàn thiện đáng kể, góp phần nâng cao trách nhiệm của doanh nghiệp bảo hiểm và bảo vệ quyền lợi khách hàng một cách hiệu quả hơn.

Ngoài ra, những cập nhật trong Nghị định 155/2020/NĐ-CP (ngày 31/12/2020) tập trung vào việc nâng cao tính minh bạch, hiệu quả và sự đồng bộ trong lĩnh vực chứng khoán, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững và nâng hạng thị trường chứng khoán. Đây cũng là động lực để Bảo Minh cải thiện quản trị doanh nghiệp, xây dựng hình ảnh tích cực và tạo ra giá trị lâu dài cho cộng đồng.

Để giảm thiểu rủi ro pháp luật trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm, Bảo Minh thường xuyên cập nhật các thay đổi trong quy định pháp luật và chính sách liên quan, đồng thời tổ chức tuyên truyền, đào tạo và kiểm tra nội bộ nhằm đảm bảo toàn thể cán bộ, nhân viên nắm vững quy định pháp luật, từ đó duy trì hoạt động của công ty tuân thủ đúng các yêu cầu pháp lý.



### **Rủi ro từ hành vi khách hàng và Niềm tin thị trường**

Ngành bảo hiểm Việt Nam, bao gồm cả lĩnh vực phi nhân thọ, đang đối mặt với thách thức lớn về niềm tin sau các thông tin tiêu cực năm 2023. Đặc biệt, các vấn đề từ kênh bancassurance và tư vấn sai lệch trong bảo hiểm nhân thọ đã khiến khách hàng nghi ngờ và thận trọng hơn khi tham gia bảo hiểm, kể cả bảo hiểm phi nhân thọ. Điều này đặt áp lực lên Bảo Minh trong việc nâng cao chất lượng đào tạo đội ngũ nhân viên, bởi nếu thông tin về quyền lợi và điều khoản không chính xác hay thiếu rõ ràng, dễ dẫn đến tranh chấp, gây tổn hại nghiêm trọng đến uy tín thương hiệu. Bên cạnh đó, xu hướng chuyển đổi số mạnh mẽ khiến khách hàng kỳ vọng vào dịch vụ nhanh chóng, minh bạch và cá nhân hóa. Điều này đặt ra yêu cầu đối với Bảo Minh phải nhanh chóng thay đổi để đáp ứng yêu cầu của thị trường.

Để ứng phó, Bảo Minh đang triển khai các biện pháp như: Tăng cường đào tạo và tái cơ cấu nhân viên để phù hợp với xu hướng mới; tập trung đẩy mạnh chuyển đổi số trong năm 2025; tiếp tục hợp tác với ngân hàng để mở rộng kênh bancassurance, đồng thời tăng cường giám sát và kiểm tra để ngăn ngừa rủi ro, đặc biệt trên môi trường mạng và bảo mật dữ liệu cá nhân.



# 02

## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

## BẢO MINH

*“Tận tình phục vụ”*

# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

## Kết quả hoạt động kinh doanh

ĐVT: Triệu đồng

Tổng doanh thu	Năm 2023		Năm 2024		% tăng giảm
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Doanh thu phí bảo hiểm gốc	5.559.730	83,86%	5.960.679	85,37%	7,21%
Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm	637.842	9,62%	681.548	9,76%	6,85%
Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	13.423	0,20%	12.963	0,19%	-3,43%
Doanh thu hoạt động tài chính	412.096	6,22%	322.890	4,62%	-21,65%
Thu nhập khác	7.029	0,11%	3.942	0,06%	-43,92%
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>6.630.121</b>	<b>100,00%</b>	<b>6.982.021</b>	<b>100,00%</b>	<b>5,31%</b>

Năm 2024, nền kinh tế toàn cầu và trong nước đối mặt với nhiều biến động phức tạp, từ lạm phát kéo dài đến những bất ổn địa chính trị, tạo ra không ít thách thức cho thị trường bảo hiểm, trong đó có Bảo Minh. Tuy nhiên, nhờ các chính sách kịp thời của Chính phủ nhằm tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy phục hồi sản xuất và phát triển kinh tế, thị trường bảo hiểm đã ghi nhận những tín hiệu tích cực, mở ra tiềm năng tăng trưởng bền vững trong tương lai.

Với sự chủ động trong quản trị rủi ro và chiến lược kinh doanh linh hoạt, Bảo Minh đã đạt được kết quả khả quan, ghi nhận tổng doanh thu năm 2024 đạt 6.982.021 triệu đồng, tăng 5,31% so với năm 2023. Đáng chú ý, doanh thu từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm tiếp tục là động lực chính, đóng góp 95,13% vào tổng doanh thu. Trong đó, doanh thu phí bảo hiểm gốc đạt 5.960.679 triệu đồng, tăng 7,21%, và doanh thu phí nhận tái bảo hiểm đạt 681.548 triệu đồng, tăng 6,85% so với cùng kỳ năm trước. Những con số này khẳng định vị thế vững chắc của Bảo Minh trên thị trường bảo hiểm, đồng thời phản ánh hiệu quả trong việc tối ưu hóa danh mục sản

phẩm và mở rộng mạng lưới khách hàng. Tuy nhiên, doanh thu hoạt động tài chính lại ghi nhận mức giảm 21,65%, đạt 322.890 triệu đồng, chủ yếu do sự sụt giảm trong thu nhập từ lãi tiền gửi và đầu tư tài chính. Nguyên nhân đến từ sự biến động của thị trường tài chính trong nước và quốc tế, dù thị trường chứng khoán năm 2024 đã có những dấu hiệu khởi sắc với các chỉ số tăng trưởng tích cực hơn so với năm trước. Bảo Minh sẽ tiếp tục theo dõi sát sao diễn biến thị trường, tối ưu hóa danh mục đầu tư và đẩy mạnh các giải pháp quản trị rủi ro để duy trì đà tăng trưởng ổn định, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững trong những năm tới.

# TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Vũ Anh Tuấn	TV.HĐQT + Tổng Giám đốc	5.304	0,004%
2	Phạm Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc thường trực	28	0,00002%
3	Châu Quang Linh	Phó Tổng Giám đốc	10.628	0,008%
4	Nguyễn Ngọc Anh	Phó Tổng Giám đốc	-	-
5	Vũ Hải Lâm	Phó Tổng Giám đốc	-	-
6	Nguyễn Thành Nam	Phó Tổng Giám đốc	-	-
7	Sái Văn Hưng	Kế toán trưởng	771	0,0006%



## Giới thiệu Ban Điều hành và Phụ trách kế toán

### Ông VŨ ANH TUẤN

**TV. HĐQT** kiêm **Tổng Giám đốc**

Năm sinh: 1979

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ quản lý kinh tế

### Ông PHẠM MINH TUẤN

**Phó Tổng Giám đốc thường trực**

Năm sinh: 1973

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân chuyên ngành Tài chính – Kế toán

### Ông CHÂU QUANG LINH

**Phó Tổng Giám đốc**

Năm sinh: 1968

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân chuyên ngành Vận tải ô tô

### Ông VŨ HẢI LÂM

**Phó Tổng Giám Đốc**

Năm sinh: 1985

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ quản lý kinh tế

### Ông NGUYỄN NGỌC ANH

**Phó Tổng Giám đốc**

Năm sinh: 1970

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ quản trị kinh doanh

### Ông NGUYỄN THÀNH NAM

**Phó Tổng Giám đốc**

Năm sinh: 1971

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân thống kê, Cử nhân tiếng Anh

### Ông SÁI VĂN HƯNG

**Kế toán trưởng**

Năm sinh: 1980

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế



## Những thay đổi trong Ban Điều hành



STT	Thành viên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Vũ Anh Tuấn	Tổng Giám đốc	1/6/2020	
2	Phạm Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc thường trực	26/09/2023	
3	Châu Quang Linh	Phó Tổng Giám đốc	8/8/2024	
4	Nguyễn Ngọc Anh	Phó Tổng Giám đốc	16/01/2023	
5	Vũ Hải Lâm	Phó Tổng Giám đốc	16/01/2023	
6	Nguyễn Thành Nam	Phó Tổng Giám đốc	22/09/2023	
7	Sái Văn Hưng	Kế toán trưởng	10/8/2020	



# TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

## Số lượng cán bộ nhân viên

STT	Tình chất phân loại	Năm 2023 (tại thời điểm 31/12/2023)		Năm 2024 (tại thời điểm 31/12/2024)	
		Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
<b>A</b>	<b>Theo trình độ lao động</b>	<b>1.685</b>	<b>100%</b>	<b>1.653</b>	<b>100%</b>
1	Trình độ đại học, trên đại học	1.179	70,0%	1.179	71,3%
2	Trình độ cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	385	22,8%	369	22,3%
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	121	7,2%	105	6,4%
4	Lao động phổ thông	-	-	-	-
<b>B</b>	<b>Theo tính chất hợp đồng lao động</b>	<b>1.685</b>	<b>100%</b>	<b>1.653</b>	<b>100%</b>
1	Hợp đồng xác định từ 1 - 3 năm	524	31%	475	28,7%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	1.161	69%	1.178	71,3%
<b>C</b>	<b>Theo giới tính</b>	<b>1.685</b>	<b>100%</b>	<b>1.653</b>	<b>100%</b>
1	Nam	800	47%	875	52,9%
2	Nữ	885	53%	778	47,1%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1.685</b>	<b>100%</b>	<b>1.653</b>	<b>100%</b>

## Thu nhập bình quân

Năm	2022	2023	2024
Tổng số lượng người lao động (người)	1.635	1.685	1.653
Thu nhập bình quân của người lao động (đồng/người/tháng)	27.620.000	27.830.000	20.500.000



### Về môi trường làm việc

Tại Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh, chúng tôi cam kết xây dựng một môi trường làm việc chuyên nghiệp, nơi mỗi nhân viên đều được trân trọng và tạo mọi điều kiện để phát huy tối đa năng lực. Về thời gian làm việc, Công ty đảm bảo mỗi nhân viên làm việc 8 tiếng mỗi ngày, từ thứ Hai đến thứ Sáu và tạo điều kiện để nhân viên có đủ thời gian tái tạo sức lao động, chăm sóc bản thân và gia đình. Ngoài ra, Công ty còn cung cấp đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo đúng quy định pháp luật.

### Về tuyển dụng

Tại Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh, xây dựng đội ngũ nhân sự chất lượng cao luôn là ưu tiên hàng đầu. Chúng tôi không ngừng nỗ lực tuyển dụng nhân tài với chuyên môn giỏi, thái độ làm việc tích cực và khả năng thích ứng nhanh với môi trường làm việc năng động. Năm 2024, Bảo Minh tiếp tục tăng cường công tác nhân sự trên toàn hệ thống, chủ động tìm kiếm, phát hiện những ứng viên tiềm năng để bồi dưỡng, đào tạo, xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo kế cận. Đây là bước chuẩn bị quan trọng, đảm bảo sự phát triển bền vững của công ty, đồng thời đáp ứng các mục tiêu kinh doanh trong ngắn hạn và dài hạn.

### Về đào tạo

Con người luôn là yếu tố then chốt trong chiến lược phát triển bền vững. Chính vì vậy, công ty đặc biệt chú trọng đến công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, coi đây là nền tảng cho sự thành công trong tương lai. Ngoài việc đào tạo trực tiếp, Bảo Minh đẩy mạnh các chương trình đào tạo trực tuyến, không chỉ giúp tiết kiệm tối đa thời gian và chi phí mà còn đảm bảo chất lượng, giúp cán bộ nhân viên cập nhật kiến thức và nâng cao kỹ năng chuyên môn một cách linh hoạt và chủ động.

# TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN DỰ ÁN

## Các khoản đầu tư lớn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đơn vị tính: Triệu đồng

Loại hình đầu tư	31/12/2023	31/12/2024
<b>Đầu tư vào công ty liên doanh</b>		
Công ty Bảo hiểm Liên hiệp (i)	145.350	242.250
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>54.265</b>	<b>54.265</b>
CTCP Du lịch Khách sạn Sài Gòn Hạ Long	6.000	6.000
CTCP Sài Gòn - Kim Liên	4.268	4.268
Tổng CTCP Tái bảo hiểm Quốc Gia Việt Nam (Vinare)	43.218	43.218
CTCP Xi măng Hà Tiên	779	779
<b>Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>(3.350)</b>	<b>(3.350)</b>
<b>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn - Dài hạn</b>	<b>61.000</b>	<b>236.000</b>
Trái phiếu doanh nghiệp	50.000	200.000
Chứng chỉ tiền gửi	11.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn	-	36.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>372.531</b>	<b>819.431</b>

## Các công ty con, công ty liên kết

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	TH 2024	TH 2023	% 2024/2023
Tổng tài sản	2.957.025	2.180.787	136%
Doanh thu thuần	421.071	465.686	90%
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh BH	228.508	232.305	98%
Lợi nhuận gộp hoạt động đầu tư tài chính	75.436	92.997	81%
Tổng lợi nhuận trước thuế	153.224	217.808	70%
Tổng lợi nhuận sau thuế	122.587	174.420	70%

### Về lương thưởng, phúc lợi, đãi ngộ

Tại Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh, chúng tôi luôn đề cao và trân trọng những đóng góp của mỗi cán bộ nhân viên. Ban lãnh đạo công ty đặc biệt chú trọng xây dựng một chính sách lương thưởng đa dạng, không chỉ là sự ghi nhận xứng đáng cho những nỗ lực và kết quả đạt được, mà còn là động lực to lớn thúc đẩy sự gắn bó và phát triển của mỗi cá nhân.

Chúng tôi hiểu rằng, phúc lợi tốt là nền tảng cho cuộc sống ổn định và hạnh phúc của người lao động. Vì vậy, bên cạnh chế độ lương, Bảo Minh còn mang đến một hệ thống đãi ngộ toàn diện, bao gồm:



#### Thưởng và trợ cấp

Các dịp Lễ Tết, sinh nhật Bảo Minh, sinh nhật cán bộ nhân viên đều có những phần thưởng và trợ cấp hấp dẫn. Công ty cũng hỗ trợ chi phí nghỉ mát và tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho toàn bộ nhân viên.



#### Chăm sóc sức khỏe toàn diện

Bảo Minh không chỉ quan tâm đến sức khỏe của nhân viên mà còn hỗ trợ bảo hiểm chăm sóc sức khỏe cho người thân của họ.



#### Thưởng theo hiệu quả kinh doanh

Ngoài lương và các khoản thưởng khác, nhân viên còn được nhận thưởng dựa trên hiệu quả kinh doanh, tạo động lực để mỗi cá nhân không ngừng nỗ lực, đóng góp vào sự phát triển chung của công ty.

Với những nỗ lực không ngừng trong việc chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, Bảo Minh đã và đang xây dựng một môi trường làm việc chuyên nghiệp, gắn bó và phát triển bền vững, nơi mỗi thành viên đều cảm thấy được tôn trọng, được tạo điều kiện để phát huy tối đa năng lực bản thân và cùng nhau hướng tới những thành công mới.

# TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

## Tình hình tài chính

Đvt: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2023	2024	% Tăng giảm
1	Tổng giá trị tài sản	7.004.195	7.749.557	10,64%
2	Doanh thu thuần	4.720.462	5.122.748	8,52%
3	Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh BH	257.242	252.677	-1,77%
4	Lợi nhuận gộp hoạt động đầu tư tài chính	280.161	209.677	-25,16%
5	Tổng lợi nhuận trước thuế	376.227	272.734	-27,51%
6	Tổng Lợi nhuận sau thuế	328.993	237.674	-27,76%

Năm 2024, thị trường bảo hiểm Việt Nam chứng kiến nhiều sự thay đổi khó lường đặc biệt trong năm qua thị trường bảo hiểm chịu tổn thất không nhỏ do bão Yagi. Tuy nhiên nỗ lực của chính phủ trong việc ban hành hàng loạt các chính sách nhằm hồi phục sản xuất và phát triển kinh tế cũng như những nỗ lực không ngừng của các doanh nghiệp bảo hiểm cũng đã cho thấy những dấu hiệu dẫn hồi phục tích cực trong năm qua. Cụ thể, tổng tài sản của thị trường bảo hiểm tăng 9,7% so với cùng kỳ năm ngoái, tổng doanh thu phí bảo hiểm ước tính 204.109 tỷ đồng, tăng 0,22% trong đó khối bảo hiểm phi nhân thọ tăng 13,02%, tỷ lệ chi trả quyền lợi bảo hiểm ước tính khoản 86.368 tỷ đồng tăng 17,13%.

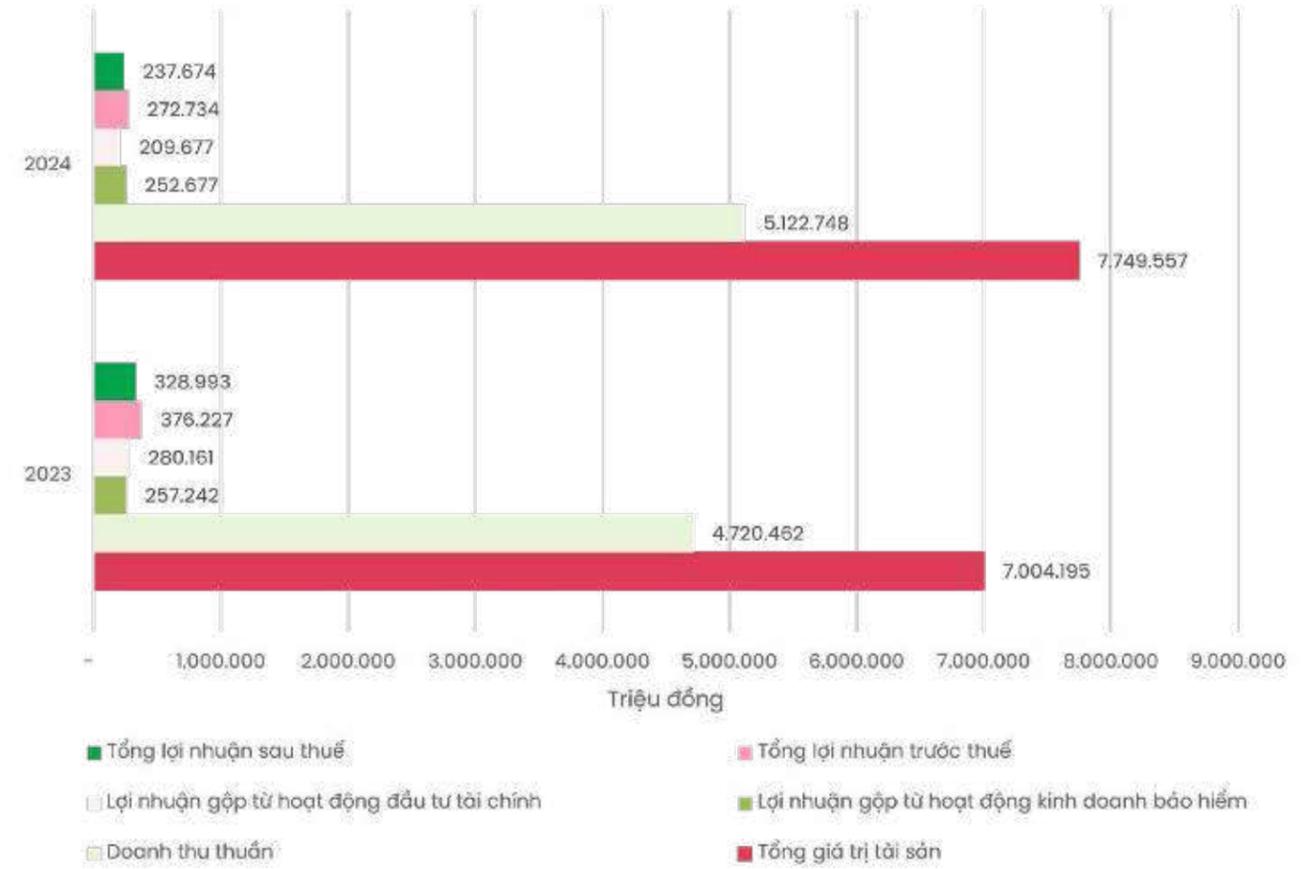
Là một chủ thể tham gia vào thị trường bảo hiểm, Bảo Minh cũng có những thay đổi tương tự. Theo đó, mặc dù doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm trong năm tăng 8,52% so với năm 2023, nhưng các chỉ tiêu lợi nhuận đều ghi nhận mức tăng trưởng âm so với cùng kỳ năm ngoái. Nguyên nhân xuất phát từ việc công ty thực hiện các khoản dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm cũng như mức dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm giảm do công ty thực hiện nghĩa vụ bảo hiểm bồi thường thiệt hại cho khách hàng.

Tổng giá trị tài sản của Tổng công ty ghi nhận đạt 7.749.557 triệu đồng, tăng nhẹ ở mức 10,64% so với cùng kỳ năm ngoái mà trong đó sự gia tăng tổng giá trị tài sản đến từ chỉ tiêu Tiền và các khoản tương đương tiền khi tăng

145,61% so với năm 2023, đạt mức 446.094 triệu đồng và sự tăng trưởng trong chỉ tiêu các khoản đầu tư tài chính khác.



Tình hình tài chính



# TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

## Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Đvt	2023	2024
<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,43	1,36
Hệ số thanh toán nhanh:	Lần	1,43	1,36
<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	62,27	64,03
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	165,02	178,01
<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	-	-
Vòng quay hàng tồn tài sản:	Vòng	0,75	0,71
<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi</b>			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	6,97	4,64
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/VCSH bình quân	%	13,00	8,75
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	4,69	3,22
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	7,85	5,27



CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN

CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN

CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG

CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI

## Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

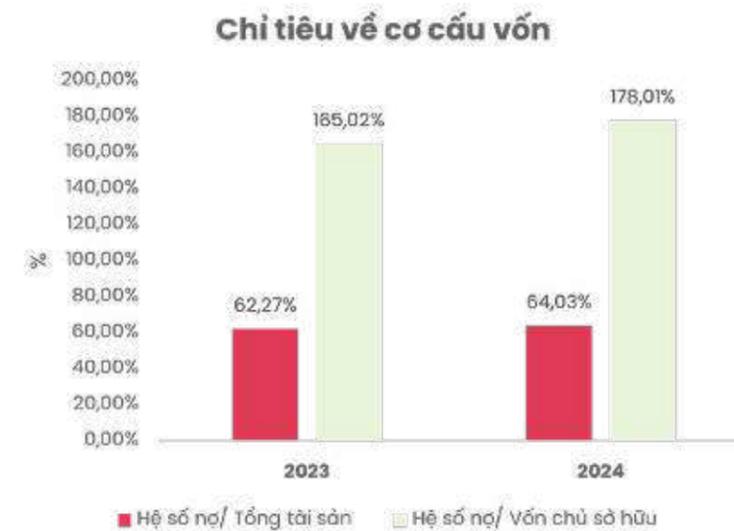
Hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh giảm nhẹ từ 1,43 xuống 1,36 lần trong năm 2024, nhưng vẫn duy trì ở mức an toàn (>1), đảm bảo khả năng thanh toán các nghĩa vụ ngắn hạn. Tài sản ngắn hạn tăng 7,95% (từ 6.232.899 triệu đồng lên 6.728.524 triệu đồng), đặc biệt nhờ tiền và các khoản tương đương tiền tăng mạnh 145,61% (từ 181.629 triệu đồng lên 446.094 triệu đồng), cho thấy nỗ lực cải thiện thanh khoản của công ty đã mang lại kết quả tích cực. Tuy nhiên, nợ ngắn hạn tăng 13,78% (từ 4.360.050 triệu đồng lên 4.960.793 triệu đồng), chủ yếu do doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn tăng 592,49% (từ 38.022 triệu đồng lên 263.300 triệu đồng) và dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm tăng 57,40% (từ 889.293 triệu đồng lên 1.399.732 triệu đồng).



Sự tăng mạnh của doanh thu chưa thực hiện phản ánh chiến lược mở rộng kinh doanh thành công, đặc biệt là trong mảng bảo hiểm phi nhân thọ, (toàn ngành tăng 11,79%). Trong khi dự phòng tăng thể hiện sự thận trọng của Bảo Minh trong việc chuẩn bị cho rủi ro bồi thường cao hơn

## Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Trong năm 2024, hệ số Nợ/Tổng tài sản của BMI tăng nhẹ từ 62,25% lên 64,03%, và hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu tăng từ 165,02% lên 178,01% so với năm 2023, phản ánh mức độ phụ thuộc vào nợ cao hơn. Cơ cấu nợ phải trả của Bảo Minh chủ yếu tập trung vào các khoản ngắn hạn (chiếm 99,98% tổng nợ), với nguyên nhân chính là sự gia tăng dự phòng nghiệp vụ (từ 3.041.028 triệu đồng lên 3.465.568 triệu đồng, tăng 13,97%) và doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn (tăng 592,49%, từ 38.022 triệu đồng lên 263.300 triệu đồng). Với đặc thù ngành bảo hiểm phi nhân thọ – thu phí trước, chi trả sau –



tỷ lệ nợ vượt vốn chủ sở hữu là hợp lý và cho thấy hoạt động kinh doanh tích cực. Tuy nhiên, để tối ưu hóa cơ cấu vốn, Bảo Minh duy trì quản lý chặt chẽ dự phòng, dòng tiền và danh mục đầu tư, vừa đảm bảo thanh khoản, vừa nâng cao hiệu suất sử dụng vốn, hướng tới gia tăng lợi nhuận bền vững.

## Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Năm 2024, ngành bảo hiểm đối mặt với nhiều thách thức, đặc biệt từ chi phí bồi thường gia tăng do ảnh hưởng của bão Yagi. Hệ số vòng quay tổng tài sản của Bảo Minh tăng nhẹ từ 0,67 lên 0,69, nhờ tổng tài sản tăng 10,73% (từ 7.004.195 triệu đồng lên 7.749.557 triệu đồng), chủ yếu do tiền và các khoản tương đương tiền tăng mạnh 145,61% (từ 181.629 triệu đồng lên 446.094 triệu đồng) và đầu tư tài chính ngắn hạn ổn định. Sự gia tăng tiền gửi ngân hàng thể hiện chiến lược ưu tiên an toàn tài chính, đảm bảo khả năng chi trả bồi thường lớn mà không cần thanh lý tài sản dài hạn trong bối cảnh thị trường bất lợi. Đồng thời, lãi từ tiền gửi và đầu tư tài chính giúp tạo nguồn thu nhập ổn định, bù đắp chi phí hoạt động, củng cố năng lực vận hành của công ty trong giai đoạn khó khăn.



## Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Năm 2024, Bảo Minh đối mặt với những thử thách từ rủi ro thiên tai, đặc biệt là bão Yagi, ảnh hưởng đến lợi nhuận sau thuế, giảm từ 328.993 triệu đồng xuống 237.674 triệu đồng. Dù vậy, công ty vẫn duy trì được những nền tảng tích cực trong hoạt động kinh doanh.

- Hệ số lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần giảm từ 6,97% xuống 4,64%, cho thấy biên lợi nhuận có sự thu hẹp. Doanh thu thuần từ kinh doanh bảo hiểm vẫn tăng trưởng 8,52% (từ 4.720.462 triệu đồng lên 5.122.748 triệu đồng), nhờ sự đóng góp của doanh thu phí bảo hiểm thuần và hoa hồng nhượng tái bảo hiểm.
- Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROE) giảm từ 13,00% xuống 8,75%, nguyên nhân do Vốn chủ sở hữu tăng 5,47% (từ 2.642.870 triệu đồng lên 2.787.543 triệu đồng) nhờ lợi nhuận giữ lại và phát hành cổ phiếu, thể hiện sự củng cố nền tảng tài chính và cho thấy Bảo Minh đang hướng tới cải thiện ROE qua tối ưu hóa đầu tư và quản lý chi phí hiệu quả hơn.
- Hệ số lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản bình quân (ROA) giảm từ 4,69% xuống 3,29%. Tổng tài sản tăng 10,73% (từ 7.004.195 triệu đồng lên 7.749.557 triệu đồng), nhờ tiền mặt tăng mạnh 145,61% (từ 181.629 triệu đồng lên 446.094 triệu đồng) và danh mục đầu tư mở rộng. Sự gia tăng dự phòng và chi phí hoạt động là bước đi chiến lược để ứng phó với nhu cầu chi trả bồi thường cao của ngành. Công ty tin tưởng sẽ nâng cao ROA thông qua quản lý tài sản linh hoạt hơn trong thời gian tới.
- Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trên doanh thu thuần giảm từ 7,85% xuống 5,27%. Lợi nhuận gộp từ



## Chỉ tiêu về khả năng sinh lời



- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản bình quân
- Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần

kinh doanh bảo hiểm đạt 252.677 triệu đồng (so với 257.242 triệu đồng năm 2023), trong khi doanh thu thuần tăng trưởng tích cực. Việc trích lập dự phòng nghiệp vụ tăng 13,97% nhằm đảm bảo sự ổn định tài chính trước những biến động thị trường. Với sự hỗ trợ từ khung pháp lý bảo hiểm ngày càng hoàn thiện của Chính phủ, Bảo Minh kỳ vọng nâng cao hiệu quả hoạt động để cải thiện chỉ tiêu này. Bên cạnh đó, với sự nỗ lực của chính phủ trong việc hoàn thiện khung pháp luật kinh doanh bảo hiểm cũng như các giải pháp của Bộ Tài chính nhằm giúp cho thị trường Bảo hiểm phát triển ổn định và bền vững sẽ tạo động lực để Bảo Minh tiếp tục thay đổi và phát triển trong thời gian tới.

# CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

## Cổ phần

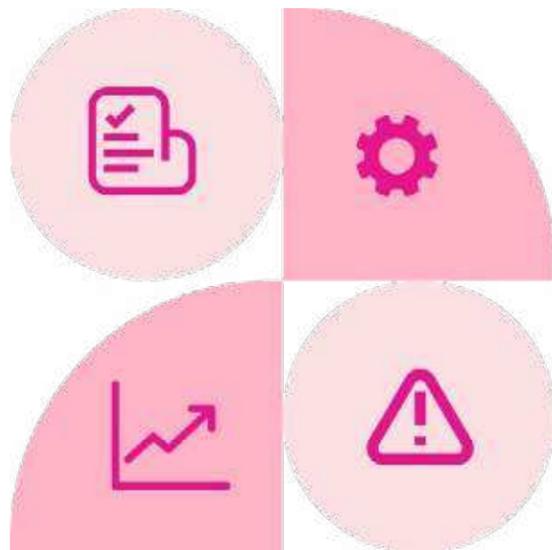
Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông  
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành

**132.642.818**  
cổ phiếu

**132.642.818**  
cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng tự do



Số lượng cổ phiếu quỹ

**0** cổ phiếu

**0** cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

Các chứng khoán khác: Không có

## Danh sách cổ đông lớn

STT	Tên	Số lượng cổ phiếu (cổ phiếu)	Tỷ lệ sở hữu
1	Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước - Công ty TNHH	67.252.787	50,70%
2	AXA SA - Pháp	22.084.484	16,65%
3	FIRSTLAND COMPANY LIMITED	6.798.421	5,13%

## Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Thời gian	Vốn tăng thêm (theo mệnh giá)	Vốn Điều lệ sau khi tăng vốn (theo mệnh giá)	Phương thức
2007	321.000.000.000	755.000.000.000	Phát hành thêm cổ phiếu cho đối tác chiến lược
2015	75.498.888.000	830.498.888.000	Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu
2016	83.049.888.800	913.540.378.700	Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu
2021	182.699.472.000	1.096.239.850.000	Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu
2023	109.614.230.000	1.205.854.080.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2022
2024	120.574.100.000	1.326.428.180.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023

## Cơ cấu cổ đông

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông (cổ đông)	Số lượng cổ phiếu (cổ phiếu)	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu
I	<b>Cổ đông theo tiêu chí tỷ lệ sở hữu</b>	<b>4.963</b>	<b>132.642.818</b>	<b>1.326.428.180.000</b>	<b>100,00%</b>
1	Cổ đông sở hữu từ 5% vốn CP trở lên	3	96.135.692	961.356.920.000	72,48%
2	Cổ đông sở hữu dưới 5% vốn CP	4.960	36.507.126	365.071.260.000	27,52%
II	<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>4.558</b>	<b>92.504.988</b>	<b>925.049.880.000</b>	<b>69,74%</b>
1	Cá nhân	4.529	19.572.240	195.722.400.000	14,76%
2	Tổ chức	29	72.932.748	729.327.480.000	54,98%
III	<b>Cổ đông nước ngoài</b>	<b>405</b>	<b>40.137.830</b>	<b>401.378.300.000</b>	<b>30,26%</b>
1	Cá nhân	374	1.321.716	13.217.160.000	1,00%
2	Tổ chức	31	38.816.114	388.161.140.000	29,26%
	<b>Tổng cộng (II + III)</b>	<b>4.963</b>	<b>132.642.818</b>	<b>1.326.428.180.000</b>	<b>100,00%</b>

# BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY



## Tác động đến môi trường

Mặc dù hoạt động trong lĩnh vực tài chính, bảo hiểm, tác động đến môi trường không lớn, song Ban Điều hành Bảo Minh luôn đề cao ý thức bảo vệ môi trường, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả các nguồn năng lượng, nhiên liệu, đặc biệt là nguồn nước sạch đối với toàn thể cán bộ nhân viên. Công ty đã thực hiện nhiều giải pháp, thường xuyên, liên tục truyền thông tới cán bộ nhân viên trong việc thực hiện tiết kiệm điện, nước, tận dụng ánh sáng tự nhiên, tắt thiết bị khi không dùng, khuyến khích nhân viên tiết kiệm và tham gia bảo vệ môi trường.

Bảo Minh hiểu rằng, việc giảm chi phí đi đôi với sử dụng nước có trách nhiệm không chỉ mang lại lợi ích cho doanh nghiệp mà còn góp phần bảo vệ môi trường và xã hội. Nước là tài nguyên vô cùng quan trọng, đòi hỏi sự quản lý và sử dụng thông minh để đảm bảo môi trường sống bền vững cho thế hệ tương lai.

## Tiêu thụ năng lượng

Dù hoạt động trong lĩnh vực tài chính, bảo hiểm vốn ít tác động đến môi trường, Bảo Minh vẫn chủ động nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho toàn thể cán bộ nhân viên. Chúng tôi đặc biệt chú trọng việc sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn năng lượng, nhiên liệu. Bảo Minh hiểu rằng, việc sử dụng các nguồn nhiên liệu như điện, nước... có trách nhiệm không chỉ giúp giảm chi phí mà còn góp phần bảo vệ môi trường và lợi ích xã hội.

## Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Ý thức sâu sắc về trách nhiệm xã hội, Bảo Minh luôn tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng, góp phần nâng cao nhận thức và trách nhiệm của người dân về bảo vệ môi trường. Đồng thời trong năm qua, Tổng Công ty không ghi nhận bất kỳ vi phạm nào liên quan đến việc tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường.



## Chính sách liên quan đến người lao động

Tại Bảo Minh, nguồn nhân lực luôn được coi là yếu tố then chốt cho sự phát triển bền vững. Ban lãnh đạo đặc biệt quan tâm và không ngừng cải thiện các chính sách liên quan đến người lao động, nhằm đảm bảo quyền lợi và tạo điều kiện làm việc tốt nhất cho toàn thể cán bộ nhân viên.

Để chăm lo sức khỏe cho người lao động, Bảo Minh tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm theo tiêu chuẩn và quy định. Bên cạnh các chế độ bảo hiểm theo quy định của Nhà nước, nhân viên còn được hưởng bảo hiểm chăm sóc sức khỏe cho bản thân và người thân. Công ty cũng quan tâm thăm hỏi, động viên kịp thời các trường hợp ốm đau, tai nạn, đồng thời đảm bảo đầy đủ chế độ thai sản cho cán bộ nhân viên nữ.

Ngoài ra, Bảo Minh còn có nhiều chính sách đãi ngộ hấp dẫn khác như:

- Hỗ trợ phụ cấp ăn trưa, công tác phí.
- Tạo điều kiện tham gia các khóa đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ do Trung tâm đào tạo Bảo Minh tổ chức, đài thọ chi phí các khóa học ngắn hạn.
- Đối với cán bộ có năng lực tốt, công ty tạo cơ hội tham gia các khóa đào tạo dài hạn trong và ngoài nước, đồng thời đài thọ các bộ chi phí theo quy định.

Những nỗ lực này thể hiện sự quan tâm sâu sắc của Ban lãnh đạo Bảo Minh đối với người lao động, góp phần xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, thân thiện, tạo động lực để mỗi cá nhân phát huy tối đa năng lực, đóng góp vào sự phát triển chung của công ty.

Năm	2022	2023	2024
Tổng số lượng người lao động (người)	1.635	1.685	1.653
Thu nhập bình quân của người lao động (đồng/người/tháng)	27.620.000	27.830.000	20.500.000

# BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

## Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Ý thức được vai trò của một doanh nghiệp Nhà nước, Bảo Minh luôn đặt ưu tiên hàng đầu cho công tác phục vụ cộng đồng và thực hiện trách nhiệm xã hội. Tiên phong trong lĩnh vực này, Bảo Minh không ngừng nỗ lực đóng góp vào sự phát triển bền vững của cộng đồng.

Tổng Công ty và các đơn vị thành viên đã và đang tích cực hỗ trợ các hoàn cảnh khó khăn, góp phần xây dựng một xã hội tốt đẹp và bền vững hơn tại Việt Nam.

Gắn liền với các hoạt động an sinh xã hội và từ thiện, Bảo Minh mong muốn chung tay giúp đỡ các trẻ em nghèo có thành tích học tập tốt vươn lên trong cuộc sống. Chính vì vậy, công ty đã tham gia tài trợ cho nhiều chương trình ý nghĩa.

## Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Hiện tại, Tổng Công ty cổ phần Bảo Minh chưa có các hoạt động về thị trường vốn xanh. Tuy nhiên, Công ty rất quan tâm theo dõi các thông tin về hoạt động này và sẽ tích cực tham gia khi có hướng dẫn cụ thể từ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.



Tổng doanh thu

**6.982.021** triệu đồng

Doanh thu phí bảo hiểm gốc

**5.960.679** triệu đồng

Tổng giá trị tài sản

**7.749.557** triệu đồng

Vốn chủ sở hữu

**2.787.543** triệu đồng

Dự phòng bồi thường

**1.399.732** triệu đồng

# 03

## BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Giải trình của Ban điều hành đối với ý kiến kiểm toán

Bán cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

## BẢO MINH

*“Tận tình phục vụ”*

# ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

## Tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch và trước đây

Năm 2024, chứng kiến sự khó khăn trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm do nền kinh tế vĩ mô vẫn còn đối mặt với nhiều khó khăn thách thức, đặc biệt hơn trong tháng 9 năm 2024, sự xuất hiện của cơn bão Yagi đã càng quét đi lợi nhuận của các doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, tuy nhiên nhìn chung cũng đã chứng kiến nhiều sự chuyển biến tích cực trong nhóm ngành này. Tính đến 31/12/2024, thị trường bảo hiểm Việt Nam tiếp tục ghi nhận sự tăng trưởng ổn định. Tổng tài sản của các doanh nghiệp bảo hiểm ước đạt 1.004.421 tỷ đồng, tăng 9,97% so với cùng kỳ năm 2023. Số tiền đầu tư

trở lại nền kinh tế đạt khoảng 850.264 tỷ đồng, tăng 13,1%. Tổng vốn chủ sở hữu ước tính 207.500 tỷ đồng, tăng 6,8%. Về doanh thu, tổng phí bảo hiểm cả năm đạt 227.500 tỷ đồng, giảm nhẹ 0,25%, trong đó bảo hiểm phi nhân thọ tăng 10,2% (78.300 tỷ đồng), còn bảo hiểm nhân thọ giảm 5% (149.200 tỷ đồng). Tổng chi trả quyền lợi bảo hiểm đạt 93.900 tỷ đồng, tăng 15,7%, với bảo hiểm nhân thọ chiếm 71.400 tỷ đồng (tăng 25%) và bảo hiểm phi nhân thọ đạt 22.500 tỷ đồng (giảm 6,2%). Đứng trước bối cảnh trên, kết quả kinh doanh năm 2024 của Bảo Minh cũng đã thể hiện như sau:

Đvt: Triệu đồng

Chỉ tiêu	KH 2024	TH 2024	TH 2023	%TH/KH 2024	% TH2024/TH2023
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>6.800.000</b>	<b>6.982.021</b>	<b>6.630.121</b>	<b>102,68%</b>	<b>105,31%</b>
- Phí bảo hiểm gốc	5.824.500	5.960.679	5.559.730	102,34%	107,21%
- Phí nhận tái bảo hiểm	662.500	681.548	637.842	102,88%	106,85%
- Doanh thu HĐ Tài chính	313.000	335.852	425.519	107,30%	78,93%
- Doanh thu khác	-	3.942	7.029	-	56,08%
<b>Tổng LN trước thuế</b>	<b>268.000</b>	<b>272.734</b>	<b>376.227</b>	<b>101,77%</b>	<b>72,49%</b>
Lợi nhuận thuần từ KDBH	63.000	53.627	82.420	85,12%	65,07%
Lợi nhuận hoạt động tài chính	205.000	216.528	288.224	105,62%	75,12%
Lợi nhuận khác	-	2.578	5.582	-	46,18%
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>-</b>	<b>237.674</b>	<b>328.993</b>	<b>-</b>	<b>72,24%</b>
<b>ROE</b>	<b>7%</b>	<b>8,75%</b>	<b>13,02%</b>	<b>125,00%</b>	<b>67,20%</b>

### TỔNG DOANH THU

**6.982.021** triệu đồng

hoàn thành **102,68%** kế hoạch năm 2024

### LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

**272.734** triệu đồng

Vượt **101,77%** kế hoạch năm 2024

Trong năm 2024, Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh ghi nhận kết quả kinh doanh đáng khích lệ với tổng doanh thu đạt 6.982.021 triệu đồng, hoàn thành 102,68% kế hoạch và tăng 5,31% so với năm 2023, chủ yếu nhờ phí bảo hiểm gốc đạt 5.960.679 triệu đồng, tăng 7,21%, và phí nhận tái bảo hiểm đạt 681.548 triệu đồng, tăng 6,85%. Doanh thu hoạt động tài chính ghi nhận 335.852 triệu đồng, vượt 107,30% kế hoạch, nhưng giảm 21,07% so với năm trước do biến động thị trường.

Lợi nhuận trước thuế đạt 272.734 triệu đồng, hoàn thành 101,77% kế hoạch, nhưng giảm 27,51% so với năm 2023. Đặc biệt, lợi nhuận thuần từ kinh doanh bảo hiểm đạt 53.627 triệu đồng, đạt 85,12 % kế hoạch, giảm 65,07 % so với năm trước. Lợi nhuận sau thuế đạt 237.674 triệu đồng, giảm 27,76% so với năm 2023.

Dù phải đối mặt với chi phí bồi thường tăng cao và biến động tài chính, Bảo Minh đã thể hiện sự linh hoạt và khả năng quản lý hiệu quả, khẳng định vững chắc vị thế trong ngành bảo hiểm phi nhân thọ.



# ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH (TIẾP THEO)

## Tình hình thực hiện doanh thu bảo hiểm gốc

Năm 2024 vẫn là một năm với đầy những thách thức cho thị trường kinh tế nói chung, và thị trường bảo hiểm nói riêng. Song nhận được sự quan tâm và hỗ trợ và tạo điều kiện của ban lãnh đạo SCIC, các cổ đông; với sự đồng hành, ủng hộ, chỉ đạo của HĐQT; sự chủ động, linh hoạt của BDH trong công tác tổ chức, điều hành cùng sự quyết tâm, đoàn kết và nỗ lực vượt qua khó khăn của tập thể lãnh đạo, cán bộ nhân viên và đại lý trong toàn hệ thống, hoạt động kinh doanh của Bảo Minh cũng đạt được những kết quả nhất định.

Cơ cấu doanh thu phí bảo hiểm gốc của Bảo Minh đến từ 4 nghiệp vụ chính: Bảo hiểm (BH) sức khỏe với tỷ trọng 41,66% tăng 19,32% so với cùng kỳ năm ngoái; BH Cháy nổ chiếm tỷ trọng 18,51% giảm 6,15% so với năm 2023; BH Xe cơ giới chiếm tỷ trọng 15,88% tăng 9,87% so với năm 2023 và cuối cùng là BH tín dụng và rủi ro tài chính chiếm tỷ trọng 8,80%, giảm 13,88%.

## Tình hình bồi thường

Năm 2024, toàn ngành BH phi nhân thọ chi bồi thường 23.832 tỷ đồng, giảm 0,31% về số tuyệt đối so với cùng kỳ. Tỷ lệ bồi thường đã trả/doanh thu của toàn ngành cũng giảm từ 33,64% xuống 30%. Tuy nhiên, số liệu thống kê này của Hiệp hội bảo hiểm Việt nam là chưa bao gồm dự phòng bồi thường của các tổn thất liên quan đến cơn bão số 3 - Yagi. Theo thống kê đến ngày 13/12/2024, tổng số tiền thiệt hại ước tính và chi trả quyền lợi liên quan đến cơn bão này là 10.604 tỷ đồng.

- Tỷ lệ bồi thường đã trả/doanh thu năm 2024 của Bảo Minh giảm so với cùng kỳ năm trước (28.3% so với 33,1%), so với các doanh nghiệp top 5 thì thấp hơn PVI, Bảo Việt và cao hơn BIC và MIC.
- Các nghiệp vụ có tỷ lệ bồi thường/ Doanh thu giảm so với năm trước là: BH Sức khỏe, BH tài sản và thiệt hại; BH Xe cơ giới, BH Tàu và BH Tín dụng & Rủi ro tài chính.
- Các nghiệp vụ có tỷ lệ bồi thường/ Doanh thu tăng so với năm trước là: nghiệp vụ BH Hàng Hóa, BH Trách nhiệm và BH Nông nghiệp.
- Xét theo từng nhóm nghiệp vụ, các nhóm nghiệp vụ: BH Sức khỏe, BH Tài sản và thiệt hại, BH Hàng, BH Tàu và Nông nghiệp là các nhóm có tỷ lệ bồi thường/Doanh thu cao hơn so với thị trường. Các nghiệp vụ còn lại đều có tỷ lệ bồi thường thấp hơn thị trường.



## Dự phòng nghiệp vụ

Dự phòng nghiệp vụ tăng 13,96% so với cùng kỳ năm ngoái, trong đó dự phòng bồi thường tăng 57,40% so với năm ngoái. Nguyên nhân có thể giải thích từ việc bồi thường cho khách hàng bị ảnh hưởng thiệt hại từ cơn bão Yagi, do đó Bảo Minh buộc phải trích lập mức dự phòng cao hơn. Dự phòng phí chưa được hưởng giảm nhẹ ở mức 0,65% do doanh thu quý 4/2024 giảm so với quý 4/2023. Ngoài ra khoản mục Dự phòng dao động lớn giảm 37,38% so với cùng kỳ năm ngoái. Nguyên nhân xuất phát từ việc Bảo Minh di chuyển dòng tiền từ mục dự phòng dao động lớn sang dự phòng bồi thường để phục vụ cho công tác bồi thường thiệt hại cho nạn nhân bị ảnh hưởng từ bão Yagi, đồng thời chuyển sang các khoản mục Tiền và các khoản tương đương tiền, đặc biệt trong khoản mục tiền gửi ngân hàng để tăng lợi nhuận thay vì chỉ tập trung vào các tài sản khác.

Đvt: Triệu đồng

Quý dự phòng nghiệp vụ	2023	2024	Chênh lệch	% Tăng giảm
Dự phòng phí chưa được hưởng	1.955.836	1.943.170	-12.666	-0,65%
Dự phòng bồi thường	889.293	1.399.732	510.439	57,40%
Dự phòng dao động lớn	195.899	122.665	-73.233	-37,38%
<b>Tổng dự phòng</b>	<b>3.041.028</b>	<b>3.465.568</b>	<b>424.540</b>	<b>13,96%</b>

## Tình hình công nợ và trích lập dự phòng khó đòi

Các khoản phải thu ngắn hạn năm 2024 đạt mức 943.597 triệu đồng tăng nhẹ 0,5 % so với cùng kỳ năm ngoái. Cụ thể đến từ mức tăng của các khoản phải thu khác. Khi chỉ tiêu này tăng 146.486 triệu đồng (tăng 36,8 % so với năm 2023), trong đó có 96 tỷ thu lãi từ góp vốn Công ty Bảo hiểm Liên hiệp, 14 tỷ đồng giảm các khoản phải thu khác và còn lại là thực thu lãi tiền gửi. Khoản mục Phải thu khách hàng đạt mức 704.486 triệu đồng giảm 16,7 % chủ yếu do phát sinh từ sự suy giảm từ mục phải thu hoạt động nhận tái bảo hiểm và phải thu hoạt động nhượng tái bảo hiểm do thực hiện đối soát với các nhà tái bảo hiểm trong năm.

Đvt: Triệu đồng

Khoản mục	2023	2024	Chênh lệch	% Tăng giảm
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>938.508</b>	<b>943.597</b>	<b>5.089</b>	<b>0,5%</b>
- Phải thu khách hàng	845.820	704.486	- 141.333	-16,7%
- Trả trước cho người bán	3.478	4.299	821	23,61%
- Phải thu nội bộ ngắn hạn	-	-	-	-
- Các khoản phải thu khác	398.266	544.753	146.486	36,8%
- Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-309.055	-309.941	-885	0,29%

# ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

(TIẾP THEO)



## Tình hình công nợ và trích lập dự phòng khó đòi (tiếp theo)

Dự phòng nợ khó đòi	2023	2024	Chênh lệch
DP phải thu phí BH khó đòi	-127.672	-127.151	521
DP phải thu khác khó đòi	-107.063	-108.469	-1.406
DP phải thu lãi đầu tư quá hạn	-74.321	-74.321	0
<b>Cộng</b>	<b>-309.055</b>	<b>-309.941</b>	<b>-885</b>

Đến 31/12/2024, Bảo Minh đã trích lập tương đối đầy đủ các khoản phải thu quá hạn theo quy định thông tư 48/2019/TT-BTC, bao gồm:

- Trích đầy đủ công nợ phí BH gốc trước thông tư 194 (trước 01/02/2015).
- Trích Dự phòng nợ khó đòi các khoản phải thu khác: bao gồm các khoản nợ phải thu khách hàng khác, phải thu đòi người thứ 3, phải thu tái bảo hiểm.

## Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm

Chỉ tiêu	2023	2024	Chênh lệch	% Tăng giảm
<b>Chi phí khác HĐKD bảo hiểm</b>	<b>2.908.072</b>	<b>3.216.266</b>	<b>308.193</b>	<b>10,60%</b>
Chi phí hoa hồng bảo hiểm	815.366	915.015	99.649	12,22%
Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	2.092.706	2.301.251	208.544	9,97%

Tổng chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm năm 2024 bao gồm chi phí hoa hồng, chi phí khai thác, chi bán hàng, quản lý tại các công ty thành viên là: 3.216 tỷ đồng, tăng 10,6% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân chính là do doanh thu các dịch vụ lớn tăng 327,8 tỷ đồng so với 2023, mà các dịch vụ này vốn có chi phí hoa hồng và chi phí khai thác cao nên kéo theo khoản mục chi phí hoa hồng và chi phí khác HĐKD bảo hiểm tăng nhanh.

## Những tiến bộ công ty đã đạt được

Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh luôn ưu tiên ổn định tài chính và quản trị rủi ro hiệu quả để đảm bảo hoạt động bảo hiểm diễn ra hiệu quả và bền vững. Công ty áp dụng các chính sách, quy trình và tiêu chuẩn chất lượng cao trong mọi hoạt động kinh doanh, giúp kiểm soát rủi ro tài chính và cung cấp các sản phẩm bảo hiểm chất lượng cao cho khách hàng.

Để duy trì sự ổn định tài chính, Bảo Minh thực hiện các biện pháp cụ thể như quản lý rủi ro chặt chẽ, đầu tư hợp lý, tăng cường kiểm soát nội bộ và tuân thủ đầy đủ các quy định, luật pháp liên quan. Đồng thời, Công ty cũng thường xuyên cập nhật và đánh giá lại chiến lược kinh doanh để thích ứng linh hoạt với thị trường và các biến động kinh tế xã hội.



# TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

## Tình hình tài sản

Đvt: Triệu đồng

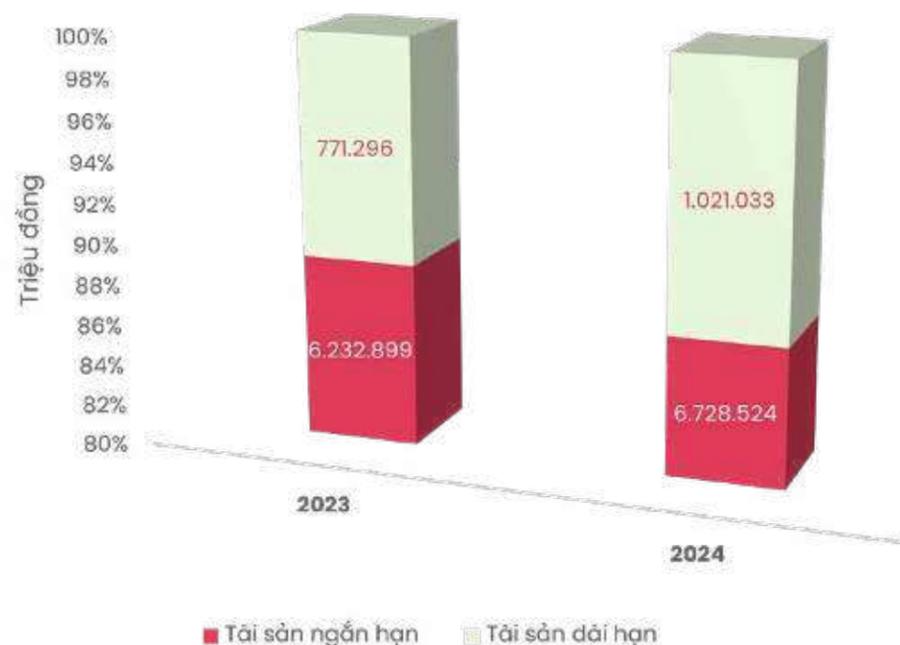
Chỉ tiêu	Năm 2023		Năm 2024		% Thay đổi
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>6.232.899</b>	<b>88,99%</b>	<b>6.728.524</b>	<b>86,82%</b>	<b>7,95%</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	181.629	2,59%	446.094	5,76%	145,61%
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	3.300.021	47,11%	3.260.961	42,08%	-1,18%
Các khoản phải thu ngắn hạn	938.508	13,40%	943.597	12,18%	0,54%
Hàng tồn kho	4.965	0,07%	4.528	0,06%	-8,80%
Tài sản ngắn hạn khác	697.749	9,96%	651.000	8,40%	-6,70%
Tài sản tái bảo hiểm	1.110.027	15,85%	1.422.344	18,35%	28,14%
<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>771.296</b>	<b>11,01%</b>	<b>1.021.033</b>	<b>13,18%</b>	<b>32,38%</b>
Các khoản phải thu dài hạn	19.823	0,28%	19.966	0,26%	0,72%
Tài sản cố định	283.350	4,05%	272.614	3,52%	-3,79%
Bất động sản đầu tư	152.133	2,17%	149.671	1,93%	-1,62%
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	260.615	3,72%	532.515	6,87%	104,33%
Tài sản dài hạn khác	55.374	0,79%	46.267	0,60%	-16,45%
<b>Tổng cộng</b>	<b>7.004.195</b>	<b>100,00%</b>	<b>7.749.557</b>	<b>100%</b>	<b>10,64%</b>

Tình hình tài sản trong năm 2024 ghi nhận tổng tài sản đạt mức 7.749.557 triệu đồng, tăng 10,64% so với cùng kỳ năm ngoái. Cơ cấu tài sản cũng không có sự thay đổi rõ rệt khi tài sản ngắn hạn vẫn chiếm cơ cấu tỷ trọng lớn nhất ở mức 86,82%, trong khi tài sản dài hạn có tỷ trọng 13,18%, cơ cấu trên giúp đảm bảo khả năng thanh khoản của công ty và giúp cho hoạt động kinh doanh và quản trị rủi ro của doanh nghiệp an toàn.

Sự tăng trưởng của tổng tài sản chủ yếu xuất phát từ tài sản dài hạn, đặc biệt là sự gia tăng đầu tư vào công ty liên doanh cùng với chỉ tiêu dự phòng đầu tư tài chính dài hạn tăng đã khiến cho các khoản đầu tư tài chính dài hạn thay đổi, tăng từ 260.615 triệu đồng lên 532.515 triệu đồng với phần trăm thay đổi là 104,33%.



Tình hình tài sản



# TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

## Tài sản ngắn hạn

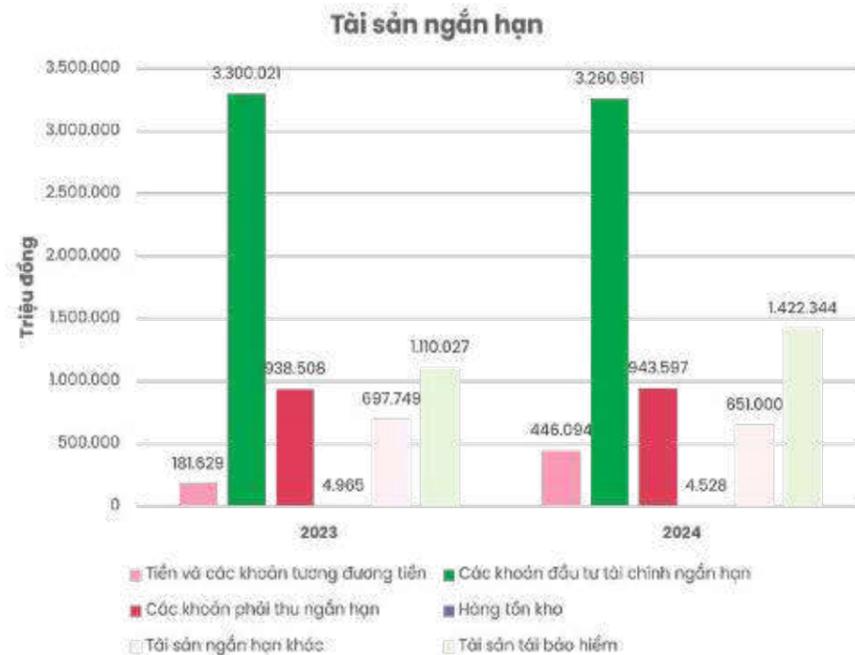
ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023		Năm 2024		% Thay đổi
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>6.232.899</b>	<b>100,00%</b>	<b>6.728.524</b>	<b>100,00%</b>	<b>7,95%</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	181.629	2,91%	446.094	6,63%	145,61%
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	3.300.021	52,95%	3.260.961	48,46%	-1,18%
Các khoản phải thu ngắn hạn	938.508	15,06%	943.597	14,02%	0,54%
Hàng tồn kho	4.965	0,08%	4.528	0,07%	-8,80%
Tài sản ngắn hạn khác	697.749	11,19%	651.000	9,68%	-6,70%
Tài sản tái bảo hiểm	1.110.027	17,81%	1.422.344	21,14%	28,14%

Tài sản ngắn hạn trong năm 2024 có sự tăng trưởng nhẹ với sự thay đổi tăng 7,95% từ 6.232.899 triệu đồng lên 6.728.524 triệu đồng, chủ yếu do sự tăng mạnh của chỉ tiêu "Tiền và các khoản tương đương tiền" với mức tăng lên đến 145,61% mặc dù đây là chỉ tiêu chiếm tỷ trọng thấp thứ 2 trong tài sản ngắn hạn, với mức tăng chủ yếu từ khoản mục tiền gửi ngân hàng.

Chỉ tiêu về "Tài sản tái bảo hiểm" chiếm cơ cấu tỷ trọng thứ 2 trong tài sản ngắn hạn (21,14%) cũng tăng từ 1.110.027 triệu đồng lên 1.422.344 triệu đồng tương đương mức tăng 28,14%. Nguyên nhân chủ yếu đến từ các khoản dự phòng phí chưa được hưởng và dự phòng bồi thường tăng so với cùng kỳ năm ngoái.

Đồng thời, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn mặc dù chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu tài sản ngắn hạn là 48,46% nhưng không có sự thay đổi nhiều so với năm 2023. Do đó Tổng tài sản ngắn hạn trong năm 2024 không có sự thay đổi quá lớn.

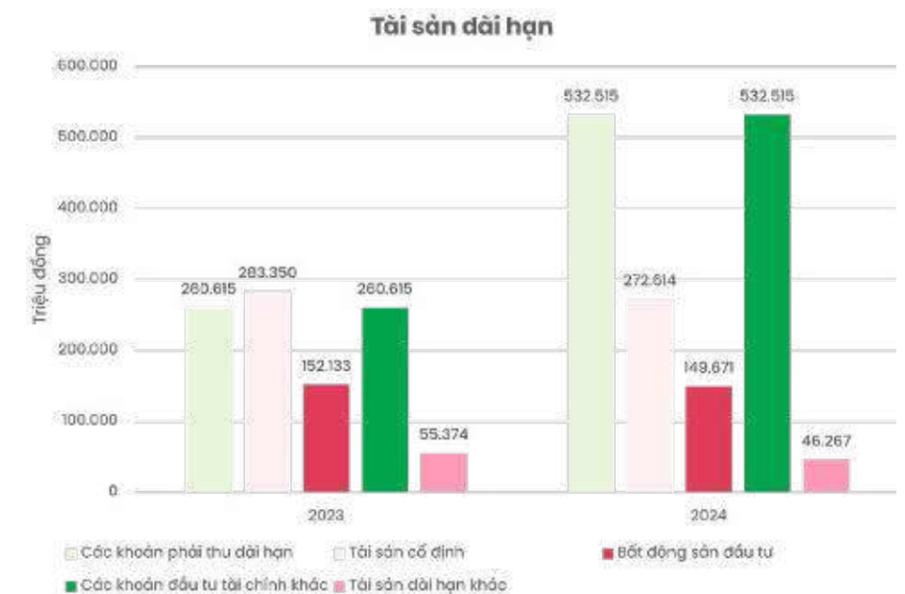


## Tài sản dài hạn

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023		Năm 2024		% Thay đổi
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>771.296</b>	<b>100,00%</b>	<b>1.021.033</b>	<b>100,00%</b>	<b>32,38%</b>
Các khoản phải thu dài hạn	19.823	2,57%	19.966	1,96%	0,72%
Tài sản cố định	283.350	36,74%	272.614	26,70%	-3,79%
Bất động sản đầu tư	152.133	19,72%	149.671	14,66%	-1,62%
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	260.615	33,79%	532.515	52,15%	104,33%
Tài sản dài hạn khác	55.374	7,18%	46.267	4,53%	-16,45%

Chỉ tiêu tài sản dài hạn trong năm 2024 ghi nhận sự thay đổi lớn khi chỉ tiêu này đạt 1.021.033 triệu đồng tăng 32,38% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó sự thay đổi này chủ yếu đến từ sự tăng trưởng vượt bậc từ "Các khoản đầu tư tài chính dài hạn" khi đạt 532.515 triệu đồng tương đương với mức tăng 104,33% so với năm 2023, và cơ cấu của chỉ tiêu này chiếm tỷ trọng cao nhất 52,15% trong tổng cơ cấu tài sản dài hạn. Nguyên nhân chủ yếu đến từ việc Tổng Công ty tập trung đầu tư vào công ty liên doanh là Công ty Bảo hiểm Liên hiệp và các đơn vị khác khi trong năm 2024 tổng mức đầu tư góp vốn vào các đơn vị này là 199.615 triệu đồng, tăng 96.900 triệu đồng so với năm 2023.



# TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

## Tình hình nợ phải trả

ĐVT: Triệu đồng

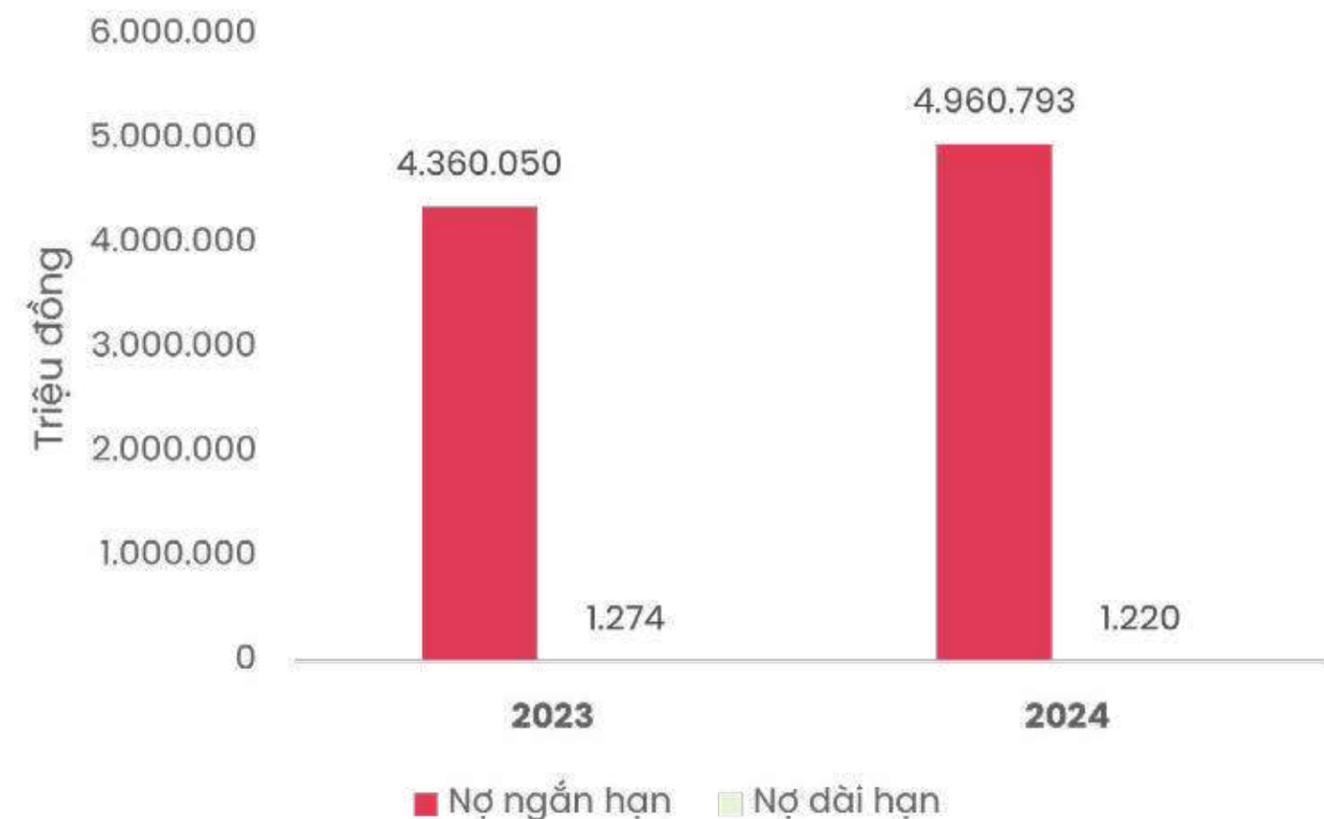
Chỉ tiêu	Năm 2023		Năm 2024		%Thay đổi
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>4.361.325</b>	<b>62,27%</b>	<b>4.962.014</b>	<b>64,03%</b>	<b>13,77%</b>
<b>- Nợ ngắn hạn</b>	<b>4.360.050</b>	<b>62,25%</b>	<b>4.960.793</b>	<b>64,01%</b>	<b>13,78%</b>
Phải trả cho người bán	821.840	11,73%	917.900	11,84%	11,69%
- Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	821.840	11,73%	917.900	11,84%	11,69%
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	9.046	0,13%	5.170	0,07%	-42,85%
Phải trả người lao động	192.869	2,75%	67.253	0,87%	-65,13%
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	38.022	0,54%	263.300	3,40%	592,49%
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	76.544	1,09%	69.895	0,90%	-8,69%
Doanh thu hoa hồng chưa hưởng	137.887	1,97%	137.436	1,77%	-0,33%
Quỹ khen thưởng phúc lợi	42.813	0,61%	34.269	0,44%	-19,96%
Dự phòng nghiệp vụ	3.041.028	43,42%	3.465.568	44,72%	13,96%
- Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	1.955.836	27,92%	1.943.170	25,07%	-0,65%
- Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	889.293	12,70%	1.399.732	18,06%	57,40%
- Dự phòng dao động lớn	195.899	2,80%	122.665	1,58%	-37,38%
<b>- Nợ dài hạn</b>	<b>1.274</b>	<b>0,02%</b>	<b>1.220</b>	<b>0,02%</b>	<b>-4,24%</b>
Phải trả dài hạn khác	1.274	0,02%	1.220	0,02%	-4,24%
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>2.642.870</b>	<b>37,73%</b>	<b>2.787.543</b>	<b>35,97%</b>	<b>5,47%</b>
- Vốn chủ sở hữu	2.642.870	37,73%	2.787.543	35,97%	5,47%
Vốn cổ phần	1.205.854	17,22%	1.326.428	17,12%	10,00%
Thặng dư vốn cổ phần	792.244	11,31%	792.244	10,22%	0,00%
Quỹ dự phòng tài chính	28.085	0,40%	28.085	0,36%	0,00%
Quỹ dự trữ bắt buộc	120.585	1,72%	132.469	1,71%	9,86%
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	496.101	7,08%	508.317	6,56%	2,46%
<b>Tổng cộng</b>	<b>7.004.195</b>	<b>100,00%</b>	<b>7.749.557</b>	<b>100,00%</b>	<b>10,64%</b>



Năm 2024, Tổng Nợ phải trả của Bảo Minh tăng 13,77% so với cùng kỳ năm trước ghi nhận giá trị 4.962.014 triệu đồng, chiếm 64,03% so với cơ cấu nguồn vốn. Trong các khoản Nợ phải trả của Bảo Minh, Nợ ngắn hạn chiếm 99,97% cũng tăng 13,78% so với năm 2023 chủ yếu đến từ việc doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn tăng 592,49% và sự gia tăng của các khoản dự phòng nghiệp vụ.

Ngoài ra trong năm 2024, Công ty cũng đã thực hiện việc phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức và lợi nhuận sau thuế giữ lại đã giúp vốn chủ sở hữu của Bảo Minh tăng 5% so với cùng kỳ năm ngoái đạt 2.787.543 triệu đồng.

## Tình hình nợ phải trả





# NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

## Về sản phẩm và dịch vụ bảo hiểm

Để nâng cao chất lượng dịch vụ và sản phẩm, Bảo Minh đã tập trung vào việc giải quyết các vấn đề bồi thường, chăm sóc khách hàng, đồng thời tiến hành nghiên cứu và phát triển các sản phẩm nhằm phục vụ cho nhu cầu của khách hàng cũng như đáp ứng diễn biến của thời đại.

Bên cạnh đó Bảo Minh cũng không ngừng mở rộng các kênh phân phối như bán bảo hiểm thông qua ngân hàng, hệ thống đại lý, môi giới để đem đến nhiều sự tiếp cận với khách hàng. Đồng thời ứng dụng công nghệ để đẩy nhanh tiến độ thẩm định thiệt hại, giảm thời gian giải quyết bồi thường nhằm đảm bảo lợi ích cho khách hàng một cách nhanh chóng.

## Về công tác nhân sự

Tăng cường các công tác, hoạt động nhằm nâng cao kiến thức và nghiệp vụ chuyên môn của cán bộ nhân viên, đồng thời tăng cường rà soát, đánh giá năng suất lao động, tuyển dụng và sắp xếp nhân sự để đảm bảo tính hiệu quả trong nhân lực



# KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

## Kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm 2025

Khoản mục	Kế hoạch năm 2025
Tổng doanh thu	Tối thiểu đạt 7.340 tỷ đồng
Lợi nhuận trước thuế	Tối thiểu 300 tỷ đồng
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu tối thiểu đạt	10%
Tỷ lệ chia cổ tức dự kiến	Tối thiểu 10%

## Các giải pháp cần thực hiện cho năm 2025

Để tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh, nhanh chóng đạt được kế hoạch đã đề ra cũng như duy trì vị thế của doanh nghiệp trong nhóm ngành bảo hiểm phi nhân thọ, Ban điều hành đã đề xuất thực hiện các giải pháp và quản lý kinh doanh như sau:

### Về công tác phát triển đội ngũ nhân sự

Thường xuyên đánh giá và rà soát để đảm bảo hiệu quả và chất lượng công việc của cán bộ nhân viên, đồng thời đẩy mạnh công tác đào tạo, tập huấn thông qua các buổi chia sẻ kiến thức, huấn luyện để không ngừng nâng cao kiến thức và kỹ năng chuyên môn của đội ngũ nhân viên nhằm đảm bảo và nâng cao chất lượng trong công tác tư vấn bán hàng, giải quyết bồi thường....

### Về công tác phát triển công nghệ thông tin

Tập trung đầu tư vào công nghệ thông tin, tăng cường số hóa các quy trình từ khai thác tới bồi thường để nâng cao trải nghiệm cho khách hàng, tăng khả năng cạnh tranh với các doanh nghiệp khác trên thị trường. Ngoài ra Ban Công nghệ - Thông tin sẽ tiếp tục nghiên cứu để xây dựng các phương án góp phần hoàn thiện hệ thống thông tin, từ đó hỗ trợ đem lại hiệu quả trong công tác kinh doanh của doanh nghiệp.

### Về việc phát triển các sản phẩm mới

Bảo Minh đã, đang và sẽ tích cực nghiên cứu, khảo sát nhu cầu khách hàng để từ đó đưa ra sản phẩm phù hợp với thị trường đồng thời cũng đảm bảo việc tuân thủ Luật kinh doanh Bảo hiểm mới.

### Về công tác giám định và bồi thường

Tăng cường rà soát, đánh giá chất lượng, chi phí của các đơn vị giám định để từ đó nghiên cứu và chọn ra đơn vị giám định có chi phí phù hợp, đủ năng lực trình độ chuyên môn nhằm đảm bảo công tác bồi thường cho khách hàng diễn ra nhanh chóng và chính xác. Đồng thời cần trọng và nâng cao công tác rà soát các hồ sơ bồi thường kỹ lưỡng để ngăn ngừa các hành vi trục lợi bảo hiểm, góp phần kiểm soát tỷ lệ bồi thường các nghiệp vụ, đảm bảo hiệu quả kinh doanh.

### Về hoạt động đầu tư

Tích cực theo dõi diễn biến thị trường tài chính, tình hình lãi suất và nhu cầu huy động vốn của các ngân hàng, từ đó tận dụng được mức lãi suất của ngân hàng với kỳ vọng phù hợp. Ngoài ra cũng đảm bảo yêu cầu về an toàn, hiệu quả tài chính, thanh khoản, góp phần vào việc nâng cao hiệu quả đầu tư nói riêng và hiệu quả kinh doanh nói chung

### Về công tác quản lý các khoản chi phí, thu hồi và xử lý công nợ

Tập trung chỉ đạo các bộ phận liên quan để xây dựng các biện pháp nhằm kiểm soát các khoản chi phí theo quy định, tăng cường thu hồi, xử lý công nợ, góp phần lành mạnh hóa tình hình tài chính của Bảo Minh cũng như để đảm bảo hiệu quả hoạt động kinh doanh.

## GIẢI TRÌNH CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN

Không có

# BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

## Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ, Bảo Minh luôn nhận thức được tầm quan trọng trong việc duy trì hoạt động phát triển bền vững của doanh nghiệp. Trong quá trình nghiên cứu và phát triển sản phẩm, Bảo Minh cũng luôn đảm bảo hoạt động kinh doanh của mình vừa có thể đáp ứng với nhu cầu của khách hàng vừa có thể tiệm cận theo mô hình phát triển bền vững, bảo vệ môi trường, xây dựng được một môi trường lành mạnh lan tỏa những giá trị tích cực trong việc đóng góp vào sự phát triển chung của xã hội.

## Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Để xây dựng một cộng đồng văn minh vững mạnh, Bảo Minh đã thực hiện tổ chức các hoạt động hỗ trợ giáo dục, y tế, an sinh xã hội cho người dân. Trong suốt bao năm qua, Bảo Minh đã xây dựng hình ảnh một doanh nghiệp đáng tin cậy và có trách nhiệm với xã hội và luôn hướng đến cộng đồng, hình ảnh này đã được đánh giá cao từ các đối tác, khách hàng và cộng đồng, Tổng Công ty tự hào khi đã góp một phần quan trọng trong sự phát triển bền vững của xã hội và đây cũng chính là động lực để Bảo Minh phát triển trong tương lai sau này.

## Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Để đảm bảo đời sống của nhân viên luôn được quan tâm ở nhiều mặt cả về vật chất lẫn tinh thần, trong năm 2024, Bảo Minh cũng đã thực hiện các biện pháp như sau:

- Đảm bảo chế độ lương thưởng và đãi ngộ khác cho người lao động theo đúng quy định. Các khoản lương thưởng đều được công khai minh bạch nhằm đảm bảo tính công bằng và phù hợp với năng lực chuyên môn của mỗi cá nhân
- Tổ chức các hoạt động ngoại khóa, tích cực tặng quà vào các dịp lễ đặc biệt như Quốc tế Phụ nữ, Tết Trung thu,... để tăng sự gắn kết, nâng cao đời sống tinh thần, từ đó tạo động lực làm việc cho người lao động
- Tổ chức các khóa đào tạo, buổi tập huấn để nâng cao năng lực, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn cho các cán bộ nhân viên





**BẢO MINH 30 NĂM  
KHẲNG ĐỊNH VỊ THẾ**

04

## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội  
Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty  
Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

**BẢO MINH**

*"Tận tình phục vụ"*

# ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY, TRONG ĐÓ CÓ ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Theo báo cáo từ Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm, Bộ Tài chính, thị trường bảo hiểm hiện có 85 doanh nghiệp, bao gồm 32 doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, 19 doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ, 2 doanh nghiệp tái bảo hiểm và 32 doanh nghiệp môi giới bảo hiểm.

Trong giai đoạn 2023-2024, thị trường bảo hiểm gặp nhiều khó khăn và biến động. Tuy nhiên, các doanh nghiệp bảo hiểm tiếp tục duy trì năng lực tài chính và đạt được các kết quả theo hướng phát triển chất lượng hơn, minh bạch, bền vững hơn. Mặc dù, tốc độ phục hồi còn chậm, song có thể thấy đã có những tín hiệu về triển vọng tích cực.

Năm 2024, doanh thu thị trường bảo hiểm phi nhân thọ đạt 79.349 tỷ đồng, tăng 11,7% so với cùng kỳ, bồi thường 23.832 tỷ đồng, tỷ lệ bồi thường 30% (chưa bao gồm dự phòng bồi thường).

Có thể nói, năm 2024 là một năm đặc biệt đối với ngành bảo hiểm Việt Nam. Chưa kịp phục hồi sau khủng hoảng truyền thông về mảng bảo hiểm nói chung, và các quy định mới từ cơ quan quản lý ngày càng siết chặt về công tác khai thác của mảng bảo hiểm phi nhân thọ v.v... thì cơn bão số 3 (Yagi) bất ngờ ập đến, khiến các doanh nghiệp ngành này khó chống thêm khó.

Trước tình hình trên, Bảo Minh cũng bị ảnh hưởng về hiệu quả kinh doanh và đã được ĐHCĐ bất thường năm 2024 điều chỉnh kế hoạch kinh doanh.

Căn cứ kết quả BCTC năm 2024 đã kiểm toán, tình hình kinh doanh năm 2024 của Bảo Minh như sau:

Đvt: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	KH 2024	TH 2024	TH 2023	(%)/KH 2024	(%) cùng kỳ
<b>1</b>	<b>Tổng doanh thu</b>	<b>6.800.000</b>	<b>6.982.021</b>	<b>6.630.121</b>	<b>102,68%</b>	<b>105,31%</b>
1.1	- Phí bảo hiểm gốc	5.824.500	5.960.679	5.559.730	102,34%	107,21%
1.2	- Phí nhận tái bảo hiểm	662.500	681.548	637.842	102,88%	106,85%
1.3	- Doanh thu HĐ Tài chính	313.000	335.852	425.519	107,30%	78,93%
1.4	- Doanh thu khác	-	3.942	7.029	-	56,08%
<b>2</b>	<b>Tổng LN trước thuế</b>	<b>268.000</b>	<b>272.734</b>	<b>376.227</b>	<b>101,77%</b>	<b>72,49%</b>
2.1	Lợi nhuận thuần từ KDBH	63.000	53.627	82.420	85,12%	65,07%
2.2	Lợi nhuận hoạt động tài chính	205.000	216.528	288.224	102,28%	74,84%
2.3	Lợi nhuận khác	-	2.578	5.582	-	46,18%
<b>3</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>-</b>	<b>237.674</b>	<b>328.993</b>	<b>-</b>	<b>72,24%</b>
<b>4</b>	<b>ROE</b>	<b>7%</b>	<b>8,75%</b>	<b>13,02%</b>	<b>125%</b>	<b>67,20%</b>

Hội đồng Quản trị đã chỉ đạo Ban Điều hành theo dõi chặt chẽ diễn biến kinh tế và thị trường, kịp thời xây dựng giải pháp kinh doanh linh hoạt và báo cáo thường xuyên về tiến độ thực hiện kế hoạch, đồng thời đề xuất các khó khăn để được hỗ trợ nhanh chóng. Nhờ đó, đến hết năm 2024, Bảo Minh đạt kết quả nổi bật: Tổng doanh thu ghi nhận 6.982.021 triệu đồng, vượt 102,68 % kế hoạch và tăng 5,31 % so với năm 2023; lợi nhuận trước thuế đạt 272.734 triệu đồng, hoàn thành 101,77 % kế hoạch nhưng giảm 27,51% so với cùng kỳ; ROE đạt 8,75 %, vượt 125 % kế hoạch dù thấp hơn mức 13,02 % của năm trước. Những kết quả này khẳng định hiệu quả quản lý và khả năng thích ứng của Bảo Minh trước các thách thức thị trường.



# ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Với vai trò, quyền hạn và trách nhiệm của mình, HĐQT đã tích cực trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, theo dõi sát sao hoạt động của Ban Điều Hành, kịp thời giải quyết những vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho công tác điều hành, quản lý của Ban Điều Hành. Việc giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc (TGD) và các thành viên BDH đã được HĐQT thực hiện theo đúng quy định tại Điều lệ, Quy chế và quy định của pháp luật:

- Thành viên BDH kiêm nhiệm thành viên HĐQT đã tham gia các cuộc họp giao ban hàng tháng, đồng thời các nội dung cuộc họp giao ban hàng tháng đều được gửi tới HĐQT để theo dõi, để nắm bắt tình hình và có chỉ đạo kịp thời nhằm đạt các mục tiêu kinh doanh đã được phê duyệt.
- Các đề xuất của BDH trình HĐQT đều được HĐQT thảo luận tại cuộc họp HĐQT, sau khi đã quyết nghị đều được chuyển cho BDH để tổ chức thực hiện; BDH triển khai Nghị quyết /Quyết định của HĐQT đã kịp thời báo cáo tiến độ và kết quả thực hiện các công việc được phân công.
- Theo dõi sát sao tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của công ty qua các báo cáo định kỳ về tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Ban Điều Hành. Giám sát và đánh giá việc thực hiện mục tiêu kế hoạch hàng tháng/ quý thông qua các báo cáo định kỳ.
- Chỉ đạo Ban kiểm toán nội bộ tăng cường thực hiện các công việc theo chức năng nhiệm vụ và thường xuyên báo cáo để HĐQT nắm bắt tình hình, kịp thời chỉ đạo, góp phần nâng cao tính hiệu quả trong hoạt động của toàn hệ thống.
- Phối hợp tích cực với công tác kiểm tra giám sát của Ban kiểm soát giúp HĐQT theo dõi và nắm bắt tốt hơn tình hình hoạt động của công ty để có thể đề ra các quyết sách kịp thời, đảm bảo duy trì và tăng cường cơ chế quản trị rủi ro cho hoạt động của Bảo Minh.

Trên cơ sở những kết quả đã đạt được trong năm 2024, HĐQT đánh giá Ban Điều hành đã rất cố gắng, nỗ lực trong công tác quản trị, điều hành, bám sát Nghị quyết của ĐHCĐ và Nghị quyết của HĐQT, chỉ đạo toàn hệ thống triển khai đầy đủ, nhanh chóng để hoàn thành tốt nhiệm vụ quản lý, điều hành trong năm 2024.





# CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 và triển khai các nội dung tại Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025.
- Tổ chức thực hiện thắng lợi kế hoạch kinh doanh năm 2025, với các chỉ tiêu phù hợp với định hướng kế hoạch kinh doanh giai đoạn 2024 – 2029 và đặc thù kinh doanh của Bảo Minh.
- Nghiên cứu, xây dựng phương án tăng vốn điều lệ để đạt được mục tiêu về việc tăng vốn điều lệ lên mức 2.000 tỷ đồng vào năm 2029 theo định hướng kế hoạch kinh doanh giai đoạn 2024 – 2029 đã được ĐHĐCĐ phê duyệt.
- Chú trọng và đẩy mạnh triển khai việc ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong năm 2025;
- Tiếp tục theo dõi, nghiên cứu, đánh giá tình hình thị trường, liên tục cập nhật, phát triển các sản phẩm mới, phân bổ các nguồn lực, lợi thế của Bảo Minh vào các công tác chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp;
- Tập trung, tăng cường công tác giám sát, kiểm tra, hậu kiểm đối với các mặt hoạt động của Bảo Minh để phát hiện kịp thời nhằm cảnh báo, ngăn ngừa, hạn chế rủi ro, đảm bảo an toàn cho toàn hệ thống, đặc biệt lưu ý các rủi ro mới, rủi ro trên môi trường mạng và dữ liệu cá nhân.
- Tiếp tục thực hiện chủ trương về việc sắp xếp tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, Bảo Minh sẽ tiếp tục rà soát, đánh giá về cơ cấu tổ chức bộ máy, chất lượng nhân sự để có phương án cho phù hợp.
- Tăng cường đào tạo, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ phù hợp với tình hình mới và xu hướng chuyển đổi số.
- Củng cố và phát triển thương hiệu, khẳng định uy tín trên thị trường: thông qua hoạt động kinh doanh, đẩy mạnh công tác xây dựng hình ảnh của Bảo Minh để nâng cao thương hiệu và khẳng định uy tín của Bảo Minh trên thị trường và đảm bảo nguyên tắc phát triển Hiệu quả - Bền vững trên toàn hệ thống
- Theo dõi sát diễn biến, tình hình thị trường tài chính để kịp thời định hướng, chỉ đạo BDH trong việc xây dựng chiến lược đầu tư phù hợp, khai thác triệt để các lợi thế của Bảo Minh, đem lại hiệu quả cao nhất trong công tác đầu tư.
- Tiếp tục rà soát, nghiên cứu để điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện và ban hành các quy chế nội bộ của Bảo Minh thuộc thẩm quyền của HĐQT, để BDH có cơ sở tổ chức triển khai thực hiện công tác quản lý điều hành ngày càng chuyên nghiệp và hiệu quả.



Bảo hiểm sức khỏe toàn diện

**BẢO MINH AN SINH THỊNH VƯỢNG**

**Có sức khỏe là có tất cả**



**05**

**QUẢN TRỊ CÔNG TY**

Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

**BẢO MINH**

*“Tận tình phục vụ”*

# HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

## Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Ghi chú
1	Ông Đinh Việt Tùng	Chủ tịch HĐQT	-	-	
2	Ông Lê Việt Thành	TV HĐQT không điều hành	-	-	
3	Ông Vũ Anh Tuấn	TV HĐQT điều hành + Tổng giám đốc	5.304	0.004%	
4	Bà Bùi Thị Thu Thanh	TV HĐQT không điều hành	-	-	
5	Ông Trần Văn Tá	TV HĐQT Độc lập	-	-	
6	Ông Tam Kwok Wing	TV HĐQT không điều hành	-	-	Miễn nhiệm từ 24/04/2024
7	Bà Stumpf Callard Céline	TV HĐQT không điều hành	-	-	Miễn nhiệm từ 24/04/2024
8	Ông Trần Hữu Tiến	TV HĐQT Độc lập	-	-	Bổ nhiệm mới từ 24/04/2024
9	Ông Nicolas Marie Charles Henri du Cauze de Nazelle	TV HĐQT không điều hành	-	-	Bổ nhiệm mới từ 24/04/2024

## Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Nhìn chung, các Tiểu ban thuộc HĐQT đã chủ động tư vấn và tham mưu cho HĐQT theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao, qua đó, giúp nâng cao hiệu quả và tính chuyên nghiệp trong công tác quản trị doanh nghiệp trên toàn hệ thống Bảo Minh

### Tiểu ban nhân sự

- Cơ cấu thành viên: 06 người, trong đó CT.HĐQT Đinh Việt Tùng là Trưởng tiểu ban

#### Hoạt động:

- Tham mưu cho HĐQT về việc bổ nhiệm lại 01 Phó Tổng Giám đốc, đảm bảo công tác quy trình nhân sự BĐH thực hiện tuân thủ các quy định của Bảo Minh và quy định của pháp luật;
- Rà soát và tư vấn cho HĐQT về kế hoạch phát triển nguồn nhân lực dài hạn, phát hiện, tuyển chọn, đào tạo và bồi dưỡng cán bộ quản lý;
- Tham mưu cho HĐQT về cơ cấu mô hình tổ chức của bộ phận kiểm soát tuân thủ, điều chỉnh, bổ sung chức năng nhiệm vụ của bộ phận kiểm soát tuân thủ để đảm bảo phù hợp với các quy định hiện hành.

### Tiểu ban Lao động – Lương thưởng

Cơ cấu thành viên: 06 người, trong đó TVĐL.HĐQT Trần Văn Tá là Trưởng tiểu ban

#### Hoạt động:

- Tham mưu đề xuất, giúp HĐQT phê duyệt kế hoạch lao động tiền lương năm 2024 để BĐH chủ động thực hiện các công việc có liên quan, chi trả lương, đảm bảo quyền lợi của người lao động theo quy định.
- Trình HĐQT để xây dựng cơ chế thù lao cho HĐQT, BKS trong nhiệm kỳ 2024 - 2029 trên cơ sở công bằng, công khai, minh bạch, đảm bảo quyền lợi của từng thành viên HĐQT, BKS, góp phần động viên, khuyến khích, tạo động lực cho HĐQT, BKS thực hiện tốt các nhiệm vụ được ĐHCĐ giao.
- Trình HĐQT để thực hiện việc quyết toán thù lao HĐQT, BKS năm 2023 và phân bổ tiền thưởng người quản lý năm 2023 công bằng, công khai, minh bạch, đảm bảo quyền lợi của từng thành viên HĐQT, BKS, BĐH trên cơ sở Nghị quyết đã được ĐHCĐ thông qua.
- Trình HĐQT để phê duyệt mức lương cho Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách.
- Rà soát, xây dựng các quy định có liên quan tới mức lương của Người quản lý chuyên trách.

### Tiểu ban Chính sách và Phát triển

Cơ cấu thành viên: 05 người, trong đó CT.HĐQT Đinh Việt Tùng là Trưởng tiểu ban

#### Hoạt động:

- Đề xuất, tham mưu cho HĐQT về chiến lược phát triển, mục tiêu, kế hoạch kinh doanh trong năm 2024 và định hướng kinh doanh trong giai đoạn 05 năm tiếp theo (2024 – 2029).
- Đề xuất, giúp HĐQT trong việc đưa ra các chính sách, giải pháp cụ thể nhằm hỗ trợ thực hiện việc phát triển kinh doanh theo định hướng, chiến lược đã được ĐHCĐ thông qua và xác định các ưu tiên hoạt động cho từng giai đoạn phát triển.
- Tích cực hỗ trợ BĐH, các công ty thành viên trong việc tiếp cận, xây dựng mối quan hệ với các khách hàng, đối tác để thúc đẩy hoạt động kinh doanh trong năm 2024 và các năm tiếp theo.



# HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

## Hoạt động của Hội đồng quản trị

### Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm

Trong năm 2024, thực hiện quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế nội bộ về quản trị của Bảo Minh, HĐQT đã tổ chức thành công ĐHCĐ thường niên năm 2024, ĐHCĐ bất thường năm 2024 để thông qua việc điều chỉnh kế hoạch kinh doanh, 04 phiên họp thường kỳ, một số phiên họp bất thường và lấy ý kiến bằng văn bản đối với các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT. HĐQT đã ban hành 37 Nghị quyết và Quyết định nhằm định hướng, chỉ đạo kịp thời các hoạt động của Bảo Minh. Các Nghị quyết, Quyết định được HĐQT thống nhất là những định hướng quan trọng giúp BDH tổ chức thực hiện nhiệm vụ kinh doanh của Bảo Minh có hiệu quả.

Từ 01/01/2024 – 31/12/2024, HĐQT đã tổ chức 07 cuộc họp gồm:

- Cuộc họp HĐQT thường kỳ lần 01 năm 2024, ngày 15/03/2024;
- Cuộc họp HĐQT bất thường lần 01 năm 2024, ngày 03/04/2024, chuẩn bị các nội dung trình ĐHCĐTN năm 2024;
- Cuộc họp HĐQT đầu tiên nhiệm kỳ 2024 – 2029 ngày 24/04/2024, bầu CT.HĐQT;
- Cuộc họp HĐQT thường kỳ lần 02 năm 2024, ngày 13/06/2024;
- Cuộc họp HĐQT để bổ nhiệm lại 01 Phó Tổng Giám đốc, ngày 02/08/2024;
- Cuộc họp HĐQT thường kỳ lần 03 năm 2024, ngày 03/10/2024;
- Cuộc họp HĐQT thường kỳ lần 04 năm 2024, ngày 27/12/2024.



### Đánh giá kết quả hoạt động của các thành viên HĐQT năm 2024

Hội đồng Quản trị đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ, Quy chế và Nghị quyết của ĐHCĐ.

HĐQT thực hiện công tác quản trị doanh nghiệp theo các quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ, Quy chế đảm bảo lợi ích cho Bảo Minh và cổ đông; tạo điều kiện thuận lợi, tăng cường phân cấp, phân quyền để BDH chủ động trong công tác điều hành hoạt động kinh doanh song vẫn đảm bảo sự quản lý của HĐQT.

Ngay sau khi được ĐHCĐTN năm 2024 kiện toàn nhân sự, Chủ tịch HĐQT đã thực hiện phân công nhiệm vụ cho từng thành viên HĐQT để tăng cường hiệu quả hoạt động cũng như nhằm nâng cao hơn nữa trách nhiệm của mỗi thành viên trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị.

Nhìn chung, trong năm 2024, các thành viên HĐQT đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và cho ý kiến bằng văn bản đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT với tinh thần trách nhiệm cao, đoàn kết, hợp tác,

thực hiện các nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích cao nhất của các cổ đông và sự phát triển bền vững của Bảo Minh. Ngoài ra, các thành viên HĐQT cũng tham gia vào các cuộc họp Sơ kết và Tổng kết của Bảo Minh trong năm 2024 để nắm bắt tình hình thực hiện các kế hoạch, nhiệm vụ được giao của toàn hệ thống, kịp thời định hướng và chỉ đạo sát sao việc thực hiện kế hoạch kinh doanh cho các giai đoạn tiếp theo.

Bên cạnh việc thực hiện và hoàn thành các nhiệm vụ chung đối với các hoạt động của HĐQT, các thành viên HĐQT đã thực hiện tốt vai trò và nhiệm vụ được giao theo phân công nhiệm vụ của HĐQT.

Đối với công tác tổ chức ĐHCĐTN và ĐHCĐ bất thường năm 2024, HĐQT đã chuẩn bị đầy đủ chương trình, nội dung, tài liệu họp, triệu tập họp tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ của Bảo Minh, đồng thời, thường xuyên theo dõi để kịp thời chỉ đạo, giám sát Ban Điều Hành trong quá trình tổ chức thực hiện các nội dung tại Nghị quyết ĐHCĐ.



# HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

## Hoạt động của Hội đồng quản trị (tiếp theo)

### Mối quan hệ công tác

Các thành viên HĐQT luôn phối hợp chặt chẽ, thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công; thành viên HĐQT được phân công chịu trách nhiệm chính đã chủ động phối hợp xử lý. Đối với mỗi vấn đề, nội dung được Ban Điều hành trình xin ý kiến chỉ đạo, HĐQT đều ban hành các Nghị quyết, Quyết định để Ban điều hành và bộ máy thực hiện, đồng thời HĐQT luôn theo dõi, kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc thực hiện các nghị quyết, quyết định đó.

HĐQT thường xuyên phối hợp chặt chẽ với Ban Kiểm soát song vẫn đảm bảo tính độc lập hoạt động của Ban Kiểm soát. Đối với mỗi cuộc họp, HĐQT đều gửi thông báo mời họp và tài liệu họp HĐQT đến Ban Kiểm soát theo đúng quy định như đối với thành viên HĐQT, tôn trọng, lắng nghe và tiếp thu ý kiến của Ban Kiểm soát, đồng thời chỉ đạo BDH triển khai các nội dung theo đề xuất của Ban Kiểm soát nhằm tăng cường hiệu quả và tính tuân thủ trong quá trình thực hiện công tác quản lý, điều hành tại Bảo Minh.



STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Đinh Việt Tùng	Chủ tịch HĐQT	7/7	100%	
2	Ông Lê Việt Thành	Thành viên HĐQT không điều hành	7/7	100%	
3	Ông Vũ Anh Tuấn	Thành viên HĐQT điều hành + Tổng giám đốc	7/7	100%	
4	Bà Bùi Thị Thu Thanh	Thành viên HĐQT không điều hành	7/7	100%	
5	Ông Trần Văn Tá	Thành viên HĐQT Độc lập	7/7	100%	
6	Ông Tam Kwok Wing	Thành viên HĐQT không điều hành	2/2	100%	Miễn nhiệm từ ngày 24/04/2024
7	Bà Stumpf Callard Céline	Thành viên HĐQT không điều hành	2/2	100%	Miễn nhiệm từ ngày 24/04/2024
8	Ông Trần Hữu Tiến	Thành viên HĐQT Độc lập	5/5	100%	Bổ nhiệm từ ngày 24/04/2024.
9	Ông Nicolas Marie Charles Henri du Cauze de Nazelle	Thành viên HĐQT không điều hành	5/5	100%	Bổ nhiệm từ ngày 24/04/2024. Bận công tác, ủy quyền cho bà Bùi Thị Thu Thanh tham dự

# HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

## Các Nghị quyết/ Quyết định của Hội đồng quản trị

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Trích yếu nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	NQ số 0128/2024-BM/HĐQT	18/01/2024	v.v Phiên họp thường kỳ lần thứ 38, nhiệm kỳ IV ngày 15/12/2023	100%
2	NQ số 0289/2024-BM/HĐQT	29/02/2024	v.v Kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.	100%
3	NQ số 0433/2024-BM/HĐQT	22/03/2024	v.v Phiên họp thường kỳ lần thứ 39, nhiệm kỳ IV ngày 15/03/2024.	100%
4	NQ số 0522/2024-BM/HĐQT	03/04/2024	v.v Nội dung trình ĐHCĐTN năm 2024	100%
5	NQ số 0655/2024-BM/HĐQT	24/04/2024	v.v Bầu Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2024 - 2029	100%
6	NQ số 0831/2024-BM/HĐQT	22/05/2024	v.v Phân công công tác các thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2024 – 2029.	100%
7	NQ số 0832/2024-BM/HĐQT	22/05/2024	v.v Kiện toàn nhân sự các Tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2024 – 2029 và cập nhật chức năng nhiệm vụ các Tiểu ban theo các Quy chế nội bộ hiện hành của Tổng Công ty cổ phần Bảo Minh.	100%
8	QĐ số 0833/2024-BM/HĐQT	22/05/2024	v.v Kiện toàn nhân sự tiểu ban Chính sách và phát triển trực thuộc HĐQT nhiệm kỳ 2024 - 2029	100%
9	QĐ số 0834/2024-BM/HĐQT	22/05/2024	v.v Kiện toàn nhân sự tiểu ban Tổ chức và nhân sự trực thuộc HĐQT nhiệm kỳ 2024 - 2029	100%
10	QĐ số 0835/2024-BM/HĐQT	22/05/2024	v.v Kiện toàn nhân sự tiểu ban Lao động, lương, thưởng trực thuộc HĐQT nhiệm kỳ 2024 - 2029	100%
11	NQ số 0909/2024-BM/HĐQT	29/05/2024	v.v Chi trả cổ tức năm 2023 bằng tiền mặt.	100%
12	NQ số 0981/2024-BM/HĐQT	10/06/2024	v.v Phê duyệt ngạch lương, bậc lương của Bà Lê Minh Tuyết – Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách.	100%
13	NQ số 0982/2024-BM/HĐQT	10/06/2024	v.v Thông qua giao dịch với người có liên quan năm 2024.	100%
14	NQ số 1109/2024-BM/HĐQT	26/06/2024	v.v Quyết toán nguồn lương năm 2023 và kế hoạch lao động, tiền lương năm 2024.	100%
15	NQ số 1119/2024-BM/HĐQT	27/06/2024	v.v Triển khai phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023.	100%

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Trích yếu nội dung	Tỷ lệ thông qua
16	NQ số 1127/2024-BM/HĐQT	28/06/2024	v.v Lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 của Tổng Công ty cổ phần Bảo Minh.	100%
17	NQ số 1175/2024-BM/HĐQT	04/07/2024	v.v Bổ nhiệm lại 01 Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty cổ phần Bảo Minh.	100%
18	NQ số 1397/2024-BM/HĐQT	02/08/2024	v.v Bổ nhiệm lại 01 Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty cổ phần Bảo Minh.	100%
19	QĐ số 1398/2024-BM/HĐQT	02/08/2024	v.v Bổ nhiệm lại cán bộ	100%
20	NQ số 1211/2024-BM/HĐQT	10/07/2024	v.v Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2024 – 2029	100%
21	NQ số 1337/2024 – BM/HĐQT	26/07/2024	v.v Phiên họp HĐQT thường kỳ lần thứ 40, nhiệm kỳ V ngày 13/06/2024.	100%
22	NQ số 1531/2024-BM/HĐQT	21/08/2024	v.v phê duyệt Dự thảo Quy chế quản lý hoạt động thuê ngoài.	100%
23	QĐ số 1532/2024-BM/HĐQT	21/08/2024	v.v ban hành Quy chế quản lý hoạt động thuê ngoài	100%
24	NQ số 1562/2024-BM/HĐQT	23/08/2024	v.v điều chỉnh thời hạn áp dụng đối với việc chi trả thù lao HĐQT BKS nhiệm kỳ 2024 - 2029	100%
25	NQ số 1676/2024-BM/HĐQT	13/09/2024	v.v quyết toán thù lao HĐQT, BKS và phân bổ tiền thưởng người quản lý năm 2023	100%
26	NQ số 1948/2024-BM/HĐQT	16/10/2024	v.v ban hành Điều lệ Tổ chức và hoạt động của TCT CP Bảo Minh sửa đổi, bổ sung năm 2024	100%
27	QĐ số 1949/2024-BM/HĐQT	16/10/2024	v.v sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổ chức và hoạt động của TCT CP Bảo Minh	100%
28	NQ số 2019/2024-BM/HĐQT	25/10/2024	v.v tình hình thiệt hại do cơn bão số 3 và rủi ro tác động tới tình hình kinh doanh của Bảo Minh	100%
29	NQ số 2021/2024-BM/HĐQT	28/10/2024	v.v bổ sung chức năng nhiệm quyền hạn và đổi tên Ban kiểm toán và kiểm tra nội bộ.	100%
30	QĐ số 2022/2024-BM/HĐQT	28/10/2024	v.v ban hành chức năng nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức của Ban kiểm tra và kiểm soát nội bộ.	100%
31	NQ số 2126/2024-BM/HĐQT	08/11/2024	v.v Điều chỉnh các chỉ tiêu KHKD 2024 Bảo Minh	100%
32	NQ số 2138/2024-BM/HĐQT	08/11/2024	v.v kế hoạch tổ chức ĐHCĐ bất thường 2024 TCT Bảo Minh	100%
33	NQ số 2222/2024-BM/HĐQT	19/11/2024	v.v phiên họp thường kỳ HĐQT lần 03 năm 2024	100%
34	NQ số 2366/2024-BM/HĐQT	06/12/2024	v.v nội dung trình ĐHCĐ bất thường 2024 Bảo Minh	100%
35	NQ số 2510/2024-BM/HĐQT	25/12/2024	v.v Kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2025	100%



### Các nghị quyết/ quyết định của Hội đồng quản trị (tiếp theo)

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Trích yếu nội dung	Tỷ lệ thông qua
36	NQ số 2579/2024-BM/HĐQT	31/12/2024	v.v duy trì hạn mức gửi tiền vào 04 Ngân hàng có vốn nhà nước chi phối	100%
37	NQ số 0077/2025-BM/HĐQT	17/01/2025	v.v phiên họp thường kỳ HĐQT lần 04 năm 2024	100%

### Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Tại ĐHCĐTN năm 2024, ĐHCĐTN đã bầu ra 02 TV.HĐQT độc lập gồm ông Trần Văn Tá và ông Trần Hữu Tiến, trong đó:

Ông Trần Văn Tá được phân công là Trưởng tiểu ban Lao động, lương – thưởng, đồng thời là thành viên tiểu ban Tổ chức nhân sự.

Ông Trần Hữu Tiến là thành viên tiểu ban Lao động, lương – thưởng và tiểu ban Chính sách phát triển.

Trong năm 2024, các thành viên độc lập HĐQT đã hoàn thành nhiệm vụ được HĐQT phân công, thực hiện đầy đủ vai trò của thành viên HĐQT nói chung, thành viên các tiểu ban được phân công nói riêng, thực hiện công tác giám sát của HĐQT đối với toàn bộ hoạt động quản trị, điều hành của BDH, theo dõi hoạt động của HĐQT, cho ý kiến nhằm bảo đảm HĐQT có thể đưa ra những quyết định không thiên vị, công khai, minh bạch, không gây xung đột về lợi ích giữa các cổ đông, bảo vệ được cổ đông nhỏ, tạo ra đối trọng để hài hòa lợi ích giữa các nhóm cổ đông.

### Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

Thư ký Tổng Công ty đã tham gia một số hội thảo do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán tổ chức liên quan tới công tác quản trị công ty và công bố thông tin cho công ty đại chúng trong năm 2024



### Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị

- Đối với công tác của tiểu ban Lao động, lương – thưởng: các thành viên độc lập HĐQT đã chủ động, phối hợp với các thành viên khác trong tiểu ban trình HĐQT để thực hiện các công việc liên quan tới vấn đề thù lao, lương, thưởng cho người quản lý đảm bảo công bằng, công khai, minh bạch, đảm bảo quyền lợi của từng thành viên HĐQT, BKS, BDH trên cơ sở Nghị quyết đã được ĐHCĐ thông qua.
- Đối với công tác của tiểu ban Tổ chức nhân sự: Thành viên độc lập HĐQT, với tư cách là thành viên tiểu ban, đã tham gia ý kiến đầy đủ, tích cực phối hợp với các thành viên khác trong tiểu ban để tham mưu, tư vấn đề xuất cho Trưởng tiểu ban cũng như HĐQT các nội dung liên quan tới công tác nhân sự, kiện toàn bộ máy nhân sự trong HĐQT, BDH.
- Đối với công tác của tiểu ban Chính sách và phát triển: thành viên độc lập HĐQT là thành viên tiểu ban đã rất tích cực trong công tác xây dựng, tham gia ý kiến về mục tiêu, định hướng, kế hoạch phát triển kinh doanh của Bảo Minh, đồng thời hỗ trợ tối đa BDH trong việc xây dựng mối quan hệ với các khách hàng, đối tác nhằm thúc đẩy hoạt động kinh doanh trong năm 2024.

Ngoài ra, trong các phiên họp thường kỳ của HĐQT, các TVĐL HĐQT cũng nghiên cứu và đưa ra các ý kiến trao đổi, đóng góp về chiến lược, giải pháp, phương hướng thực hiện kinh doanh để BDH nghiên cứu, tiếp thu và điều chỉnh cho phù hợp.

### Kết quả đánh giá của Thành viên độc lập về hoạt động của HĐQT

- Các công việc của HĐQT trong năm 2024 đã thực hiện đúng các chiến lược định hướng theo Nghị quyết của ĐHCĐ đề ra và tuân thủ quy định pháp luật, Điều lệ và các quy định khác của Bảo Minh
- Tất cả thành viên HĐQT luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm, chủ động, tích cực thực hiện nhiệm vụ đã được phân công.
- Trên cơ sở các nội dung đã được ĐHCĐ thông qua, HĐQT đã đề ra các giải pháp hiệu quả và chỉ đạo BDH tổ chức thực hiện hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2024 về các chỉ tiêu kinh doanh chính như doanh thu, lợi nhuận, tiếp tục duy trì xếp hạng tín nhiệm AM Best ở mức B++, giữ vững và ngày càng phát huy vị thế của Bảo Minh trên thị trường.

Trên cơ sở các nội dung đã được ĐHCĐ thông qua, HĐQT luôn hỗ trợ tối đa, tạo điều kiện cho BDH chủ động trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện các công việc được giao, song vẫn đảm bảo việc theo dõi, giám sát, quản lý, và kịp thời chỉ đạo, định hướng BDH trong trường hợp gặp khó khăn, vướng mắc khi triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao. Với những nỗ lực đó, tới hết năm 2024, Bảo Minh đã hoàn thành kế hoạch được ĐHCĐ năm 2024 giao và tiếp tục duy trì xếp hạng tín nhiệm AM Best ở mức B++ năm thứ 8 liên tiếp.



# BAN KIỂM SOÁT

## Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát (BKS)

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Bà Lê Minh Tuyết	Trưởng BKS	-	-
2	Bà Phan Thị Hồng Phương	Thành viên Ban Kiểm soát	-	-
3	Bà Đinh Thị Minh Hải	Thành viên Ban Kiểm soát (từ ngày 24 tháng 4 năm 2024)	-	-
4	Ông Guardiola Garcia-Quiros, Jorge Ramiro	Thành viên Ban Kiểm soát (từ ngày 24 tháng 4 năm 2024)	-	-
5	Ông Yau Chun Hung	Thành viên Ban Kiểm soát (đến ngày 24 tháng 4 năm 2024)	-	-
6	Ông Nicolas De Nazelle	Thành viên Ban Kiểm soát (đến ngày 24 tháng 4 năm 2024)	-	-

## Hoạt động của Ban Kiểm soát

Từ 01/01/2024 – 31/12/2024, BKS đã tổ chức 03 cuộc họp gồm:

- 24/04/2024: Cuộc họp ngày 24/04/2024 để bầu Trưởng BKS.
- 17/6/2024: Lấy ý kiến các thành viên ngày 17/6/2024 về việc đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 của Tổng công ty cổ phần Bảo Minh: Các thành BKS đều thống nhất đề xuất HDQT chọn Công ty KPMG là đơn vị kiểm toán BCTC năm 2024 của Bảo Minh.
- 11/2024: 01 phiên họp của BKS vào tháng 11/2024 để đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh, quản lý công nợ, tình hình đầu tư của Bảo Minh trong nửa đầu năm 2024 cũng như để thảo luận, trao đổi về các nội dung trong thư quản lý của kiểm toán độc lập đối với hoạt động của Bảo Minh.



Stt	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự
1	Ông Yau Chun Hung	0/0	-	-	Miễn nhiệm từ ngày 24/04/2024
2	Ông Nicholas de Nazelle	0/0	-	-	Miễn nhiệm từ ngày 24/04/2024
3	Bà Lê Minh Tuyết	3/3	100%	100%	Bổ nhiệm lại từ ngày 24/04/2024
4	Bà Phan Thị Hồng Phương	3/3	100%	100%	Bổ nhiệm lại từ ngày 24/04/2024
5	Bà Đinh Thị Minh Hải	3/3	100%	100%	Bổ nhiệm mới từ ngày 24/04/2024
6	Ông Guardiola Garcia-Quiros, Jorge Ramiro	3/3	100%	100%	Bổ nhiệm mới từ ngày 24/04/2024. Bận công tác, ủy quyền cho bà Bùi Thị Thu Thanh tham dự

## Hoạt động giám sát của Ban Kiểm soát đối với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và cổ đông

Trên cơ sở quyền hạn và nghĩa vụ được quy định, Ban Kiểm soát đã thực hiện giám sát HĐQT, Tổng Giám đốc và Ban Điều hành trong việc quản lý và điều hành công ty, cụ thể:

- Giám sát và tổ chức các phiên họp của HĐQT, việc ban hành các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT; việc chuẩn bị và tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh và các cuộc họp định kỳ, bất thường của HĐQT.
- Giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024, các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành trong năm 2024.
- Giám sát các hoạt động của HĐQT, Tổng Giám đốc và Ban Điều hành trong việc quản lý, điều hành Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh.

Qua công tác giám sát, BKS thấy rằng các thành viên HĐQT, TGD và BĐH đã chủ động, tích cực, nỗ lực để hoàn thành tốt trách nhiệm của mình trong công tác quản trị điều hành. BĐH cũng đã có những chỉ đạo và hướng dẫn cụ thể, kịp thời để xử lý các vấn đề còn tồn tại. Năm 2024, tổng doanh thu của toàn hệ đạt 6.982 tỷ đồng hoàn thành 102,68% kế hoạch cả năm 2024 và tăng trưởng 5.31% so với cùng kỳ ; Lợi nhuận trước thuế đạt 272,7 tỷ, hoàn thành 101,77% kế hoạch đã được ĐHCĐ điều chỉnh.

Các Nghị quyết, Quyết định trong quản trị, điều hành của HĐQT, Tổng Giám đốc ban hành phù hợp với điều kiện thực tế, đáp ứng yêu cầu về quản trị và nhu cầu phát triển kinh doanh của toàn hệ thống Bảo Minh, đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp của Cổ đông được thực hiện đúng và đầy đủ.

## Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

- Ban Kiểm soát với HĐQT, Ban Điều hành và những người quản lý khác đã duy trì được mối quan hệ công tác, phối hợp chặt chẽ trên nguyên tắc vì lợi ích hợp pháp, tối đa của Bảo Minh và Cổ đông, trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quy định nội bộ
- Đối với các cuộc họp định kỳ hàng quý và đột xuất, HĐQT đều mời BKS, BDH tham dự để cùng thảo luận, trao đổi, xây dựng các giải pháp để thực hiện nhiệm vụ nhằm hoàn thành các kế hoạch đã đặt ra.
- Để thực hiện tốt nhiệm vụ của mình, BKS thường xuyên trao đổi với các bộ phận chức năng: các Ban/Trung tâm/Ban Kiểm tra và kiểm soát nội bộ của Công ty, Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT để nắm bắt kịp thời các thông tin về việc quản trị, điều hành của HĐQT và Ban Điều Hành.

Trong quá trình tổ chức, kiểm tra, giám sát các hoạt động về công tác quản lý điều hành và các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Ban kiểm soát được cung cấp đầy đủ, kịp thời các tài liệu, thông tin liên quan theo đúng quy định tại điều lệ và các quy chế nội bộ của Tổng Công ty.

## Hoạt động khác của BKS

- Trình ĐHCĐ thường niên 2024 về chủ trương lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh năm 2024, thực hiện các công việc cần thiết có liên quan để hoàn thành việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập kiểm toán BCTC năm 2024 của Bảo Minh.
- Phối hợp với Ban kế toán, kiểm toán độc lập để đôn đốc việc lập và hoàn thành Báo cáo tài chính năm 2024.
- Báo cáo HĐQT về Đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh năm 06 tháng đầu năm và cả năm 2024; Tình hình quản lý công nợ; Tình hình đầu tư 06 tháng đầu năm và cả năm 2024 của Tổng công ty Bảo Minh.
- Tham gia đóng góp ý kiến đối với việc sửa đổi, bổ sung các quy chế nội bộ của Bảo Minh, báo cáo tình hình quản trị công ty 06 tháng và cả năm 2024, báo cáo thường niên năm 2024.



# CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

## Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích

ĐVT: Đồng

	2023	2024
<b>Chủ tịch HĐQT</b>		
Đình Việt Tùng	203.657.624	159.663.922
<b>Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc</b>		
Vũ Anh Tuấn	1.245.063.624	1.429.748.603
<b>Thành viên HĐQT</b>		
Ivan Tam Kwok Wing	193.657.624	129.363.922
Bùi Thị Thu Thanh	193.657.624	148.663.922
Lê Việt Thành	193.657.624	148.663.922
Callard Stumpf Céline	193.657.624	129.363.922
Nicolas De Nazelle	-	19.200.000
Trần Văn Tá	276.000.000	164.000.000
Trần Hữu Tiến		40.000.000
<b>Trưởng Ban kiểm soát</b>		
Lê Minh Tuyết	193.657.624	550.846.357
<b>Thành viên Ban kiểm soát</b>		
Nicolas De Nazelle	160.126.099	108.271.138
Phan Thị Hồng Phương	160.126.099	123.671.138
Jonathan Yau Chun Hung	160.126.099	108.271.138
Đình Thị Minh Hải	-	15.400.000
Jorge Quiros	-	15.400.000
<b>Phó Tổng Giám đốc thường trực</b>		
Phạm Minh Tuấn	1.015.619.000	1.084.594.441
<b>Phó Tổng Giám đốc</b>		
Nguyễn Thế Năng	458.341.217	-
Châu Quang Linh	838.285.000	898.634.407
Nguyễn Ngọc Anh	990.265.946	846.903.085
Vũ Hải Lâm	673.500.222	826.645.235
Nguyễn Thành Nam	206.180.000	940.630.359
<b>Kế toán trưởng</b>		
Sái Văn Hưng	780.074.000	836.795.028

**Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát**

Không phát sinh

**Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác**

Không phát sinh



## Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Công ty TNHH MTV Đầu tư SCIC	- Thời gian thực hiện giao dịch từ ngày 22/4/2024 đến ngày 21/05/2024 - Ông Đinh Việt Tùng, ông Lê Việt Thành, ông Vũ Anh Tuấn là người được ủy quyền đại diện phần vốn nhà nước của SCIC - chủ sở hữu của công ty TNHH MTV đầu tư SCIC - tại TCT CP Bảo Minh, đồng thời ông Đinh Việt Tùng là CT.HĐTV tại công ty TNHH MTV đầu tư SCIC	100.100	0,083%	100.100	0,083%	Mua không thành công
2	Ông Lương Ngọc Thiện	- Ông Lương Ngọc Thiện là trưởng Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT tại Bảo Minh - Thời gian thực hiện giao dịch từ ngày 23/2/2024 - Thời gian thực hiện giao dịch từ ngày 23/2/2024	4.900	0,0041%	0	0%	Bán
			100	0,0001%			



## Hợp đồng hoặc giao dịch của người nội bộ

Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ:

Stt	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCD/ HĐQT... thông qua	Nội dung giao dịch	Giá trị giao dịch (đồng)
1	AXA SA Pháp	Cổ đông lớn	572 093 920 R.C.S cấp tại Pháp ngày 21/06/1957	25 Đại lộ Matignon 75008 Paris	Năm 2024	NQ số 0982/2024-BM/HĐQT v/v thông qua giao dịch với bên có liên quan năm 2024	Phí nhượng tái BH của Bảo Minh	82.796.224.500
							Hoa hồng nhượng tái BH của Bảo Minh	5.814.107.706
2	Tổng công ty Hàng không Việt Nam	Người có liên quan của người nội bộ (Ông Đinh Việt Tùng - CT.HĐQT Bảo Minh là TV.HĐQT của Tổng Công ty Hàng không Việt Nam)		Số 200 Nguyễn Sơn, P.Bồ Đề, Q.Long Biên, Hà Nội	Năm 2024	NQ số 0982/2024-BM/HĐQT v/v thông qua giao dịch với bên có liên quan năm 2024	Doanh thu phí bảo hiểm gốc	19.736.079.981
							Chi bồi thường bảo hiểm gốc	1.862.850.506
							Chi hoa hồng đại lý, môi giới	620.088.341
3	Công ty bảo hiểm liên hiệp UIC	Người có liên quan của công ty (Ông Nguyễn Thành Nam - P.TGD Bảo Minh là Chủ tịch HĐQT tại UIC)	Giấy phép KD số 09GP/KDBH ngày 29/04/2010 của Bộ Tài chính	Tòa nhà Hà Nội Tung Shing Square, Số 2 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội	Năm 2024	NQ số 0982/2024-BM/HĐQT v/v thông qua giao dịch với bên có liên quan năm 2024	Doanh thu nhận tái bảo hiểm của Bảo Minh	41.597.014.122
							Hoa hồng nhận tái BH của Bảo Minh	12.759.719.581
							Chi phí bồi thường, giám định nhận tái	1.926.471.019
4	Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh Vốn Nhà nước (SCIC)	Cổ đông lớn	ĐKKD số 0101992921 ngày 11/03/2022 của Sở KHĐT TP.Hà Nội	Tầng 23 - 24 Tòa nhà Charmvit, 117 Trần Duy Hưng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội	Năm 2024	NQ số 0982/2024-BM/HĐQT v/v thông qua giao dịch với bên có liên quan năm 2024	Phí BH gốc	43.277.912
							Chi hoa hồng đại lý, môi giới	4.039.941



# CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT (TIẾP THEO)

## Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Công ty luôn đặt trọng tâm vào việc tuân thủ các quy định quản trị doanh nghiệp, đảm bảo sự minh bạch thông tin, tuân thủ pháp luật và bảo vệ quyền lợi cổ đông. Điều này được thể hiện qua nhiều hoạt động cụ thể. Người phụ trách quản trị công ty đã tham gia các hội thảo, tập huấn do UBCKNN, Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM và Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) tổ chức, nhằm nâng cao kiến thức về quản trị công ty và công bố thông tin như:

STT	Thời gian	Hội thảo/ Sự kiện
1.	03/2024	Hội nghị tập huấn về hồ sơ đăng ký chào bán, phát hành chứng khoán do Ủy ban chứng khoán nhà nước tổ chức.
2.	08/2024	Hội thảo "Hội nghị các Tổ chức đăng ký chứng khoán tại VSDC năm 2024" do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) tổ chức.
3.	09/2024	Hội thảo "Nâng cao hiệu quả trong công tác quản trị Công ty đại chúng bằng các quy định nội bộ" do CTCP Chứng khoán FPT tổ chức với sự hỗ trợ chuyên môn từ Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM.



## Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Công ty cũng đảm bảo công bố thông tin đầy đủ, đúng hạn theo quy định, tổ chức Đại hội đồng Cổ đông và chi trả cổ tức đúng thời gian, không bị nhắc nhở bởi UBCKNN hay SGDCK TP. HCM.

Bên cạnh đó, Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh đang nỗ lực không ngừng để nâng cao chất lượng dịch vụ và quản lý quan hệ khách hàng trên toàn diện các ban nghiệp vụ. Ứng dụng công nghệ thông tin đóng vai trò then chốt trong quá trình này, thể hiện qua việc triển khai và nâng cấp các phần mềm quản lý chuyên biệt nhằm tối ưu hóa quy trình làm việc và mang lại trải nghiệm tốt nhất cho khách hàng. Đồng thời, Bảo Minh cam kết tuân thủ nghiêm ngặt tiêu chuẩn ISO 9001:2015, đảm bảo chất lượng dịch vụ đồng đều và tin cậy trên toàn hệ thống, từ việc theo dõi thời gian giải quyết tổn thất đến việc rà soát quy trình nội bộ. Để đáp ứng nhu cầu thị trường ngày càng cao, Tổng Công ty chú trọng cải tiến liên tục, cập nhật quy trình và phát triển dịch vụ mới. Điều này được thể hiện qua kế hoạch tích hợp hệ thống kế toán, rút ngắn thời gian xử lý tổn thất và nâng cao chất lượng thông tin khách hàng tại các ban Bảo hiểm Hàng hải, Xe cơ giới và Con người. Tất cả những nỗ lực này đều hướng tới mục tiêu duy nhất: mang đến cho khách hàng những trải nghiệm dịch vụ xuất sắc và củng cố vị thế cạnh tranh của Bảo Minh trên thị trường.



# 06

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2024

Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính kiểm toán 2024

## BẢO MINH

*“Tận tình phục vụ”*



**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính đó với vấn đề cần nhấn mạnh về việc điều chỉnh lại số liệu so sánh tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 trong báo cáo kiểm toán ngày 28 tháng 3 năm 2024.

**Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh**  
Việt Nam  
Báo cáo kiểm toán số: 24-01-00590-25-1



Nelson Rodriguez Casihan  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 2225-2023-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

*ngheal*

Nguyễn Thị Thu Hà  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 2236-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2025



**Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh**  
**Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày**  
**31 tháng 12 năm 2024**

**Mẫu B 01 – DNPNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> <b>(100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150 + 190)</b>	<b>100</b>		<b>6.728.523.828.604</b>	<b>6.232.898.854.466</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>446.093.893.383</b>	<b>181.629.382.582</b>
Tiền	111		446.093.893.383	181.629.382.582
<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>3.260.960.800.321</b>	<b>3.300.020.732.076</b>
Chứng khoán kinh doanh	121	5(a)	134.764.670.056	111.417.626.165
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	5(a)	(40.803.869.735)	(42.396.894.089)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(b)	3.422.618.012.805	3.486.618.012.805
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	5(b)	(255.618.012.805)	(255.618.012.805)
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>943.597.007.362</b>	<b>938.508.327.477</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		704.486.098.884	845.819.552.192
Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	131.1	6(a)	704.486.098.884	845.819.552.192
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		4.298.583.253	3.477.669.175
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	135	6(b)	544.752.860.813	398.266.444.120
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	6(d)	(309.940.535.588)	(309.055.338.010)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>7</b>	<b>4.527.820.684</b>	<b>4.964.555.440</b>
Hàng tồn kho	141		4.527.820.684	4.964.555.440
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>650.999.980.626</b>	<b>697.748.949.253</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8(a)	624.827.894.976	680.019.013.135
Chi phí hoa hồng chưa phân bổ	151.1		266.306.603.908	270.679.650.723
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	151.2		358.521.291.068	409.339.362.412
Thuế GTGT được khấu trừ	152	15(b)	5.068.199.805	8.092.867.666
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	15(b)	21.103.885.845	9.637.068.452
<b>Tài sản tái bảo hiểm</b>	<b>190</b>	<b>18(a)</b>	<b>1.422.344.326.228</b>	<b>1.110.026.907.638</b>
Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	191		394.202.950.718	503.666.140.330
Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	192		1.028.141.375.510	606.360.767.308

**Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh**  
**Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày**  
**31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DNPNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số*  
*232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12*  
*năm 2012 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b> <b>(200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>1.021.033.343.096</b>	<b>771.295.822.477</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>	<b>6(c)</b>	<b>19.966.049.664</b>	<b>19.823.196.131</b>
Phải thu dài hạn khác	218		19.966.049.664	19.823.196.131
Ký quỹ bảo hiểm	218.1		9.000.000.000	9.000.000.000
Các khoản phải thu dài hạn khác	218.2		10.966.049.664	10.823.196.131
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>272.613.830.094</b>	<b>283.349.977.297</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	9	73.596.235.013	69.448.501.417
Nguyên giá	222		257.837.549.892	245.621.290.911
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(184.241.314.879)	(176.172.789.494)
Tài sản cố định vô hình	227	10	180.831.983.539	183.455.574.188
Nguyên giá	228		287.475.083.919	286.154.406.481
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(106.643.100.380)	(102.698.832.293)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	18.185.611.542	30.445.901.692
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>12</b>	<b>149.670.681.361</b>	<b>152.133.165.349</b>
Nguyên giá	241		181.861.353.463	181.861.353.463
Giá trị hao mòn lũy kế	242		(32.190.672.102)	(29.728.188.114)
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>532.515.409.361</b>	<b>260.615.409.361</b>
Đầu tư vào công ty liên doanh	252	5(c)	242.250.000.000	145.350.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5(c)	57.615.300.000	57.615.300.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5(b)	236.000.000.000	61.000.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	259	5(c)	(3.349.890.639)	(3.349.890.639)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>46.267.372.616</b>	<b>55.374.074.339</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	8(b)	29.268.461.145	37.715.689.425
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	13	16.998.911.471	17.658.384.914
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>7.749.557.171.700</b>	<b>7.004.194.676.943</b>

**Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh**  
**Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày**  
**31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DNPNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số*  
*232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12*  
*năm 2012 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>4.962.013.672.101</b>	<b>4.361.324.815.727</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>4.960.793.200.905</b>	<b>4.360.050.344.528</b>
Phải trả cho người bán	312		917.900.439.452	821.840.071.231
Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	312.1	14	917.900.439.452	821.840.071.231
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15(a)	5.170.373.168	9.046.342.224
Phải trả người lao động	315		67.253.356.343	192.869.147.976
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		263.300.389.799	38.022.076.916
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	16	69.895.265.267	76.544.438.358
Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	319.1	17	137.436.402.110	137.886.987.999
Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		34.268.691.545	42.812.825.584
Dự phòng nghiệp vụ	329	18	3.465.568.283.221	3.041.028.454.240
Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	329.1	18(a)	1.943.170.424.692	1.955.836.470.039
Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	329.2	18(a)	1.399.732.485.259	889.293.469.961
Dự phòng dao động lớn	329.3	18(b)	122.665.373.270	195.898.514.240
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.220.471.196</b>	<b>1.274.471.199</b>
Phải trả dài hạn khác	333		1.220.471.196	1.274.471.199
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>2.787.543.499.599</b>	<b>2.642.869.861.216</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>19</b>	<b>2.787.543.499.599</b>	<b>2.642.869.861.216</b>
Vốn cổ phần	411		1.326.428.180.000	1.205.854.080.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		792.244.224.449	792.244.224.449
Quỹ dự phòng tài chính	418		28.085.153.439	28.085.153.439
Quỹ dự trữ bắt buộc	419		132.469.110.111	120.585.408.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		508.316.831.600	496.100.995.328
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>7.749.557.171.700</b>	<b>7.004.194.676.943</b>



**Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh**  
**Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày**  
**31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DNPNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số*  
*232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12*  
*năm 2012 của Bộ Tài chính)*

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	Thuyết minh	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Ngoại tệ - USD	35(b)	2.441.338,81	873.087,90
Ngoại tệ - EUR	35(b)	200,54	21.439,77
Ngoại tệ - SGD	35(b)	244,75	266,95

Ngày 26 tháng 3 năm 2025

Người lập:

Đoàn Tấn Phong  
 Phó Giám đốc Ban Kế toán

Người soát xét:

Sái Văn Hưng  
 Kế toán trưởng

Người duyệt:

Vũ Anh Tuấn  
 Tổng Giám đốc

**Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp**  
**cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**

**Mẫu B 02 – DNPNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số*  
*232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12*  
*năm 2012 của Bộ Tài chính)*

**Phần I - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp**

	Mã số	2024 VND	2023 VND
Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10	5.122.748.106.255	4.720.461.657.562
Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	11	12.962.845.007	13.423.084.078
Doanh thu hoạt động tài chính	12	322.889.566.520	412.096.396.364
Thu nhập khác	13	3.941.922.651	7.028.846.745
Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	20	4.870.071.477.505	4.463.219.765.569
Giá vốn bất động sản đầu tư	21	6.111.283.386	5.360.139.276
Chi phí hoạt động tài chính	22	113.212.961.128	131.934.906.549
Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	199.049.295.252	174.821.461.388
Chi phí khác	24	1.363.771.429	1.446.472.950
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b> <b>(50 = 10 + 11 + 12 + 13 - 20 - 21 - 22 - 23 - 24)</b>	<b>50</b>	<b>272.733.651.733</b>	<b>376.227.239.017</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	34.400.136.061	45.697.535.756
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	659.473.443	1.536.818.490
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>	<b>237.674.042.229</b>	<b>328.992.884.771</b>
		<b>(Điều chỉnh lại)</b>	
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>1.564</b>	<b>2.176</b>

**Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp**  
**cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 02 – DNPNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số*  
*232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12*  
*năm 2012 của Bộ Tài chính)*

**Phần II - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo hoạt động**

	Mã số	Thuyết minh	2024 VND	2023 VND
Doanh thu phí bảo hiểm (01 = 01.1 + 01.2 – 01.3)	01		6.654.892.913.332	6.116.039.911.949
Trong đó:				
- Phí bảo hiểm gốc	01.1	20(a)	5.960.678.726.953	5.559.729.834.895
- Phí nhận tái bảo hiểm	01.2	20(b)	681.548.141.032	637.842.388.451
- (Giảm)/tăng dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	01.3	18(a)(i)	(12.666.045.347)	81.532.311.397
Phí nhượng tái bảo hiểm (02 = 02.1 – 02.2)	02		1.775.004.151.688	1.590.539.557.998
Trong đó:				
- Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	02.1	21	1.665.540.962.076	1.638.987.318.146
- (Giảm)/tăng dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	02.2	18(a)(i)	(109.463.189.612)	48.447.760.148
<b>Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03 = 01 – 02)</b>	<b>03</b>		<b>4.879.888.761.644</b>	<b>4.525.500.353.951</b>
Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (04 = 04.1 + 04.2)	04		242.859.344.611	194.961.303.611
Trong đó:				
- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	04.1	22	242.025.367.705	192.771.069.089
- Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	04.2		833.976.906	2.190.234.522
<b>Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10 = 03 + 04)</b>	<b>10</b>		<b>5.122.748.106.255</b>	<b>4.720.461.657.562</b>
Chi bồi thường (11 = 11.1 – 11.2)	11	23	1.996.190.016.849	2.156.079.211.601
Trong đó:				
- Tổng chi bồi thường	11.1		2.007.040.763.222	2.162.643.984.357
- Các khoản giảm trừ	11.2		10.850.746.373	6.564.772.756
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	12	24	357.809.382.685	582.042.622.478
Tăng/(giảm) dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	13	18(a)(ii)	510.439.015.298	(381.828.453.237)
Tăng/(giảm) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	14	18(a)(ii)	421.780.608.202	(377.353.419.499)
<b>Tổng chi bồi thường bảo hiểm (15 = 11 – 12 + 13 – 14)</b>	<b>15</b>		<b>1.727.039.041.260</b>	<b>1.569.561.555.385</b>

**Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp**  
**cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 02 – DNPNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số*  
*232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12*  
*năm 2012 của Bộ Tài chính)*

**Phần II - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo hoạt động (tiếp theo)**

	Mã số	Thuyết minh	2024 VND	2023 VND
Giảm dự phòng dao động lớn	16	18(b)	(73.233.140.970)	(14.414.150.948)
Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (17 = 17.1 + 17.2)	17	25	3.216.265.577.215	2.908.072.361.132
Trong đó:				
- Chi hoa hồng bảo hiểm	17.1		915.014.871.953	815.365.941.142
- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17.2		2.301.250.705.262	2.092.706.419.990
<b>Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18 = 15 + 16 + 17)</b>	<b>18</b>		<b>4.870.071.477.505</b>	<b>4.463.219.765.569</b>
<b>Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (19 = 10 – 18)</b>	<b>19</b>		<b>252.676.628.750</b>	<b>257.241.891.993</b>
Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	20		12.962.845.007	13.423.084.078
Giá vốn bất động sản đầu tư	21		6.111.283.386	5.360.139.276
<b>Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư bất động sản (22 = 20 – 21)</b>	<b>22</b>		<b>6.851.561.621</b>	<b>8.062.944.802</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	23	26	322.889.566.520	412.096.396.364
Chi phí hoạt động tài chính	24	27	113.212.961.128	131.934.906.549
<b>Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính (25 = 23 – 24)</b>	<b>25</b>		<b>209.676.605.392</b>	<b>280.161.489.815</b>
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	199.049.295.252	174.821.461.388
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 19 + 22 + 25 – 26)</b>	<b>30</b>		<b>270.155.500.511</b>	<b>370.644.865.222</b>
Thu nhập khác	31	29	3.941.922.651	7.028.846.745
Chi phí khác	32	30	1.363.771.429	1.446.472.950
<b>Lợi nhuận khác (40 = 31 – 32)</b>	<b>40</b>		<b>2.578.151.222</b>	<b>5.582.373.795</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>272.733.651.733</b>	<b>376.227.239.017</b>

**Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp**  
**cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 02 – DNPNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số*  
*232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12*  
*năm 2012 của Bộ Tài chính)*

**Phần II - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo hoạt động (tiếp theo)**

	Mã số	Thuyết minh	2024 VND	2023 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	34.400.136.061	45.697.535.756
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	31	659.473.443	1.536.818.490
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b> <b>(60 = 50 – 51 – 52)</b>	<b>60</b>		<b>237.674.042.229</b>	<b>328.992.884.771</b>
				<b>(Điều chỉnh lại)</b>
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>32</b>	<b>1.564</b>	<b>2.176</b>

Ngày 26 tháng 3 năm 2025

Người lập:

Đoàn Tấn Phong  
Phó Giám đốc Ban Kế toán

Người soát xét:

Sái Văn Hưng  
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Vũ Anh Tuấn  
Tổng Giám đốc

**Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2024 (Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03 – DNPNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số*  
*232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12*  
*năm 2012 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2024 VND	2023 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>272.733.651.733</b>	<b>376.227.239.017</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao và phân bổ	02	17.999.681.961	17.210.642.512
Các khoản dự phòng	03	111.514.583.615	9.302.293.433
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	1.190.429.955	(1.665.736.329)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(275.801.674.383)	(391.083.823.109)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>127.636.672.881</b>	<b>9.990.615.524</b>
Biến động các khoản phải thu	09	(159.076.200.828)	(309.924.198.307)
Biến động hàng tồn kho	10	436.734.756	260.964.736
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	173.302.331.123	16.786.741.027
Biến động chi phí trả trước	12	66.561.473.151	(61.972.135.432)
Biến động chứng khoán kinh doanh	13	(23.347.043.891)	(12.881.971.194)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(50.015.515.275)	(55.999.714.258)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>135.498.451.917</b>	<b>(413.739.697.904)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(7.748.066.429)	(10.694.737.458)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	746.567.710	296.108.438
Tiền chi cho tiền gửi có kỳ hạn, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(3.392.000.000.000)	(3.251.000.000.000)
Tiền thu từ tiền gửi có kỳ hạn, thu hồi và bán công cụ nợ của đơn vị khác	24	3.281.000.000.000	3.238.001.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(96.900.000.000)	-
Tiền thu lãi tiền gửi, lãi đầu tư trái phiếu, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	402.265.153.250	503.366.337.977
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>187.363.654.531</b>	<b>479.968.708.957</b>

**Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm**  
**kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03 – DNPNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số*  
*232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12*  
*năm 2012 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2024 VND	2023 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền trả cổ tức	36	(60.292.704.000)	(54.811.992.500)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(60.292.704.000)</b>	<b>(54.811.992.500)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b> <b>(50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>262.569.402.448</b>	<b>11.417.018.553</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	181.629.382.582	168.725.034.414
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61	1.895.108.353	1.487.329.615
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm</b> <b>(70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 4)</b>	<b>70</b>	<b>446.093.893.383</b>	<b>181.629.382.582</b>

Ngày 26 tháng 3 năm 2025

Người lập:

Đoàn Tấn Phong  
Phó Giám đốc Ban Kế toán

Người soát xét:

Sái Văn Hưng  
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Vũ Anh Tuấn  
Tổng Giám đốc

**Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm**  
**kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**

**Mẫu B 09 – DNPNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số*  
*232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12*  
*năm 2012 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm.

## 1. Đơn vị báo cáo

### (a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh (“Tổng Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật kinh doanh bảo hiểm số 24/2000/QH10, Luật số 61/2010/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm và Luật số 42/2019/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm, Luật số hữu trí tuệ. Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh được thành lập theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 27GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 8 tháng 9 năm 2004 và giấy phép điều chỉnh mới nhất số 27/GPĐC15/KDBH ngày 3 tháng 12 năm 2024.

Cổ phiếu của Tổng Công ty đã được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày 28 tháng 11 năm 2006 và chuyển sang niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 21 tháng 4 năm 2008 với mã chứng khoán là BMI.

Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh có trụ sở chính đặt tại số số 26 Tôn Thất Đạm, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

### (b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Tổng Công ty là kinh doanh bảo hiểm sức khỏe, kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ, kinh doanh tái bảo hiểm, đầu tư tài chính và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật Việt Nam.

### (c) Cấu trúc Tổng Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng Công ty có 1 công ty liên doanh được trình bày trong Thuyết minh số 5(c).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng Công ty có một (01) Hội sở chính và sáu mươi lăm (65) công ty thành viên tại các tỉnh, thành phố trên cả nước.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tổng Công ty có 1.650 nhân viên (31/12/2023: 1.685 nhân viên).

## 2. Cơ sở lập báo cáo tài chính tổng hợp

### (a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính tổng hợp này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm**  
**kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DNPNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số*  
*232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12*  
*năm 2012 của Bộ Tài chính)*

Các chuẩn mực và quy định pháp lý có liên quan này có thể khác biệt trên một số khía cạnh trọng yếu so với các nguyên tắc và chuẩn mực kế toán được thừa nhận rộng rãi ở các quốc gia khác. Do đó, báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, các luồng lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty theo các nguyên tắc, thông lệ kế toán được thừa nhận rộng rãi ở các quốc gia và các quyền tài phán khác ngoài phạm vi Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng báo cáo tài chính tổng hợp này không nhằm dành cho những đối tượng sử dụng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ kế toán Việt Nam áp dụng cho doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài.

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính tổng hợp ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính tổng hợp này.

**(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.



**Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm**  
**kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DNPNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số*  
*232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12*  
*năm 2012 của Bộ Tài chính)*

**(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(c) Các khoản đầu tư**

**(i) Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Tổng Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Đối với các chứng khoán niêm yết, giá thị trường là giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày giao dịch gần nhất tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Đối với các loại chứng khoán vốn kinh doanh chưa niêm yết nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán của các Công ty đại chúng chưa niêm yết (“sàn UPCOM”), giá thị trường là giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Sở Giao dịch chứng khoán công bố. Trường hợp không có giao dịch trong vòng 30 ngày tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm, dự phòng giảm giá cho các loại chứng khoán này được lập trong trường hợp đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ. Dự phòng giảm giá đầu tư được tính bằng tổng vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu ở tổ chức kinh tế nhận vốn góp trừ (-) vốn chủ sở hữu của tổ chức kinh tế nhận vốn góp nhân (x) tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp (%) của Tổng Công ty tại tổ chức kinh tế nhận vốn góp tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Đối với các loại chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên sàn UPCOM, dự phòng giảm giá của các loại chứng khoán này được lập trong trường hợp đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ. Dự phòng giảm giá đầu tư được tính bằng tổng vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu ở tổ chức kinh tế nhận vốn góp trừ (-) vốn chủ sở hữu của tổ chức kinh tế nhận vốn góp nhân (x) tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp (%) của Tổng Công ty tại tổ chức kinh tế nhận vốn góp tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

**(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Điều hành Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu và chứng chỉ tiền gửi nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm**  
**kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DNPNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số*  
*232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12*  
*năm 2012 của Bộ Tài chính)*

**(iii) Đầu tư vào công ty liên doanh**

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tổng Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được tính bằng tổng vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu ở tổ chức kinh tế nhận vốn góp trừ (-) vốn chủ sở hữu của tổ chức kinh tế nhận vốn góp nhân (x) tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp (%) của Tổng Công ty tại tổ chức kinh tế nhận vốn góp tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(iv) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tổng Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được tính bằng tổng vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu ở tổ chức kinh tế nhận vốn góp trừ (-) vốn chủ sở hữu của tổ chức kinh tế nhận vốn góp nhân (x) tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp (%) của Tổng Công ty tại tổ chức kinh tế nhận vốn góp tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(d) Các khoản phải thu về hợp đồng bảo hiểm và các khoản phải thu khác**

Các khoản phải thu về hợp đồng bảo hiểm và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa trên tình trạng quá hạn của các khoản nợ và các khoản lỗ dự kiến đối với những khoản nợ trong hạn có thể phát sinh khi một tổ chức kinh tế bị phá sản hoặc giải thể; hoặc chủ nợ bị mất tích, bỏ trốn, đang bị truy tố, ở tù, đang chờ thi hành án hoặc đã chết.

Dự phòng phải thu khó đòi dựa trên tình trạng quá hạn được trích lập như sau:

<b>Tình trạng quá hạn</b>	<b>Tỷ lệ dự phòng</b>
Từ sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

Việc lập dự phòng phải thu khó đòi dựa trên các khoản lỗ dự kiến đối với những khoản nợ trong hạn được quyết định bởi Ban Điều hành Tổng Công ty sau khi xem xét đến khả năng thu hồi của các khoản nợ này.

**Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm**  
**kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DNPNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số*  
*232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12*  
*năm 2012 của Bộ Tài chính)*

**(e) Chi phí hoa hồng chưa phân bổ**

Chi phí hoa hồng cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm được ghi nhận và phân bổ theo phương pháp trích lập dự phòng phí bảo hiểm chưa được hưởng được trình bày trong Thuyết minh 3(n). Số dư của chi phí hoa hồng chưa phân bổ tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm phản ánh chi phí hoa hồng tương ứng với doanh thu phí bảo hiểm chưa được hưởng.

**(f) Ký quỹ bảo hiểm**

Theo quy định của Nghị định số 46/2023/NĐ-CP ngày 1 tháng 7 năm 2023 (“Nghị định 46”) của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh Bảo hiểm, Tổng Công ty phải ký quỹ bảo hiểm bằng 2% vốn điều lệ tối thiểu tại một ngân hàng thương mại hoạt động tại Việt Nam. Tiền ký quỹ chỉ được sử dụng để đáp ứng các cam kết đối với bên mua bảo hiểm khi khả năng thanh toán của Tổng Công ty bị thiếu hụt và phải được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản. Khoản ký quỹ này chỉ được rút toàn bộ khi Tổng Công ty chấm dứt hoạt động.

Ký quỹ bảo hiểm được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(g) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	20 - 45 năm
▪ dụng cụ văn phòng	6 - 10 năm
▪ máy móc và thiết bị	8 - 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	10 - 15 năm
▪ tài sản cố định hữu hình khác	4 - 6 năm

**Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm**  
**kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DNPNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số*  
*232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12*  
*năm 2012 của Bộ Tài chính)*

**(h) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất lâu dài không được khấu hao.

**(ii) Phần mềm máy vi tính**

Giá mua phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 8 năm.

**(i) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(j) Bất động sản đầu tư cho thuê**

**(i) Nguyên giá**

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Điều hành. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

**(ii) Khấu hao**

Ngoại trừ quyền sử dụng đất lâu dài không được trích khấu hao, khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc

5 - 50 năm

**Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm**  
**kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DNPNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số*  
*232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12*  
*năm 2012 của Bộ Tài chính)*

**(k) Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

**(i) Chi phí khai thác bảo hiểm**

Chi phí khai thác bảo hiểm bao gồm chi phí kinh doanh phát sinh từ nghiệp vụ bảo hiểm sinh mạng và sức khỏe của người vay qua tổ chức tài chính được ghi nhận và phân bổ theo phương pháp trích lập dự phòng phí bảo hiểm chưa được hưởng được trình bày trong Thuyết minh 3(n). Số dư của chi phí khai thác bảo hiểm chưa phân bổ tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm phản ánh chi phí khai thác bảo hiểm trực tiếp tương ứng với doanh thu phí bảo hiểm chưa được hưởng tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

**(l) Phải trả về hợp đồng bảo hiểm và các khoản phải trả khác**

Phải trả về hợp đồng bảo hiểm và các khoản phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

**(m) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**Dự phòng trợ cấp thôi việc**

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Tổng Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tổng Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

**(n) Dự phòng nghiệp vụ**

Dự phòng nghiệp vụ được trích lập theo các quy định và hướng dẫn của Thông tư 67/2023/TT-BTC ngày 2 tháng 11 năm 2023 (“Thông tư 67”) do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn một số điều của Luật Kinh doanh Bảo hiểm, Nghị định số 46/2023/NĐ-CP ngày 1 tháng 7 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh Bảo hiểm và Công văn số 3167/BTC-QLBH ngày 21 tháng 3 năm 2018 (“Công văn 3167”) do Bộ Tài Chính ban hành chấp thuận phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm của Tổng Công ty.

Dự phòng nghiệp vụ của Tổng Công ty bao gồm dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ và dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe.

**Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm**  
**kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DNPNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số*  
*232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12*  
*năm 2012 của Bộ Tài chính)*

**(i) Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ**

**Dự phòng phí chưa được hưởng**

Dự phòng phí chưa được hưởng là khoản dự phòng cho phần phí bảo hiểm chưa được hưởng tương ứng với phân rủi ro mà Tổng Công ty phải gánh chịu sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được hạch toán là một khoản nợ phải trả trong bảng cân đối kế toán. Dự phòng phí chưa được hưởng được tính theo phương pháp hệ số của thời hạn hợp đồng bảo hiểm theo quy định tại Điều 35 của Thông tư 67, chi tiết như sau:

- Phương pháp trích lập dự phòng phí theo từng ngày (1/365) áp dụng đối với hợp đồng bảo hiểm gốc thuộc các nghiệp vụ bảo hiểm: bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại; bảo hiểm hàng hóa vận chuyên đường bộ, đường biển, đường thủy nội địa, đường sắt và đường hàng không; bảo hiểm xe cơ giới (xe ô tô); bảo hiểm cháy, nổ; bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự của chủ tàu; bảo hiểm trách nhiệm và bảo hiểm thiệt hại kinh doanh.
- Phương pháp 1/24 áp dụng đối với hợp đồng tái bảo hiểm của tất cả các nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ và hợp đồng bảo hiểm gốc thuộc các nghiệp vụ bảo hiểm: bảo hiểm hàng không; bảo hiểm xe cơ giới (xe máy), bảo hiểm tín dụng và rủi ro tài chính, bảo hiểm nông nghiệp, bảo hiểm bảo lãnh.

Dự phòng phí chưa được hưởng được tính toán và trình bày riêng cho phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm và cho phí nhượng tái bảo hiểm.

**Dự phòng bồi thường**

Dự phòng bồi thường bao gồm dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa được giải quyết và dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo.

Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng đến cuối kỳ kế toán năm chưa được giải quyết được trích lập cho từng nghiệp vụ bảo hiểm theo phương pháp ước tính số tiền bồi thường cho từng vụ tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã thông báo hoặc đã yêu cầu đòi bồi thường nhưng đến cuối năm kế toán chưa được giải quyết theo quy định tại Điều 36 của Thông tư 67.

**Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm**  
**kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DNPNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số*  
*232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12*  
*năm 2012 của Bộ Tài chính)*

“Các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo” (“IBNR”) là các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa được thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi bồi thường tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Đối với nghiệp vụ bảo hiểm xe cơ giới, dự phòng IBNR được tính theo phương pháp thống kê được quy định tại Điều 36 của Thông tư 67, chi tiết như sau:

Dự phòng bồi thường cho tổn thất đã phát sinh chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi bồi thường cho năm tài chính hiện tại	=	$\frac{\text{Tổng số tiền bồi thường cho tổn thất đã phát sinh chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi bồi thường của 3 năm tài chính trước liên tiếp}}{\text{Tổng số tiền bồi thường phát sinh của 3 năm tài chính trước liên tiếp}}$	x	$\frac{\text{Số tiền bồi thường phát sinh của năm tài chính hiện tại}}{\text{Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm của năm tài chính hiện tại}}$	x	$\frac{\text{Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm của năm tài chính hiện tại}}{\text{Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm của năm tài chính trước}}$	x	$\frac{\text{Thời gian chậm yêu cầu đòi bồi thường bình quân của năm tài chính hiện tại}}{\text{Thời gian chậm yêu cầu đòi bồi thường bình quân của năm tài chính trước}}$

Đối với các nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ khác, dự phòng IBNR được trích lập theo tỷ lệ 3% phí bảo hiểm đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm theo hướng dẫn tại Công văn 3167.

Dự phòng bồi thường được tính toán và trình bày riêng cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm và cho hoạt động nhượng tái bảo hiểm.

**Dự phòng dao động lớn**

Dự phòng dao động lớn được trích lập ở mức 1% phí bảo hiểm giữ lại theo từng nghiệp vụ bảo hiểm trong năm theo hướng dẫn tại Công văn 3167.

Dự phòng dao động lớn được trích lập cho đến khi khoản dự phòng này đạt 100% phí bảo hiểm giữ lại của năm tài chính hiện hành.

**(ii) Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe**

**Dự phòng toán học**

Đối với hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm sức khỏe có thời hạn trên 1 năm (trừ các hợp đồng chỉ bảo hiểm cho trường hợp chết, thương tật toàn bộ vĩnh viễn), dự phòng toán học được trích lập theo phương pháp 1/24 theo quy định tại Điều 35 của Thông tư 67. Trong mọi trường hợp Tổng Công ty đảm bảo kết quả trích lập dự phòng không thấp hơn kết quả trích lập theo phương pháp 1/8 theo quy định tại Điều 35 của Thông tư 67.

Đối với các hợp đồng bảo hiểm sức khỏe chỉ bảo hiểm cho trường hợp chết, thương tật toàn bộ vĩnh viễn, dự phòng toán học được trích lập theo phương pháp phí bảo hiểm thuần và cơ sở trích lập cho bảo hiểm nhân thọ từ kỳ theo quy định tại Điều 38 của Thông tư 67.

**Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm**  
**kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DNPNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số*  
*232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12*  
*năm 2012 của Bộ Tài chính)*

**Dự phòng phí chưa được hưởng**

Dự phòng phí chưa được hưởng áp dụng đối với hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm có thời hạn từ 1 năm trở xuống và được tính theo phương pháp 1/24 theo quy định tại Điều 35 của Thông tư 67.

Dự phòng phí chưa được hưởng được tính toán và trình bày riêng cho phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm và cho phí nhượng tái bảo hiểm.

**Dự phòng bồi thường**

Dự phòng bồi thường bao gồm dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa được giải quyết và dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo.

Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng đến cuối năm kế toán chưa được giải quyết được trích lập cho từng nghiệp vụ bảo hiểm theo phương pháp ước tính số tiền bồi thường cho từng vụ tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã thông báo hoặc đã yêu cầu đòi bồi thường nhưng đến cuối năm kế toán chưa được giải quyết theo quy định tại Điều 36 của Thông tư 67.

“Các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo” (“IBNR”) là các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa được thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi bồi thường tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Dự phòng IBNR được tính theo phương pháp thống kê được quy định tại Điều 36 của Thông tư 67, chi tiết như sau:

Dự phòng bồi thường cho tổn thất đã phát sinh chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi bồi thường cho năm tài chính hiện tại	=	Tổng số tiền bồi thường cho tổn thất đã phát sinh chưa yêu cầu đòi bồi thường của 3 năm tài chính trước liên tiếp	x	Số tiền bồi thường phát sinh của năm tài chính hiện tại	x	Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm của năm tài chính hiện tại	x	Thời gian chậm yêu cầu đòi bồi thường bình quân của năm tài chính hiện tại
		Tổng số tiền bồi thường phát sinh của 3 năm tài chính trước liên tiếp		Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm của năm tài chính trước		Thời gian chậm yêu cầu đòi bồi thường bình quân của năm tài chính trước		

Dự phòng bồi thường được tính toán và trình bày riêng cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm và cho hoạt động nhượng tái bảo hiểm.

**Dự phòng đảm bảo cân đối**

Dự phòng này được trích lập ở mức 1% phí bảo hiểm giữ lại theo từng nghiệp vụ bảo hiểm trong năm theo hướng dẫn tại Công văn 3167.

**Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm**  
**kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DNPNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số*  
*232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12*  
*năm 2012 của Bộ Tài chính)*

**(o) Vốn cổ phần**

**(i) Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(ii) Thặng dư vốn cổ phần**

Khi nhận được vốn góp từ các cổ đông, chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu phát hành được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

**(p) Quỹ dự trữ bắt buộc**

Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập hàng năm từ lợi nhuận sau thuế theo tỷ lệ 5% và được trích lập cho đến khi số dư của quỹ dự trữ bắt buộc này bằng 10% vốn điều lệ của Tổng Công ty. Quỹ dự trữ bắt buộc không được phép phân phối và được ghi nhận như là một phần của vốn chủ sở hữu.

**(q) Phân loại các công cụ tài chính**

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Tổng Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

**(i) Tài sản tài chính**

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Điều hành phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
  - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tổng Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm**  
**kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DNPNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số*  
*232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12*  
*năm 2012 của Bộ Tài chính)*

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tổng Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Tổng Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Tổng Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

*Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Tổng Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Tổng Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Tổng Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

*Tài sản tài chính sẵn sàng để bán*

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu.

**(ii) Nợ phải trả tài chính**

*Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Điều hành phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
  - khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

**Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm**  
**kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DNPNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số*  
*232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12*  
*năm 2012 của Bộ Tài chính)*

- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tổng Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

*Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

**(r) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, áp dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính tổng hợp và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(s) Doanh thu phí bảo hiểm**

Doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận theo các quy định và hướng dẫn của Thông tư 67.

Doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh trách nhiệm bảo hiểm, cụ thể như sau:

- Khi hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết giữa Tổng Công ty và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm;
- Có bằng chứng về việc hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm;

**Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm**  
**kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DNPNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số*  
*232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12*  
*năm 2012 của Bộ Tài chính)*

- Khi hợp đồng bảo hiểm đã giao kết và Tổng Công ty có thỏa thuận với bên mua bảo hiểm về thời hạn thanh toán phí bảo hiểm, Tổng Công ty hạch toán doanh thu khoản phí bảo hiểm bên mua bảo hiểm phải đóng theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm khi bắt đầu thời hạn bảo hiểm;
- Khi hợp đồng bảo hiểm đã giao kết và có thỏa thuận cho bên mua bảo hiểm về việc đóng phí bảo hiểm theo kỳ tại hợp đồng bảo hiểm, Tổng Công ty hạch toán doanh thu số phí bảo hiểm tương ứng với kỳ hoặc các kỳ phí bảo hiểm đã phát sinh, không hạch toán doanh thu số phí bảo hiểm chưa đến kỳ bên mua bảo hiểm phải đóng theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm.

Khi rủi ro được hủy bỏ và cần hoàn lại phí bảo hiểm, phí bảo hiểm bằng văn bản được điều chỉnh bằng cách khấu trừ số tiền phí bảo hiểm được hoàn phát sinh, nếu thích hợp.

**(t) Doanh thu từ hoạt động đầu tư**

**(i) Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán**

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi nhận được thông báo khớp lệnh các giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (đối với chứng khoán niêm yết) và khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán được chuyển giao cho người mua (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

**(ii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(iii) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là một khoản thu nhập trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**(iv) Doanh thu cho thuê**

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

**Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm**  
**kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DNPNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số*  
*232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12*  
*năm 2012 của Bộ Tài chính)*

**(u) Hoạt động tái bảo hiểm**

**(i) Nhượng tái bảo hiểm**

Phí nhượng tái bảo hiểm theo các hợp đồng tái bảo hiểm cố định và hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời được ghi nhận khi doanh thu phí bảo hiểm gốc nằm trong phạm vi thỏa thuận hợp đồng nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận.

Khoản thu hồi từ nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi có bằng chứng hiện hữu về việc phát sinh trách nhiệm của bên nhận tái bảo hiểm.

Doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp trích lập dự phòng phí chưa được hưởng được trình bày tại Thuyết minh 3(n). Số dư hoa hồng nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm phản ánh doanh thu hoa hồng tương ứng với phần phí chưa được hưởng.

**(ii) Nhận tái bảo hiểm**

Doanh thu và chi phí ngoại trừ chi phí hoa hồng liên quan đến nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi nhận được bản xác nhận thanh toán về tái bảo hiểm từ bên nhượng tái bảo hiểm.

Chi phí hoa hồng nhận tái bảo hiểm được ghi nhận theo chính sách kế toán được trình bày tại Thuyết minh 3(e).

**(v) Chi phí bồi thường bảo hiểm**

Chi phí bồi thường và chi phí giám định tổn thất được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi các sự kiện được bảo hiểm xảy ra. Chi phí bồi thường, chi phí giám định tổn thất được ghi nhận trong một kỳ kế toán năm dựa trên số tiền bồi thường ước tính cuối cùng và các chi phí giám định tổn thất có liên quan.

Những thay đổi trong các ước tính chi phí bồi thường (chi phí giám định tổn thất và bồi thường) thường xuyên được rà soát lại và chênh lệch giữa các ước tính bồi thường phải trả với số tiền thực phải thanh toán bồi thường bảo hiểm được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm khi các ước tính đó bị thay đổi hay các khoản thanh toán đó được thực hiện.

Các khoản chi phí bồi thường trong năm bao gồm các khoản đã thanh toán trong kỳ kế toán năm liên quan đến các yêu cầu bồi thường phát sinh trong năm đó, các khoản dự phòng cho yêu cầu bồi thường chưa được giải quyết hoặc các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa được thông báo (IBNR) tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm và các điều chỉnh trong năm hiện tại đối với các khoản dự phòng cho các yêu cầu bồi thường phát sinh trong các năm trước.

Các khoản thu đòi bồi thường, như thanh lý tài sản tổn thất đã xử lý bồi thường hoặc thu đòi bên thứ ba bồi hoàn, được đánh giá theo giá trị thực tế có thể thực hiện được và được ghi nhận là các khoản giảm trừ cho chi phí bồi thường bảo hiểm trong năm.

**Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm**  
**kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DNPNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số*  
*232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12*  
*năm 2012 của Bộ Tài chính)*

**(w) Chi phí khai thác bảo hiểm**

Toàn bộ chi phí khai thác bảo hiểm, ngoại trừ chi phí hoa hồng từ việc phát hành mới hoặc gia hạn hợp đồng bảo hiểm và chi phí khai thác phát sinh từ nghiệp vụ bảo hiểm sinh mạng và sức khỏe của người vay qua tổ chức tài chính, được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh. Chi phí hoa hồng từ việc phát hành mới hoặc gia hạn hợp đồng bảo hiểm và chi phí khai thác phát sinh từ nghiệp vụ bảo hiểm sinh mạng và sức khỏe của người vay qua tổ chức tài chính được ghi nhận theo chính sách kế toán được trình bày tại Thuyết minh 3(e).

**(x) Thuê tài sản**

**(i) Tài sản thuê**

Các tài sản thuê mà theo các điều khoản của hợp đồng thuê, Tổng Công ty, với tư cách là bên thuê, không nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu, được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán của Tổng Công ty.

**(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

**(y) Lãi trên cổ phiếu**

Tổng Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán năm báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu. Trong năm, Tổng Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

**(z) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận chính yếu của Tổng Công ty là dựa theo bộ phận chia theo lĩnh vực kinh doanh. Mẫu báo cáo bộ phận thứ yếu của Tổng Công ty là dựa theo bộ phận chia theo khu vực địa lý.

**Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm**  
**kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DNPNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số*  
*232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12*  
*năm 2012 của Bộ Tài chính)*

**(aa) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**(bb) Số dư bằng không**

Các khoản mục hoặc số dư quy định trong Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài mà không được phản ánh trên các báo cáo tài chính tổng hợp này thì được hiểu là có số dư bằng không.

**(cc) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính tổng hợp này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính tổng hợp năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính tổng hợp này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm trước.

**4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2024</b>	<b>31/12/2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt tại quỹ	5.959.114.228	5.935.984.888
<i>Trong đó: VND</i>	<i>5.959.114.228</i>	<i>5.935.984.888</i>
Tiền gửi ngân hàng	439.859.310.670	175.601.229.209
<i>Trong đó: VND</i>	<i>378.203.319.629</i>	<i>154.007.074.688</i>
<i>Ngoại tệ</i>	<i>61.655.991.041</i>	<i>21.594.154.521</i>
Tiền đang chuyển	275.468.485	92.168.485
	<hr/>	<hr/>
	446.093.893.383	181.629.382.582



**Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh**  
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNPNT  
(Ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC  
ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính)

**(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn						
▪ Tiền gửi có kỳ hạn (i)	3.325.445.125.210	(178.445.125.210)	3.147.000.000.000	3.349.445.125.210	(178.445.125.210)	3.171.000.000.000
▪ Trái phiếu doanh nghiệp	77.172.887.595	(77.172.887.595)	-	127.172.887.595	(77.172.887.595)	50.000.000.000
Trong đó:						
- CTCP Sông Đà Thăng Long (ii)	8.763.407.588	(8.763.407.588)	-	8.763.407.588	(8.763.407.588)	-
- Tập đoàn Công nghiệp tàu thủy Việt Nam (Vinashin) (ii)	68.409.480.007	(68.409.480.007)	-	68.409.480.007	(68.409.480.007)	-
- Ngân hàng TMCP Quân đội	-	-	-	50.000.000.000	-	50.000.000.000
▪ Chứng chỉ tiền gửi (iii)	20.000.000.000	-	20.000.000.000	10.000.000.000	-	10.000.000.000
	3.422.618.012.805	(255.618.012.805)	3.167.000.000.000	3.486.618.012.805	(255.618.012.805)	3.231.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn						
▪ Trái phiếu doanh nghiệp (iv)	200.000.000.000	-	200.000.000.000	50.000.000.000	-	50.000.000.000
▪ Tiền gửi có kỳ hạn (v)	36.000.000.000	-	36.000.000.000	-	-	-
▪ Chứng chỉ tiền gửi	-	-	-	11.000.000.000	-	11.000.000.000
	236.000.000.000	-	236.000.000.000	61.000.000.000	-	61.000.000.000

**Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh**  
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm  
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNPNT  
(Ban hành theo Thông tư số  
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12  
năm 2012 của Bộ Tài chính)

- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, các khoản tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại và tổ chức tín dụng bằng VND có kỳ hạn gốc từ 3 tháng trở lên và có thời gian đáo hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm và hưởng lãi suất năm từ 4,0% đến 6,4% (31/12/2023: 4,5% đến 8,9%). Số dư dự phòng phản ánh khoản dự phòng 100% cho khoản tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn tại Công ty Cho thuê Tài chính 2 (ALC2).
- Các trái phiếu này đã quá hạn và các tổ chức phát hành này mất khả năng thanh toán. Tổng Công ty đã trích lập dự phòng 100% cho các khoản đầu tư này.
- Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 phản ánh khoản đầu tư vào chứng chỉ tiền gửi tại các ngân hàng thương mại và các tổ chức tín dụng có kỳ hạn gốc từ 3 tháng trở lên và có thời gian đáo hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm và hưởng lãi suất năm là 7,5% (31/12/2023: 11,5%).
- Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 phản ánh khoản đầu tư vào trái phiếu Ngân hàng TMCP Quân đội và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam có thời gian đáo hạn còn lại trên 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm và hưởng lãi suất năm từ 5,5% đến 6,3% (31/12/2023: từ 5,0% đến 6,7%).
- Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn dài hạn tại ngân hàng thương mại bằng VND có thời gian đáo hạn còn lại trên 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm và hưởng mức lãi suất năm từ 5,5% đến 6,2% (31/12/2023: không có).

**Mẫu B 09 – DNPNT**  
(Ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính)

**Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**  
(tiếp theo)

**(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2024			31/12/2023				
	Số lượng	% sở hữu	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư góp vốn vào:								
▪ Công ty liên doanh								
- Công ty Bảo hiểm Liên hiệp (i) áp dụng	Không áp dụng	48,85%	242.250.000.000	-	242.250.000.000	Không áp dụng	-	145.350.000.000
▪ Đơn vị khác								
- CTCP Du lịch Khách sạn Sài Gòn Hạ Long	696.000	3,795%	6.000.000.000	-	6.000.000.000	696.000	-	6.000.000.000
- CTCP Sài Gòn - Kim Liên	761.810	10,13%	7.618.100.000	(3.349.890.639)	4.268.209.361	761.810	(3.349.890.639)	4.268.209.361
- Tổng CTCP Tài bảo hiểm Quốc Gia Việt Nam (Vinare)	10.660.799	6,43%	43.218.000.000	-	43.218.000.000	10.660.799	-	43.218.000.000
- CTCP Xi măng Hà Tiên	179.957	2,29%	779.200.000	-	779.200.000	179.957	-	779.200.000
			299.865.300.000	(3.349.890.639)	296.515.409.361			202.965.300.000 (3.349.890.639) 199.615.409.361

**Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm**  
**kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DNPNT**  
(Ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính)

- (i) Công ty Bảo hiểm Liên hiệp (gọi tắt là “UIC”) được thành lập tại Việt Nam theo hình thức công ty liên doanh giữa Tổng Công ty, Công ty Bảo hiểm Sompo Japan (thành lập tại Nhật Bản) và Công ty Bảo hiểm KB với thời hạn hoạt động là 35 năm theo Giấy phép đầu tư số 2003/GP ngày 01 tháng 11 năm 1997 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp và Giấy phép Thành lập và Hoạt động điều chỉnh số 09/GPDC7/KDBH ngày 26 tháng 11 năm 2021 do Bộ Tài chính cấp. Tổng Công ty sở hữu 48,45% vốn điều lệ.

Biến động dự phòng đầu tư tài chính dài hạn trong năm như sau:

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	3.349.890.639	2.860.375.564
Trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh 27)	-	489.515.075
Số dư cuối năm	3.349.890.639	3.349.890.639

**6. Các khoản phải thu**

**(a) Phải thu về hợp đồng bảo hiểm**

	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Phải thu hoạt động bảo hiểm gốc	264.016.050.735	272.429.279.205
Phải thu hoạt động nhận tái bảo hiểm	184.264.975.862	284.713.731.333
Phải thu hoạt động nhượng tái bảo hiểm	247.476.191.701	276.240.600.671
Phải thu phí đồng bảo hiểm	1.773.833.859	1.647.505.109
Phải thu khác	6.955.046.727	10.788.435.874
	704.486.098.884	845.819.552.192
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(178.249.472.075)	(175.196.970.212)
Phải thu về hợp đồng bảo hiểm thuần	526.236.626.809	670.622.581.980

**Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm**  
**kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DNPNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số*  
*232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12*  
*năm 2012 của Bộ Tài chính)*

**(b) Các khoản phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Phải thu lãi tiền gửi, trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi và cổ tức	143.349.042.756	270.160.459.196
Tạm ứng chi phí khai thác	239.553.300.174	-
Phải thu khác	161.850.517.883	128.105.984.924
	544.752.860.813	398.266.444.120
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(131.691.063.513)	(133.858.367.798)
Phải thu ngắn hạn khác thuần	413.061.797.300	264.408.076.322

**(c) Các khoản phải thu dài hạn**

	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Phải thu dài hạn khác		
▪ Ký quỹ bảo hiểm (i)	9.000.000.000	9.000.000.000
▪ Các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn khác	10.966.049.664	10.424.565.994
▪ Phải thu về lãi dự thu	-	398.630.137
	19.966.049.664	19.823.196.131

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tổng Công ty duy trì khoản tiền ký quỹ bảo hiểm bắt buộc tại Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam và hưởng lãi suất năm là 6,2% (31/12/2023: 7,5%).

**Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DNPNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC*  
*ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính)*

**(d) Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	31/12/2024	31/12/2023
	<b>Giá gốc VND</b>	<b>Giá gốc VND</b>
	<b>Dự phòng VND</b>	<b>Dự phòng VND</b>
	<b>Giá trị có thể thu hồi VND</b>	<b>Giá trị có thể thu hồi VND</b>
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		
Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	375.921.181.794	458.501.965.957
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	165.115.886.641	168.313.986.799
	541.037.068.435	626.815.952.756
	(309.940.535.588)	(309.055.338.010)
	231.096.532.847	317.760.614.746

Biến động dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi trong năm như sau:

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	309.055.338.010	312.539.212.816
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng trong năm (Thuyết minh 25)	885.197.578	(3.483.874.806)
Số dư cuối năm	309.940.535.588	309.055.338.010

**Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm**  
**kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DNPNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số*  
*232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12*  
*năm 2012 của Bộ Tài chính)*

**7. Hàng tồn kho**

	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Ấn chi	4.224.789.640	4.640.849.624
Vật liệu và văn phòng phẩm	303.031.044	323.705.816
	<u>4.527.820.684</u>	<u>4.964.555.440</u>

**8. Chi phí trả trước**

**(a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Chi phí hoa hồng chưa phân bổ (i)	266.306.603.908	270.679.650.723
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	358.521.291.068	409.339.362.412
Trong đó:		
▪ Công cụ, dụng cụ và thiết bị	2.105.303.650	7.824.898
▪ Chi phí khai thác bảo hiểm (ii)	351.863.230.442	398.534.875.589
▪ Chi phí trả trước khác	4.552.756.976	10.796.661.925
	<u>624.827.894.976</u>	<u>680.019.013.135</u>

**(i) Biến động chi phí hoa hồng chưa phân bổ trong năm như sau:**

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	270.679.650.723	264.605.176.559
Tăng trong năm	910.641.825.138	821.440.415.306
Phân bổ trong năm (Thuyết minh 25)	(915.014.871.953)	(815.365.941.142)
	<u>266.306.603.908</u>	<u>270.679.650.723</u>

**Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm**  
**kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DNPNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số*  
*232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12*  
*năm 2012 của Bộ Tài chính)*

**(ii) Biến động chi phí khai thác bảo hiểm trong năm như sau:**

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	398.534.875.589	367.427.477.670
Tăng trong năm	1.026.994.054.531	970.355.276.056
Phân bổ trong năm	(1.073.665.699.678)	(939.247.878.137)
	<u>351.863.230.442</u>	<u>398.534.875.589</u>

**(b) Chi phí trả trước dài hạn**

	Chi phí thuê văn phòng, thuê đất VND	Chi phí khai thác VND	Chi phí công cụ, dụng cụ VND	Chi phí khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	22.276.866.213	8.222.106.619	3.423.740.746	3.792.975.847	37.715.689.425
Tăng trong năm	18.782.079.446	6.081.654.406	3.320.939.944	3.814.976.679	31.999.650.475
Phân bổ trong năm	(24.028.831.863)	(10.313.543.362)	(3.328.899.459)	(2.775.604.071)	(40.446.878.755)
	<u>17.030.113.796</u>	<u>3.990.217.663</u>	<u>3.415.781.231</u>	<u>4.832.348.455</u>	<u>29.268.461.145</u>

**Mẫu B 09 – DNPNT**  
(Ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính)

**Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**  
(tiếp theo)

**9. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Dụng cụ văn phòng VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Khác VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	142.808.437.538	19.299.613.877	645.805.955	75.664.935.227	7.202.498.314	245.621.290.911
Tăng trong năm	367.454.384	188.790.909	53.363.636	-	285.943.300	895.552.229
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13.270.053.811	-	1.575.057.442	-	-	14.845.111.253
Thanh lý	-	(335.054.409)	-	(3.100.013.365)	(89.336.727)	(3.524.404.501)
Số dư cuối năm	156.445.945.733	19.153.350.377	2.274.227.033	72.564.921.862	7.399.104.887	257.837.549.892
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	96.471.765.351	18.492.043.263	139.144.090	54.541.641.461	6.528.195.329	176.172.789.494
Khấu hao trong năm	5.996.958.372	199.017.918	155.561.014	4.937.483.812	303.908.770	11.592.929.886
Thanh lý	-	(335.054.409)	-	(3.100.013.365)	(89.336.727)	(3.524.404.501)
Số dư cuối năm	102.468.723.723	18.356.006.772	294.705.104	56.379.111.908	6.742.767.372	184.241.314.879
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu năm	46.336.672.187	807.570.614	506.661.865	21.123.293.766	674.302.985	69.448.501.417
Số dư cuối năm	53.977.222.010	797.343.605	1.979.521.929	16.185.809.954	656.337.515	73.596.235.013

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 có các tài sản có nguyên giá 65.085 triệu VND (31/12/2023: 59.913 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

**Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm**  
**kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DNPNT**  
(Ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính)

**10. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	194.166.163.294	91.988.243.187	286.154.406.481
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	1.320.677.438	1.320.677.438
Số dư cuối năm	194.166.163.294	93.308.920.625	287.475.083.919
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	19.219.851.736	83.478.980.557	102.698.832.293
Khấu hao trong năm	1.814.464.037	2.129.804.050	3.944.268.087
Số dư cuối năm	21.034.315.773	85.608.784.607	106.643.100.380
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	174.946.311.558	8.509.262.630	183.455.574.188
Số dư cuối năm	173.131.847.521	7.700.136.018	180.831.983.539

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 có các tài sản có nguyên giá 77.476 triệu VND (31/12/2023: 77.476 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

**11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	30.445.901.692	29.300.478.945
Tăng trong năm	6.852.514.200	5.106.982.264
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 9)	(14.845.111.253)	(3.961.559.517)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 10)	(1.320.677.438)	-
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(2.637.183.412)	-
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(285.943.300)	-
Giảm khác	(23.888.947)	-
Số dư cuối năm	18.185.611.542	30.445.901.692



**Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm**  
**kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DNPNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số*  
*232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12*  
*năm 2012 của Bộ Tài chính)*

Các hạng mục chi phí xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Xây dựng cơ bản dở dang	18.141.277.360	18.189.501.759
Mua sắm tài sản cố định	44.334.182	84.324.182
Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	12.172.075.751
	<u>18.185.611.542</u>	<u>30.445.901.692</u>

**12. Bất động sản đầu tư**

	Quyền sử dụng đất VND	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm/số dư cuối năm	101.071.189.764	80.790.163.699	181.861.353.463
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	-	29.728.188.114	29.728.188.114
Khấu hao trong năm	-	2.462.483.988	2.462.483.988
Số dư cuối năm	-	32.190.672.102	32.190.672.102
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	101.071.189.764	51.061.975.585	152.133.165.349
Số dư cuối năm	101.071.189.764	48.599.491.597	149.670.681.361

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cho thuê không được xác định bởi vì Tổng Công ty không thực hiện việc xác định giá trị hợp lý.

**13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	Thuế suất	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	20%	16.998.911.471	17.658.384.914



**Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm**  
**kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DNPNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số*  
*232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12*  
*năm 2012 của Bộ Tài chính)*

**14. Phải trả về hợp đồng bảo hiểm**

	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Phải trả bồi thường bảo hiểm gốc	47.553.626.039	25.520.997.755
Phải trả hoạt động nhận tái bảo hiểm	107.297.172.744	203.390.280.132
Phải trả hoạt động nhượng tái bảo hiểm	521.504.708.589	384.288.148.911
Phải trả doanh nghiệp tham gia đồng bảo hiểm	31.594.995.313	10.676.396.377
Phải trả khác liên quan đến bảo hiểm gốc	143.065.915.867	133.285.655.122
Phải trả hoa hồng bảo hiểm gốc	66.884.020.900	64.678.592.934
	<u>917.900.439.452</u>	<u>821.840.071.231</u>

**15. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước**
**(a) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	31/12/2023 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/cán trừ trong năm VND	Phân loại lại VND	31/12/2024 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	271.419.868.047	(276.488.067.852)	5.068.199.805	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.184.486.941	34.400.136.061	(50.015.515.275)	11.430.892.273	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	26.243.094.735	(26.278.822.050)	35.727.315	-
Thuế thu nhập cá nhân của đại lý bảo hiểm	3.931.595.780	9.731.994.823	(9.266.037.739)	-	4.397.552.864
Thuế nhà thầu	857.075.391	1.792.777.080	(2.051.885.749)	-	597.966.722
Thuế khác	73.184.112	2.246.350.586	(2.144.681.116)	-	174.853.582
	9.046.342.224	345.834.221.332	(366.245.009.781)	16.534.819.393	5.170.373.168

**(b) Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước**

	31/12/2023 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã cán trừ trong năm VND	Phân loại lại VND	31/12/2024 VND
Thuế giá trị gia tăng	8.092.867.666	96.472.379.959	(104.565.247.625)	5.068.199.805	5.068.199.805
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	11.430.892.273	11.430.892.273
Thuế thu nhập cá nhân	5.277.602.600	-	-	35.727.315	5.313.329.915
Thuế khác	4.359.465.852	74.482.033	(74.284.228)	-	4.359.663.657
	17.729.936.118	96.546.861.992	(104.639.531.853)	16.534.819.393	26.172.085.650

**Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm**  
**kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**
**Mẫu B 09 – DNPNT**  
 (Ban hành theo Thông tư số  
 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12  
 năm 2012 của Bộ Tài chính)

**16. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

Các khoản phải trả, phải nộp khác bao gồm phải trả bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, quỹ cháy nổ bắt buộc, nhận ký quỹ ký cược và các khoản phải trả khác cho người bán.

**17. Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng**

Biến động doanh thu hoa hồng chưa được hưởng trong năm như sau:

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	137.886.987.999	104.641.438.802
Tăng trong năm	241.574.781.816	226.016.618.286
Phân bổ trong năm (Thuyết minh 22)	(242.025.367.705)	(192.771.069.089)
Số dư cuối năm	137.436.402.110	137.886.987.999

**18. Dự phòng nghiệp vụ**
**(a) Dự phòng phí chưa được hưởng và dự phòng bồi thường**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm VND (1)	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm VND (2)	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần VND (3) = (1) – (2)
Dự phòng phí chưa được hưởng (i)	1.943.170.424.692	394.202.950.718	1.548.967.473.974
Dự phòng bồi thường (ii)	1.399.732.485.259	1.028.141.375.510	371.591.109.749
▪ Dự phòng cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa giải quyết	1.297.319.875.242	978.490.364.330	318.829.510.912
▪ Dự phòng IBNR	102.412.610.017	49.651.011.180	52.761.598.837
	3.342.902.909.951	1.422.344.326.228	1.920.558.583.723

**Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm**  
**kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DNPNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số*  
*232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12*  
*năm 2012 của Bộ Tài chính)*

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm VND (1)	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm VND (2)	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần VND (3) = (1) – (2)
Dự phòng phí chưa được hưởng (i)	1.955.836.470.039	503.666.140.330	1.452.170.329.709
Dự phòng bồi thường (ii)	889.293.469.961	606.360.767.308	282.932.702.653
▪ <i>Dự phòng cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa giải quyết</i>	<i>787.021.924.018</i>	<i>557.433.322.201</i>	<i>229.588.601.817</i>
▪ <i>Dự phòng IBNR</i>	<i>102.271.545.943</i>	<i>48.927.445.107</i>	<i>53.344.100.836</i>
	2.845.129.940.000	1.110.026.907.638	1.735.103.032.362

(i) Biến động dự phòng phí chưa được hưởng trong năm như sau:

2024	Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm VND (1)	Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm VND (2)	Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần VND (3) = (1) – (2)
Số dư đầu năm (Hoàn nhập)/trích lập dự phòng trong năm	1.955.836.470.039 (12.666.045.347)	503.666.140.330 (109.463.189.612)	1.452.170.329.709 96.797.144.265
Số dư cuối năm	1.943.170.424.692	394.202.950.718	1.548.967.473.974

2023	Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm VND (1)	Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm VND (2)	Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần VND (3) = (1) – (2)
Số dư đầu năm Trích lập dự phòng trong năm	1.874.304.158.642 81.532.311.397	455.218.380.182 48.447.760.148	1.419.085.778.460 33.084.551.249
Số dư cuối năm	1.955.836.470.039	503.666.140.330	1.452.170.329.709

**Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm**  
**kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DNPNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số*  
*232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12*  
*năm 2012 của Bộ Tài chính)*

(ii) Biến động dự phòng bồi thường trong năm như sau:

2024	Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm VND (1)	Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm VND (2)	Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần VND (3) = (1) – (2)
Số dư đầu năm	889.293.469.961	606.360.767.308	282.932.702.653
Trích lập dự phòng trong năm	510.439.015.298	421.780.608.202	88.658.407.096
Số dư cuối năm	1.399.732.485.259	1.028.141.375.510	371.591.109.749

2023

	Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm VND (1)	Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm VND (2)	Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm thuần VND (3) = (1) – (2)
Số dư đầu năm	1.271.121.923.198	983.714.186.807	287.407.736.391
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(381.828.453.237)	(377.353.419.499)	(4.475.033.738)
Số dư cuối năm	889.293.469.961	606.360.767.308	282.932.702.653

(b) Dự phòng dao động lớn

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	195.898.514.240	210.312.665.188
Trích lập dự phòng trong năm	49.766.859.030	45.585.849.052
Sử dụng dự phòng trong năm	(123.000.000.000)	(60.000.000.000)
Số dư cuối năm	122.665.373.270	195.898.514.240

**Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNPNT  
(Ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC  
ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính)

**19. Vốn chủ sở hữu**

**(a) Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ dự trữ bất buộc VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024</b>	1.205.854.080.000	792.244.224.449	28.085.153.439	120.585.408.000	496.100.995.328	2.642.869.861.216
Tăng vốn từ chia cổ tức bằng cổ phiếu	120.574.100.000	-	-	-	(120.574.100.000)	-
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi, thù lao HĐQT, Ban kiểm soát năm 2024	-	-	-	-	(32.707.699.846)	(32.707.699.846)
Cổ tức đã trả	-	-	-	-	(60.292.704.000)	(60.292.704.000)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	237.674.042.229	237.674.042.229
Tạm trích quỹ dự trữ bất buộc	-	-	-	11.883.702.111	(11.883.702.111)	-
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024</b>	1.326.428.180.000	792.244.224.449	28.085.153.439	132.469.110.111	508.316.831.600	2.787.543.499.599
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023</b>	1.096.239.850.000	792.244.224.449	28.085.153.439	109.623.985.000	384.945.270.056	2.411.138.482.944
Tăng vốn từ chia cổ tức bằng cổ phiếu	109.614.230.000	-	-	-	(109.614.230.000)	-
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi, thù lao HĐQT, Ban kiểm soát năm 2023	-	-	-	-	(42.449.513.999)	(42.449.513.999)
Cổ tức đã trả	-	-	-	-	(54.811.992.500)	(54.811.992.500)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	328.992.884.771	328.992.884.771
Trích quỹ dự trữ bất buộc	-	-	-	10.961.423.000	(10.961.423.000)	-
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023</b>	1.205.854.080.000	792.244.224.449	28.085.153.439	120.585.408.000	496.100.995.328	2.642.869.861.216

**Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNPNT  
(Ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC  
ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính)

**(b) Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 Số cổ phiếu	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 Số cổ phiếu
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	132.642.818	132.642.818
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>	132.642.818	132.642.818
Cổ phiếu phổ thông	1.326.428.180.000	1.326.428.180.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>	132.642.818	132.642.818
Cổ phiếu phổ thông	1.205.854.080.000	1.205.854.080.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty.

**Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm**  
**kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DNPNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số*  
*232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12*  
*năm 2012 của Bộ Tài chính)*

Cơ cấu cổ đông của Tổng Công ty như sau:

	31/12/2024		31/12/2023	
	Số lượng cổ phiếu	%	Số lượng cổ phiếu	%
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước	67.252.787	50,70%	61.138.898	50,70%
AXA.SA – Pháp	22.084.484	16,65%	20.076.804	16,65%
Công ty TNHH Firstland	6.798.421	5,13%	6.814.692	5,65%
Cán bộ nhân viên của Tổng Công ty và cổ đông khác	36.507.126	27,52%	32.555.014	27,00%
	<b>132.642.818</b>	<b>100%</b>	<b>120.585.408</b>	<b>100%</b>

**(c) Cổ tức**

Ngày 24 tháng 4 năm 2024, Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024 của Tổng Công ty đã thông qua tỷ lệ chi trả cổ tức bằng tiền mặt cho năm tài chính 2023 là 5% (500 VND/cổ phiếu) tính trên vốn cổ phần 1.205.854.080.000 VND, tương đương với số tiền 60.292.704.000 VND và cổ tức bằng cổ phiếu cho năm tài chính 2023 là 10% tính trên vốn cổ phần 1.205.854.080.000 VND, tương đương 120.585.408 cổ phiếu. Ngày 10 tháng 10 năm 2024, Tổng Công ty đã hoàn thành việc phát hành thêm 12.057.410 cổ phiếu, tương ứng tăng vốn cổ phần thêm 120.574.100.000 VND.

(Ngày 17 tháng 4 năm 2023, Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 thông qua tỷ lệ chi trả cổ tức bằng tiền mặt cho năm tài chính 2022 là 5% (500 VND/cổ phiếu) tính trên vốn cổ phần 1.096.239.850.000 VND, tương đương với số tiền 54.811.992.500 VND và cổ tức bằng cổ phiếu cho năm tài chính 2022 là 10% tính trên vốn cổ phần 1.096.239.850.000 VND, tương đương 109.623.985 cổ phiếu).

**Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm**  
**kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DNPNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số*  
*232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12*  
*năm 2012 của Bộ Tài chính)*

**20. Doanh thu phí bảo hiểm**

**(a) Phí bảo hiểm gốc**

	2024 VND	2023 VND
<i>Phí bảo hiểm gốc</i>		
▪ Bảo hiểm sức khỏe	2.488.028.844.883	2.085.530.458.752
▪ Bảo hiểm cháy nổ	1.103.649.784.632	1.175.736.017.204
▪ Bảo hiểm xe cơ giới	946.436.941.027	861.419.551.075
▪ Bảo hiểm tín dụng	530.414.770.316	613.793.276.243
▪ Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	161.029.483.554	117.247.332.051
▪ Bảo hiểm kỹ thuật	211.899.714.852	215.653.647.374
▪ Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	199.492.802.596	176.506.853.623
▪ Bảo hiểm tàu	161.396.193.826	147.317.695.376
▪ Bảo hiểm trách nhiệm	94.391.905.905	89.215.362.144
▪ Bảo hiểm hàng không	74.667.621.947	85.997.751.385
▪ Bảo hiểm nông nghiệp	1.459.958.127	1.595.346.096
	<b>5.972.868.021.665</b>	<b>5.570.013.291.323</b>
<i>Trừ đi các khoản giảm trừ phí bảo hiểm gốc</i>		
▪ Hoàn phí/giảm phí bảo hiểm	(12.189.294.712)	(10.283.456.428)
	<b>5.960.678.726.953</b>	<b>5.559.729.834.895</b>

**(b) Phí nhận tái bảo hiểm**

	2024 VND	2023 VND
<i>Phí nhận tái bảo hiểm</i>		
▪ Bảo hiểm sức khỏe	25.332.123.964	16.537.546.862
▪ Bảo hiểm cháy nổ	440.373.429.052	435.984.339.001
▪ Bảo hiểm xe cơ giới	1.315.419.988	1.579.721.270
▪ Bảo hiểm kỹ thuật	67.117.245.031	54.027.316.688
▪ Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	32.623.838.941	41.974.384.994
▪ Bảo hiểm tàu	24.370.445.464	17.741.657.598
▪ Bảo hiểm trách nhiệm	5.602.838.529	13.337.298.773
▪ Bảo hiểm hàng không	69.919.372.507	55.951.566.863
▪ Bảo hiểm nông nghiệp	18.090.103.348	3.001.808.915
	<b>684.744.816.824</b>	<b>640.135.640.964</b>
<i>Trừ đi các khoản giảm trừ phí nhận tái bảo hiểm</i>		
▪ Hoàn phí bảo hiểm	(3.196.675.792)	(2.293.252.513)
	<b>681.548.141.032</b>	<b>637.842.388.451</b>

**Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm**  
**kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DNPNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số*  
*232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12*  
*năm 2012 của Bộ Tài chính)*

**21. Tổng phí nhượng tái bảo hiểm**

	<b>2024</b>	<b>2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Bảo hiểm sức khỏe	9.903.575.169	7.762.310.545
Bảo hiểm cháy nổ	926.248.384.270	963.899.217.545
Bảo hiểm xe cơ giới	603.739.973	517.604.086
Bảo hiểm tín dụng	60.679.826.202	65.386.511.070
Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	158.804.268.265	113.560.362.283
Bảo hiểm kỹ thuật	162.338.308.494	148.373.430.740
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	96.332.797.634	90.413.249.410
Bảo hiểm tàu	106.774.497.659	85.432.956.134
Bảo hiểm trách nhiệm	66.903.630.356	74.628.182.462
Bảo hiểm hàng không	76.329.910.851	88.342.324.842
Bảo hiểm nông nghiệp	622.023.203	671.169.029
	<b>1.665.540.962.076</b>	<b>1.638.987.318.146</b>

**22. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm**

	<b>2024</b>	<b>2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm (Thuyết minh 17)	242.025.367.705	192.771.069.089

**23. Chi bồi thường**

	<b>2024</b>	<b>2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<i>Tổng chi bồi thường</i>		
▪ Chi bồi thường bảo hiểm gốc (i)	1.684.222.000.035	1.842.081.007.778
▪ Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm (ii)	322.818.763.187	320.562.976.579
	<b>2.007.040.763.222</b>	<b>2.162.643.984.357</b>
<i>Trừ đi các khoản giảm trừ bồi thường</i>		
▪ Thu đòi bên thứ ba bồi hoàn, thu hàng đã xử lý bồi thường	(10.850.746.373)	(6.564.772.756)
	<b>1.996.190.016.849</b>	<b>2.156.079.211.601</b>

**Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm**  
**kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DNPNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số*  
*232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12*  
*năm 2012 của Bộ Tài chính)*

**(i) Chi bồi thường bảo hiểm gốc**

	<b>2024</b>	<b>2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Bảo hiểm sức khỏe	775.960.818.506	706.517.386.606
Bảo hiểm cháy nổ	289.136.047.052	379.554.533.045
Bảo hiểm xe cơ giới	426.168.978.456	414.389.223.364
Bảo hiểm tín dụng	25.731.657.445	35.634.857.652
Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	5.068.048.521	150.017.056.568
Bảo hiểm kỹ thuật	19.387.616.615	23.292.578.550
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	64.305.848.227	50.972.948.772
Bảo hiểm tàu	67.668.238.558	77.074.846.621
Bảo hiểm trách nhiệm	8.069.460.216	4.114.455.335
Bảo hiểm hàng không	2.597.266.785	511.001.265
Bảo hiểm nông nghiệp	128.019.654	2.120.000
	<b>1.684.222.000.035</b>	<b>1.842.081.007.778</b>

**(ii) Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm**

	<b>2024</b>	<b>2023</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Bảo hiểm sức khỏe	24.978.145.552	13.195.756.029
Bảo hiểm cháy nổ	222.332.090.419	232.762.227.831
Bảo hiểm xe cơ giới	62.379.879	118.221.487
Bảo hiểm kỹ thuật	6.291.500.909	15.128.697.324
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	11.485.343.925	12.752.476.951
Bảo hiểm tàu	14.248.421.210	11.284.992.905
Bảo hiểm trách nhiệm	207.951.848	6.035.556.062
Bảo hiểm hàng không	36.884.417.596	28.518.073.275
Bảo hiểm nông nghiệp	6.328.511.849	766.974.715
	<b>322.818.763.187</b>	<b>320.562.976.579</b>



**Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh**  
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm  
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DNPNT**  
(Ban hành theo Thông tư số  
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12  
năm 2012 của Bộ Tài chính)

**24. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm**

	2024 VND	2023 VND
Bảo hiểm sức khỏe	4.042.023.720	5.067.249.834
Bảo hiểm cháy nổ	265.041.368.051	356.053.800.938
Bảo hiểm xe cơ giới	61.399.803	1.344.000
Bảo hiểm tín dụng	11.300.254.853	5.777.980.163
Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh	3.482.077.919	144.018.743.270
Bảo hiểm kỹ thuật	13.854.660.283	14.393.445.577
Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển	15.986.598.428	11.405.555.816
Bảo hiểm tàu	36.688.651.767	44.198.301.010
Bảo hiểm trách nhiệm	4.724.094.067	625.838.267
Bảo hiểm hàng không	2.512.898.778	500.363.603
Bảo hiểm nông nghiệp	115.355.016	-
	357.809.382.685	582.042.622.478

**25. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm**

	2024 VND	2023 VND
Chi phí hoa hồng bảo hiểm (Thuyết minh 8(a)(i))	915.014.871.953	815.365.941.142
Chi phí khai thác	1.083.979.243.040	939.247.878.137
Chi phí nhân viên quản lý	306.511.853.552	468.334.551.583
Chi phí hội nghị, giao dịch, quảng cáo	444.657.714.963	376.796.901.859
Chi phí đào tạo, hỗ trợ đại lý	322.021.716.183	186.708.325.422
Chi phí dịch vụ mua ngoài	55.744.563.796	39.852.368.660
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng nợ phải thu khó đòi	885.197.578	(3.483.874.806)
Chi phí đề phòng, hạn chế tổn thất	24.684.640.131	18.956.989.812
Chi phí văn phòng	15.560.237.988	17.066.689.754
Chi phí tài trợ học sinh theo định mức	17.533.440.457	19.041.099.733
Chi phí khấu hao	9.158.457.827	10.131.562.568
Các khoản thuế, phí, lệ phí	13.249.824.330	12.333.346.850
Chi phí đánh giá rủi ro đối tượng được bảo hiểm	277.977.922	416.833.255
Chi phí khác	6.985.837.495	7.303.747.163
	3.216.265.577.215	2.908.072.361.132



**Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh**  
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm  
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DNPNT**  
(Ban hành theo Thông tư số  
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12  
năm 2012 của Bộ Tài chính)

**26. Doanh thu hoạt động tài chính**

	2024 VND	2023 VND
Thu nhập lãi tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn và chứng chỉ tiền gửi	168.165.839.559	231.047.165.078
Cổ tức được chia	98.518.613.486	140.895.038.282
Lãi chênh lệch tỷ giá	29.218.559.915	25.798.417.989
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	1.665.736.329
Thu nhập lãi đầu tư trái phiếu	8.916.554.794	9.053.337.425
Lãi từ mua bán chứng khoán kinh doanh	16.173.281.985	1.907.472.177
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.896.716.781	1.729.229.084
	322.889.566.520	412.096.396.364

**27. Chi phí hoạt động tài chính**

	2024 VND	2023 VND
Chi phí nhân viên	79.440.053.064	105.123.812.756
Lãi chênh lệch tỷ giá	33.671.418.901	27.335.187.655
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.190.429.955	-
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(1.593.024.354)	(1.898.713.499)
Trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	-	489.515.075
Lãi từ hoạt động mua bán chứng khoán kinh doanh	20.624.944	1.506.883
Chi phí tài chính khác	483.458.618	883.597.679
	113.212.961.128	131.934.906.549

**Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm**  
**kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DNPNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số*  
*232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12*  
*năm 2012 của Bộ Tài chính)*

**28. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	2024 VND	2023 VND
Chi phí nhân viên	104.938.568.675	93.423.526.290
Chi phí vật liệu	3.799.254.612	5.950.794.415
Chi phí khấu hao	6.378.740.146	4.616.595.955
Thuế và chi phí, lệ phí	340.539.804	327.879.832
Chi phí dịch vụ mua ngoài	39.270.502.620	34.543.933.126
Chi phí hội nghị	39.785.542.702	29.424.450.602
Chi phí khác	4.536.146.693	6.534.281.168
	199.049.295.252	174.821.461.388

**29. Thu nhập khác**

	2024 VND	2023 VND
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	746.567.710	308.654.453
Thu nhập khác	3.195.354.941	6.720.192.292
	3.941.922.651	7.028.846.745

**30. Chi phí khác**

	2024 VND	2023 VND
Lỗ thanh lý tài sản cố định	-	12.546.015
Chi phí khác	1.363.771.429	1.433.926.935
	1.363.771.429	1.446.472.950



**Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm**  
**kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DNPNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số*  
*232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12*  
*năm 2012 của Bộ Tài chính)*

**31. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	2024 VND	2023 VND
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>		
Năm hiện hành	34.400.136.061	45.697.535.756
	34.400.136.061	45.697.535.756
<b>Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	659.473.443	1.536.818.490
	35.059.609.504	47.234.354.246

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	2024 VND	2023 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	272.733.651.733	376.227.239.017
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	54.546.730.347	75.245.447.803
Chi phí không được khấu trừ thuế	216.601.854	167.914.100
Thu nhập không bị tính thuế (i)	(19.703.722.697)	(28.179.007.657)
	35.059.609.504	47.234.354.246

(i) Thu nhập không bị tính thuế liên quan đến thu nhập từ cổ tức được chia.

**(c) Thuế suất áp dụng**

Mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của Tổng Công ty là 20%. Việc tính thuế thu nhập doanh nghiệp phụ thuộc vào sự kiểm tra và chấp thuận của cơ quan thuế.

**Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm**  
**kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DNPNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số*  
*232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12*  
*năm 2012 của Bộ Tài chính)*

**32. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu được dựa trên số lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong năm, chi tiết như sau:

**(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông**

	2024 VND	2023 VND
Lợi nhuận thuần trong năm	237.674.042.229	328.992.884.771
Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(30.193.818.056)	(40.301.032.938)
<b>Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông</b>	<b>207.480.224.173</b>	<b>288.691.851.833</b>

(\*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2024 được điều chỉnh giảm cho khoản tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2024 theo kế hoạch được phê duyệt trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2024-BM/ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 4 năm 2024. Số liệu chính thức của số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2024 sẽ được phê duyệt bởi Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025.

**(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

	2024 Cổ phiếu	2023 Cổ phiếu (Điều chỉnh lại)	2023 Cổ phiếu (Theo báo cáo trước đây)
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước mang sang	120.585.408	109.623.985	109.623.985
Ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu thường trong năm	12.058.287	23.019.710	2.162.253
<b>Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong năm</b>	<b>132.643.695</b>	<b>132.643.695</b>	<b>111.786.238</b>

**(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	2024 VND/cổ phiếu	2023 VND/cổ phiếu (Điều chỉnh lại)	2023 VND/cổ phiếu (Theo báo cáo trước đây)
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.564</b>	<b>2.176</b>	<b>2.583</b>

**Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm**  
**kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DNPNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số*  
*232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12*  
*năm 2012 của Bộ Tài chính)*

**33. Các công cụ tài chính**

**(a) Quản lý rủi ro tài chính**

**Tổng quan**

Các loại rủi ro mà Tổng Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Điều hành giám sát việc tuân thủ chính sách và quy trình quản lý rủi ro của Tổng Công ty như thế nào, và soát xét tính thích hợp của các chính sách quản lý rủi ro này.

**(b) Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Tổng Công ty nếu bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi và ký quỹ bảo hiểm.

**Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng**

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

	Thuyết minh	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển	(i)	440.134.779.155	175.693.397.694
Tiền gửi có kỳ hạn – ngắn hạn – gộp	(i)	3.325.445.125.210	3.349.445.125.210
Trái phiếu – ngắn hạn – gộp	(ii)	77.172.887.595	127.172.887.595
Chứng chỉ tiền gửi – ngắn hạn	(ii)	20.000.000.000	10.000.000.000
Phải thu về hợp đồng bảo hiểm – gộp	(iii)	704.486.098.884	845.819.552.192
Các khoản phải thu ngắn hạn khác – gộp	(iii)	544.752.860.813	398.266.444.120
Ký quỹ bảo hiểm	(i)	9.000.000.000	9.000.000.000
Các khoản phải thu dài hạn khác	(iii)	10.966.049.664	10.823.196.131
Trái phiếu – dài hạn – gộp	(ii)	200.000.000.000	50.000.000.000
Chứng chỉ tiền gửi – dài hạn	(ii)	-	11.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn – dài hạn	(i)	36.000.000.000	-
		<b>5.367.957.801.321</b>	<b>4.987.220.602.942</b>

**Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm**  
**kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DNPNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số*  
*232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12*  
*năm 2012 của Bộ Tài chính)*

**(i) Tiền gửi ngân hàng, các khoản tiền gửi ngắn hạn và dài hạn tại ngân hàng và tiền ký quỹ bảo hiểm**

Tiền gửi ngân hàng, các khoản tiền gửi ngắn hạn và dài hạn tại ngân hàng và tiền ký quỹ bảo hiểm của Tổng Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng và có mức tín nhiệm cao.

**(ii) Trái phiếu và chứng chỉ tiền gửi nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Tổng Công ty giới hạn mức rủi ro tín dụng bằng cách chỉ đầu tư vào các loại trái phiếu và chứng chỉ tiền gửi của các tổ chức tài chính danh tiếng và có mức tín nhiệm cao.

Các trái phiếu bị quá hạn và các tổ chức phát hành các trái phiếu này mất khả năng thanh toán đã được trích lập dự phòng như được trình bày trong Thuyết minh 5(b).

**(iii) Các khoản phải thu về hợp đồng bảo hiểm và phải thu khác**

Rủi ro tín dụng của Tổng Công ty liên quan đến các khoản phải thu và tài sản khác chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Các khoản phải thu về hợp đồng bảo hiểm đáo hạn trong vòng 30 ngày kể từ ngày phát hành hợp đồng bảo hiểm hoặc ngày hiệu lực bảo hiểm. Tổng Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào từ các khách hàng.

Mặc dù điều kiện, điều khoản hợp đồng bảo hiểm luôn quy định nghĩa vụ và thời hạn đóng phí bảo hiểm của người tham gia bảo hiểm nhưng trên thực tế, tình trạng người tham gia bảo hiểm không thực hiện được đầy đủ và đúng hạn việc đóng phí bảo hiểm là không tránh khỏi. Để hạn chế tình trạng này, Tổng Công ty đã ban hành và yêu cầu các bên, các bộ phận liên quan tuân thủ chặt chẽ quy trình đóng phí, gia hạn đóng phí bảo hiểm. Theo đó, phân cấp cho các công ty thành viên được gia hạn đóng phí khi đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của Thông tư 67. Những người tham gia bảo hiểm bị đánh giá tín dụng thấp, không có khả năng đóng phí sẽ bị chấm dứt hiệu lực hợp đồng và tiếp tục theo dõi công nợ để làm các thủ tục đòi hoặc xóa nợ sau này. Đối với các khoản phí bảo hiểm không đóng đúng thời hạn, Tổng Công ty theo dõi, phân loại tuổi nợ để trích lập dự phòng như quy định của nhà nước cũng như làm thủ tục xóa nợ nếu có đầy đủ cơ sở.

Trong các hợp đồng nhượng tái bảo hiểm, sau khi phân bổ trách nhiệm cho các nhà nhận tái bảo hiểm, Tổng Công ty cũng phải đối mặt với rủi ro tín dụng khi các nhà nhận tái bảo hiểm này không thanh toán được phần trách nhiệm của họ cho Tổng Công ty. Tổng Công ty đã rất chú trọng việc kiểm soát rủi ro này khi chỉ nhượng tái bảo hiểm cho các nhà bảo hiểm được xếp hạng tín dụng cao bởi các tổ chức xếp hạng hàng đầu thế giới. Đối với các nhà nhận tái bảo hiểm trong nước không được xếp hạng tín dụng, Tổng Công ty cũng có những đánh giá riêng và theo dõi chặt chẽ diễn biến khả năng tài chính của họ.

Các khoản phải thu về hợp đồng bảo hiểm và phải thu khác chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu từ các công ty có lịch sử trả nợ đáng tin cậy đối với Tổng Công ty.

**Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm**  
**kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DNPNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số*  
*232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12*  
*năm 2012 của Bộ Tài chính)*

Tuổi nợ của các khoản phải thu về hợp đồng bảo hiểm và phải thu khác đã quá hạn nhưng không trích lập dự phòng tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Quá hạn từ 1 – 30 ngày	16.270.366.572	74.133.141.727
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	75.078.108.794	198.665.220.923
Quá hạn trên 180 ngày	44.301.762.954	6.464.681.524
	135.650.238.320	279.263.044.174

Các khoản phải thu bị quá hạn và đã phải lập dự phòng tại ngày kết thúc kỳ báo cáo năm được trình bày trong Thuyết minh 6(d).

**(c) Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Tổng Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Tổng Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Tổng Công ty.

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND
Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	917.900.439.452	917.900.439.452	917.900.439.452	-
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	69.895.265.267	69.895.265.267	69.895.265.267	-
Phải trả dài hạn khác	1.220.471.196	1.220.471.196	-	1.220.471.196
	989.016.175.915	989.016.175.915	987.795.704.719	1.220.471.196
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND
Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	821.840.071.231	821.840.071.231	821.840.071.231	-
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	76.544.438.358	76.544.438.358	76.544.438.358	-
Phải trả dài hạn khác	1.274.471.199	1.274.471.199	-	1.274.471.199
	899.658.980.788	899.658.980.788	898.384.509.589	1.274.471.199

**Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm**  
**kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DNPNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số*  
*232/2012/TT BTC ngày 28 tháng 12*  
*năm 2012 của Bộ Tài chính)*

**(d) Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường như tỷ giá hối đoái và lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Tổng Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Tổng Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

**(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái**

Tổng Công ty chịu ảnh hưởng rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch có gốc ngoại tệ khác VND, đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là USD, EUR và SGD.

Tổng Công ty đảm bảo trạng thái thuần của rủi ro này được giữ ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mất cân đối ngắn hạn. Ban Điều hành không tham gia vào các giao dịch bảo hiểm rủi ro tiền tệ vì cho rằng chi phí của các công cụ này lớn hơn rủi ro tiềm tàng của biến động tỷ giá.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Tổng Công ty có trạng thái tiền tệ thuần như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	USD	Nguyên tệ EUR	Tiền tệ khác	Tương đương VND
Tiền	2.441.338,81	200,54	244,75	61.655.991.041
Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	-	126.496,41	2.188.993.400,42	49.691.626.991
Trả trước cho người bán ngắn hạn	4.105,18	-	-	103.659.900
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	19.283,68	-	-	486.932.204
<b>Tổng tài sản chịu rủi ro (1)</b>	<b>2.464.727,67</b>	<b>126.696,95</b>	<b>2.188.993.645,17</b>	<b>111.938.210.136</b>
Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	388.460,99	47.890,78	1.423.906.134,28	39.534.717.449
Phải trả khác	36.552,03	-	-	2.680.304.244
<b>Tổng nợ phải trả chịu rủi ro (2)</b>	<b>425.013,02</b>	<b>47.890,78</b>	<b>1.423.906.134,28</b>	<b>42.215.021.693</b>
<b>Trạng thái tài sản thuần [(1)-(2)]</b>	<b>2.039.714,65</b>	<b>78.806,17</b>	<b>765.087.510,89</b>	<b>69.723.188.443</b>

**Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm**  
**kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DNPNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số*  
*232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12*  
*năm 2012 của Bộ Tài chính)*

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	USD	Nguyên tệ EUR	Tiền tệ khác	Tương đương VND
Tiền	873.087,90	21.439,77	266,95	21.594.154.521
Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	6.661,36	2.000.319,50	777.128.862,80	92.302.821.692
Trả trước cho người bán ngắn hạn	4.105,18	-	-	98.852.734
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	174.848,02	-	-	4.210.340.322
<b>Tổng tài sản chịu rủi ro (1)</b>	<b>1.058.702,46</b>	<b>2.021.759,27</b>	<b>777.129.129,75</b>	<b>118.206.169.269</b>
Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	-	1.947.974,72	279.202.317,50	79.729.984.718
Phải trả khác	532.761,26	-	-	12.828.891.141
<b>Tổng nợ phải trả chịu rủi ro (2)</b>	<b>532.761,26</b>	<b>1.947.974,72</b>	<b>279.202.317,50</b>	<b>92.558.875.859</b>
<b>Trạng thái tài sản thuần [(1)-(2)]</b>	<b>525.941,20</b>	<b>73.784,55</b>	<b>497.926.812,25</b>	<b>25.647.293.410</b>

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày	
	31/12/2024	31/12/2023
USD/VND	25.251	24.080
EUR/VND	26.113	26.370

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận sau thuế của Tổng Công ty sau khi xem xét tỷ giá hối đoái hiện tại và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ảnh hưởng đến lợi nhuận sau thuế Tăng/(giảm) VND
USD (mạnh lên 5%)	2.060.193.385
EUR (yếu đi 1%)	(16.463.151)
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023</b>	<b>Ảnh hưởng đến lợi nhuận sau thuế Tăng VND</b>
USD (mạnh lên 5%)	303.951.938
EUR (mạnh lên 7%)	108.959.740

Biến động ngược lại của tỷ giá các đồng tiền có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận sau thuế của Tổng Công ty.



**Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm**  
**kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DNPNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số*  
*232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12*  
*năm 2012 của Bộ Tài chính)*

**(ii) Rủi ro lãi suất**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Tổng Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
<i>Các công cụ tài chính có lãi suất cố định</i>		
Tiền gửi ngân hàng	439.859.310.670	175.601.229.209
Tiền gửi có kỳ hạn – ngắn hạn – gộp	3.325.445.125.210	3.349.445.125.210
Trái phiếu – ngắn hạn – gộp	77.172.887.595	127.172.887.595
Chứng chỉ tiền gửi – ngắn hạn	20.000.000.000	10.000.000.000
Ký quỹ bảo hiểm	9.000.000.000	9.000.000.000
Trái phiếu – dài hạn	200.000.000.000	50.000.000.000
Chứng chỉ tiền gửi – dài hạn	-	11.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn – dài hạn	36.000.000.000	-

**(iii) Rủi ro giá cổ phiếu**

Rủi ro giá cổ phiếu phát sinh từ chứng khoán vốn kinh doanh do Tổng Công ty nắm giữ. Ban Điều hành của Tổng Công ty theo dõi các chứng khoán vốn trong danh mục đầu tư dựa trên các chỉ số thị trường. Các khoản đầu tư trọng yếu trong danh mục đầu tư được quản lý riêng rẽ và Ban đầu tư phê duyệt tất cả các quyết định mua và bán.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, giá trị thị trường của các cổ phiếu niêm yết của Tổng Công ty là 134.250.670.056 VND (31/12/2023: 68.506.732.076 VND). Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, tỷ lệ biến động giữa tháng có chỉ số VN-Index cao nhất và thấp nhất xấp xỉ 15% (2023: 19%). Nếu giá thị trường của các cổ phiếu niêm yết của Tổng Công ty giảm 15% tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 với tất cả các biến số khác không thay đổi, lợi nhuận sau thuế của Tổng Công ty sẽ giảm tương ứng là 11.213.616.039 VND (31/12/2023: 10.413.023.275 VND).

**Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm**  
**kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DNPNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số*  
*232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12*  
*năm 2012 của Bộ Tài chính)*

**(e) Giá trị hợp lý**

**(i) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ**

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày trên bảng cân đối kế toán, như sau:

	31/12/2024		31/12/2023	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
<i>Được phân loại là tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:</i>				
▪ Chứng khoán kinh doanh – cổ phiếu niêm yết	73.076.000.321	73.076.000.321	56.882.926.076	58.379.213.576
▪ Chứng khoán kinh doanh – cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên sàn UPCOM	20.370.800.000	20.370.800.000	11.623.806.000	11.623.806.000
▪ Chứng khoán kinh doanh – cổ phiếu chưa niêm yết	514.000.000	(*)	514.000.000	(*)
<i>Được phân loại là các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:</i>				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn – ngắn hạn – thuần	3.147.000.000.000	(*)	3.171.000.000.000	(*)
▪ Trái phiếu – ngắn hạn – thuần	-	(*)	50.000.000.000	(*)
▪ Chứng chỉ tiền gửi – ngắn hạn	20.000.000.000	(*)	10.000.000.000	(*)
▪ Trái phiếu – dài hạn	200.000.000.000	(*)	50.000.000.000	(*)
▪ Chứng chỉ tiền gửi – dài hạn	-	(*)	11.000.000.000	(*)
▪ Tiền gửi có kỳ hạn – dài hạn	36.000.000.000	(*)	-	(*)
<i>Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:</i>				
▪ Tiền và các khoản tương đương tiền	440.134.779.155	440.134.779.155	175.693.397.694	175.693.397.694
▪ Phải thu ngắn hạn của khách hàng – thuần	526.236.626.809	(*)	670.622.581.980	(*)
▪ Các khoản phải thu ngắn hạn khác – thuần	413.061.797.300	(*)	264.408.076.322	(*)
▪ Ký quỹ bảo hiểm	9.000.000.000	(*)	9.000.000.000	(*)
▪ Phải thu về lãi dự thu	-	(*)	398.630.137	(*)

**Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm**  
**kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DNPNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số*  
*232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12*  
*năm 2012 của Bộ Tài chính)*

	31/12/2024		31/12/2023	
	Giá trị ghi số VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi số VND	Giá trị hợp lý VND
<i>Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán:</i>				
▪ Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác – thuần	296.515.409.361	(*)	199.615.409.361	(*)
<i>Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:</i>				
▪ Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	(917.900.439.452)	(*)	(821.840.071.231)	(*)
▪ Các khoản phải trả ngắn hạn khác	(69.895.265.267)	(*)	(76.544.438.358)	(*)
▪ Phải trả dài hạn khác	(1.220.471.196)	(*)	(1.274.471.199)	(*)

**(ii) Cơ sở xác định giá trị hợp lý**

Giá trị hợp lý của chứng khoán vốn kinh doanh đã niêm yết được xác định bằng cách tham chiếu giá đóng cửa từ Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Đối với các loại chứng khoán vốn kinh doanh chưa niêm yết nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán của các Công ty đại chúng chưa niêm yết (“sàn UPCOM”), giá trị hợp lý là giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Sở Giao dịch chứng khoán công bố. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chi nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

(\*) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính tổng hợp bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.



**Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm**  
**kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DNPNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số*  
*232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12*  
*năm 2012 của Bộ Tài chính)*

**34. Rủi ro bảo hiểm**

*Mục tiêu quản lý rủi ro, các chính sách và quy trình quản lý rủi ro bảo hiểm*

Hoạt động bảo hiểm chính thực hiện bởi Tổng Công ty là xây dựng các giả định về rủi ro tồn thất liên quan đến cá nhân hoặc tổ chức là đối tượng liên quan trực tiếp đến rủi ro đó. Các rủi ro đề cập có thể liên quan đến tài sản, trách nhiệm, tai nạn, sức khỏe, rủi ro tài chính hoặc rủi ro khác có thể phát sinh từ các sự kiện được bảo hiểm. Theo đó, Tổng Công ty chịu các rủi ro bồi thường chưa xác định rõ về thời điểm cũng như mức độ. Tổng Công ty cũng chịu các rủi ro thị trường thông qua hoạt động bảo hiểm và đầu tư.

Tổng Công ty quản lý rủi ro bảo hiểm của mình bằng hạn mức khai thác bảo hiểm, các quy trình thủ tục phê duyệt cho các giao dịch có liên quan đến sản phẩm mới hoặc các giao dịch vượt quá hạn mức, đa dạng hóa rủi ro, đưa ra nguyên tắc định giá, tái bảo hiểm và giám sát các vấn đề nảy sinh.

*Quản lý vốn và yêu cầu theo luật định*

Mục tiêu đầu tiên của Tổng Công ty trong việc quản lý vốn là luôn luôn đảm bảo yêu cầu về vốn pháp định để thực hiện đầy đủ hoạt động kinh doanh bảo hiểm, đầu tư tài chính và các hoạt động phụ trợ; đạt được và duy trì nguồn vốn đủ mạnh để hỗ trợ tốt nhất cho các hoạt động kinh doanh. Trong quá trình thực hiện mục tiêu của mình, Tổng Công ty nhận thức được những tác động đến sự cân bằng giữa tỷ suất lợi nhuận trên vốn góp của các cổ đông với an toàn thanh khoản của Tổng Công ty nên luôn thận trọng trong các chính sách điều chỉnh và quản lý vốn.

Quy định bắt buộc về vốn liên quan đến hoạt động bảo hiểm yêu cầu Tổng Công ty phải nắm giữ đủ tài sản để thực hiện các nghĩa vụ tài chính và thỏa mãn yêu cầu về biên khả năng thanh toán theo quy định trong Nghị định 46 của Chính phủ. Các quy định này thể hiện vai trò bảo vệ quyền lợi của người mua bảo hiểm đồng thời mang tính định hướng, giám sát doanh nghiệp bảo hiểm trong việc duy trì trạng thái thanh khoản phù hợp để có thể đối phó với những tình huống ngoài dự báo như thảm họa tự nhiên hoặc suy thoái kinh tế kéo dài.

Bảng dưới đây trình bày biên khả năng thanh toán tối thiểu và biên khả năng thanh toán của Tổng Công ty:

	Biên khả năng thanh toán của Tổng Công ty VND	Biên khả năng thanh toán tối thiểu VND	Tỷ lệ biên khả năng thanh toán %
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	1.609.732	1.244.171	129,4%
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	1.469.134	1.139.646	128,9%

Tỷ lệ biên khả năng thanh toán của Tổng Công ty là một chỉ số về khả năng thanh toán chung đối với các hoạt động bảo hiểm có liên quan, được tính dựa trên những quy định tương ứng được ban hành bởi Bộ Tài chính Việt Nam.

**Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm**  
**kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DNPNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số*  
*232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12*  
*năm 2012 của Bộ Tài chính)*

*Chiến lược kinh doanh bảo hiểm*

Chiến lược kinh doanh bảo hiểm của Tổng Công ty với mục tiêu đa dạng hóa nhằm đảm bảo sự cân bằng giữa các hoạt động kinh doanh và được dựa trên một danh mục lớn với những rủi ro tương tự trong một số năm, và như vậy, làm giảm sự biến động của kết quả kinh doanh.

Tổng Công ty nhượng tái bảo hiểm một phần các rủi ro bảo hiểm để kiểm soát khả năng lỗ và bảo đảm an toàn vốn, thông qua hợp đồng nhượng tái bảo hiểm cố định và tạm thời. Các hợp đồng nhượng tái bảo hiểm chuyên giao một phần rủi ro và giới hạn rủi ro đối với từng hợp đồng bảo hiểm. Mức độ rủi ro giữ lại phụ thuộc vào đánh giá của Tổng Công ty đối với mỗi loại rủi ro cụ thể, phụ thuộc vào từng hoàn cảnh nhất định, nhằm tối đa hóa mức rủi ro chấp nhận được dựa trên phân tích từng đặc tính rủi ro. Theo các điều khoản của hợp đồng nhượng tái bảo hiểm, công ty nhận tái bảo hiểm đồng ý bồi hoàn số tiền thuộc trách nhiệm trong trường hợp có tổn thất bảo hiểm. Tuy nhiên, Tổng Công ty vẫn phải có trách nhiệm đối với chủ hợp đồng cho phần thuộc trách nhiệm công ty nhận tái nếu nhà tái bảo hiểm không thể thanh toán cho phần nghĩa vụ của họ.

Các hợp đồng tái bảo hiểm chứa đựng rủi ro xếp hạng tín nhiệm, để giảm thiểu rủi ro, chỉ những công ty nhận tái bảo hiểm đạt tiêu chuẩn đánh giá tín nhiệm của Tổng Công ty theo các đánh giá công khai của các công ty chuyên về xếp hạng tín nhiệm, hoặc do đánh giá nội bộ, mới được phép tiến hành giao dịch.

*Quản lý rủi ro bảo hiểm*

Để đạt mục tiêu mà hoạt động quản lý rủi ro bảo hiểm đặt ra, Tổng Công ty đã thiết lập và áp dụng các quy trình đánh giá rủi ro trước khi chấp nhận bảo hiểm, quy trình chuyển giao rủi ro bảo hiểm (tái bảo hiểm), quy trình giám định tổn thất và quy trình giải quyết bồi thường.

Đối với hoạt động khai thác bảo hiểm, ngoài việc chủ động đa dạng hóa loại hình rủi ro bảo hiểm hướng về khách hàng cá nhân và qua kênh bán lẻ. Tổng Công ty cũng áp dụng các tiêu chí lựa chọn rủi ro, cụ thể là không chấp nhận bảo hiểm đối với các rủi ro bảo hiểm có khả năng xảy ra cao hoặc có nguy cơ bị trục lợi cao. Tổng Công ty cũng tăng cường đánh giá rủi ro tập trung và đưa ra các quy định về chấp nhận bảo hiểm đối với các nghiệp vụ khác nhau, các địa phương khác nhau để phân tán rủi ro, tránh tập trung rủi ro ở cấp độ toàn Tổng Công ty.

Đối với các rủi ro được chấp nhận bảo hiểm, Tổng Công ty đã xác định lại tỉ lệ phí bảo hiểm áp dụng với từng nhóm rủi ro dựa trên kinh nghiệm tổn thất và dự báo, xu thế của rủi ro, lạm phát, mức độ cạnh tranh, các quy định của pháp luật. Đối với các nhóm rủi ro có tỉ lệ tổn thất và chi phí gia tăng, Tổng Công ty chỉ chấp nhận bảo hiểm nếu người tham gia bảo hiểm chấp nhận tăng phí bảo hiểm tương ứng hoặc giới hạn phạm vi bảo hiểm, tăng mức miễn thường. Đối với các nhóm rủi ro có tỉ lệ tổn thất vẫn đảm bảo lợi nhuận bảo hiểm, Tổng Công ty chủ trương tăng tỷ trọng chấp nhận bảo hiểm để gia tăng thị phần, gia tăng dòng tiền vào để sinh lợi ở hoạt động đầu tư tài chính. Bên cạnh đó, Tổng Công ty cũng áp dụng triệt để các giải pháp chuyển giao rủi ro để chia sẻ rủi ro với các công ty bảo hiểm khác và với chính người tham gia bảo hiểm như đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm, áp dụng miễn thường.

Việc giám định tổn thất và giải quyết bồi thường đã được thực hiện theo 2 cấp. Những vụ tổn thất lớn, có tính chất phức tạp đều đã được xử lý và bồi thường tập trung tại Tổng công ty. Những vụ tổn thất nhỏ mà các đơn vị thành viên đã có kinh nghiệm tiếp nhận và giải quyết được xử lý tại các công ty thành viên. Tổng Công ty cũng chủ trương đẩy nhanh tốc độ xử lý khiếu nại và giải quyết bồi thường để tránh các rủi ro có thể phát sinh trong quá trình giám định và bồi thường như rủi ro tỉ giá tăng, lạm phát, tổn thất gia tăng, các rủi ro đạo đức.

**Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm**  
**kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DNPNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số*  
*232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12*  
*năm 2012 của Bộ Tài chính)*

**35. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**(a) Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2024	31/12/2023
	VND	VND
Trong vòng một năm	10.534.598.678	7.390.503.127
Trong vòng hai đến năm	12.832.707.856	7.612.495.378
Sau năm	302.900.000	120.000.000
	23.670.206.534	15.122.998.505

**(b) Ngoại tệ các loại**

	31/12/2024		31/12/2023	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	2.441.338,81	61.646.246.290	873.087,90	21.023.956.855
EUR	200,54	5.236.701	21.439,77	565.371.023
SGD	244,75	4.508.050	266,95	4.826.643
		61.655.991.041		21.594.154.521

**36. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

**(a) Số dư với các bên liên quan**

	Số dư tại ngày	
	31/12/2024	31/12/2023
	VND	VND
<b>Cổ đông lớn</b>		
<b>AXA. SA - Pháp</b>		
Phải thu phí bảo hiểm gốc	2.105.756.529	-
Phải thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	3.857.984.921	7.035.680.012
Phải trả phí nhượng tái bảo hiểm	(4.698.635.757)	(5.556.794.836)
<b>Công ty liên doanh</b>		
<b>Công ty Bảo hiểm Liên hiệp</b>		
Phải thu phí nhận tái bảo hiểm	509.978.163	11.638.676.222
Phải trả bồi thường nhận tái bảo hiểm	(1.056.986.450)	(12.916.004.494)

**Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm**  
**kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DNPNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số*  
*232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12*  
*năm 2012 của Bộ Tài chính)*

	Số dư tại ngày	
	31/12/2024 VND	31/12/2023 VND
Phải thu cổ tức	-	96.900.000.000
Phải thu phí bảo hiểm gốc	21.698.943	-
Phải trả phí nhượng tái bảo hiểm	(471.547.552)	-
Phải thu bồi thường nhượng Tái	4.705.237.547	-
Phải trả nhà đồng bảo hiểm	(317.677.443)	-
<b>Tổng Công ty là cổ đông lớn</b>		
<b>Tổng công ty CP Tái bảo hiểm Quốc Gia Việt Nam (Vinare)</b>		
Phải thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	14.256.985.042	3.812.150.453
Phải trả phí nhượng tái bảo hiểm	(42.648.230.018)	(26.643.130.622)
Phải thu phí nhận tái bảo hiểm	88.169.243.634	37.772.045.755
Phải trả bồi thường nhận tái bảo hiểm	(54.044.976.190)	(13.627.861.419)
Phải trả khác	(9.593.318)	-

**(b) Giao dịch với các bên liên quan**

Trong năm, Tổng Công ty có các giao dịch quan trọng sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2024 VND	2023 VND
<b>Cổ đông lớn</b>		
<b>Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (SCIC)</b>		
Chi hoa hồng đại lý, môi giới	(4.039.941)	-
Thu phí bảo hiểm gốc	43.277.912	-
Trả cổ tức bằng tiền	(30.568.400.928)	(27.789.680.198)
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	(61.131.068.700)	(55.574.414.610)
<b>AXA. SA - Pháp</b>		
Chi phí nhượng tái bảo hiểm	(82.796.224.500)	(75.626.679.787)
Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	5.814.107.706	5.333.241.534
Thu bồi thường nhượng tái	-	599.953.624
Trả cổ tức bằng tiền	(10.038.735.216)	(9.126.196.751)
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	(20.075.587.650)	(18.250.769.295)
<b>Công ty liên doanh</b>		
<b>Công ty Bảo hiểm Liên hiệp</b>		
Thu phí nhận tái bảo hiểm	41.597.014.122	102.797.480.016
Chi hoa hồng nhận tái bảo hiểm	(12.759.719.581)	(38.123.441.190)
Chi phí bồi thường, giám định nhận tái	(1.926.471.019)	(50.030.131.573)
Thu bảo hiểm sức khỏe tự nguyện	-	1.044.447.136
Nhận cổ tức	83.661.800.986	129.275.348.782
Góp vốn	(96.900.000.000)	-

**Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm**  
**kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DNPNT**  
*(Ban hành theo Thông tư số*  
*232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12*  
*năm 2012 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2024 VND	2023 VND
<b>Tổng Công ty là cổ đông lớn</b>		
<b>Tổng công ty CP Tái bảo hiểm Quốc Gia Việt Nam (Vinare)</b>		
Trả phí nhượng tái bảo hiểm	(23.108.681.105)	(19.382.958.387)
Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	2.749.835.012	1.261.805.415
Thu phí nhận tái bảo hiểm	100.970.911.421	55.352.579.542
Chi hoa hồng nhận tái bảo hiểm	(25.581.015.070)	(13.318.448.091)
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	-	914.139.855
Chi phí bồi thường, giám định nhận tái bảo hiểm	-	(37.271.786.821)
Nhận cổ tức	10.660.799.000	9.691.636.000
<b>Bên liên quan khác</b>		
<b>Tổng Công ty Hàng không Việt Nam</b>		
Chi bồi thường bảo hiểm gốc	(1.862.850.506)	-
Chi hoa hồng đại lý, môi giới	(620.088.341)	-
Thu phí bảo hiểm gốc	19.736.079.981	-

**Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi khác của người quản lý chủ chốt**

	2024 VND	2023 VND
<b>Chủ tịch HĐQT</b>		
Đình Việt Tùng	159.663.922	203.657.624
<b>Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc</b>		
Vũ Anh Tuấn	1.429.748.603	1.245.063.624
<b>Thành viên HĐQT</b>		
Ivan Tam Kwok Wing	129.363.922	193.657.624
Bùi Thị Thu Thanh	148.663.922	193.657.624
Lê Việt Thành	148.663.922	193.657.624
Callard Stumpf Céline	129.363.922	193.657.624
Nicolas De Nazelle	19.200.000	-
Trần Văn Tá	164.000.000	276.000.000
Trần Hữu Tiến	40.000.000	-
<b>Phụ trách Ban kiểm soát</b>		
Lê Minh Tuyết	550.846.357	193.657.624
<b>Thành viên Ban kiểm soát</b>		
Phan Thị Hồng Phương	123.671.138	160.126.099
Nicolas De Nazelle	108.271.138	160.126.099
Yau Chun Hung	108.271.138	160.126.099
Đình Thị Minh Hải	15.400.000	-
Guardiola Garcia-Quiros, Jorge Ramiro	15.400.000	-

**Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh**  
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm  
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DNPNT**  
(Ban hành theo Thông tư số  
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12  
năm 2012 của Bộ Tài chính)

**Phó Tổng Giám đốc thường trực**  
Phạm Minh Tuấn

**Phó Tổng Giám đốc**  
Nguyễn Thế Năng  
Châu Quang Linh  
Nguyễn Ngọc Anh  
Vũ Hải Lâm  
Nguyễn Thành Nam

**Kế toán trưởng**  
Sái Văn Hưng

	2024 VND	2023 VND
	1.084.594.441	1.015.619.000
	-	458.341.217
	898.634.407	838.285.000
	846.903.085	990.265.946
	826.645.235	673.500.222
	940.630.359	206.180.000
	836.795.028	780.074.000

**Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh**  
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024  
(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DNPNT**  
(Ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng  
12 năm 2012 của Bộ Tài chính)

**37. Báo cáo bộ phận**

**(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh**

Thông tin về các khoản mục tài sản và nợ phải trả của các bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	Hoạt động bảo hiểm phi nhân thọ VND	Hoạt động đầu tư VND	Hoạt động bất động sản và hoạt động khác VND	Không phân bổ VND	Tổng cộng VND
<b>TÀI SẢN</b>					
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	-	-	446.093.893.383	446.093.893.383
Chứng khoán kinh doanh - thuần	-	93.960.800.321	-	-	93.960.800.321
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn	-	3.167.000.000.000	-	-	3.167.000.000.000
Phải thu về hợp đồng bảo hiểm - thuần	526.236.626.809	-	-	-	526.236.626.809
Trả trước cho người bán ngắn hạn	289.456.419.018	69.028.084.213	-	4.298.583.253	4.298.583.253
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	618.169.834.350	-	-	54.577.294.069	413.061.797.300
Hàng tồn kho	1.422.344.326.228	-	-	4.527.820.684	4.527.820.684
Tài sản ngắn hạn khác	9.000.000.000	-	-	32.830.146.276	650.999.980.626
Tài sản tái bảo hiểm	-	-	-	10.966.049.664	1.422.344.326.228
Phải thu dài hạn khác	-	-	-	272.613.830.094	19.966.049.664
Tài sản cố định	-	-	-	-	272.613.830.094
Bất động sản đầu tư	-	-	149.670.681.361	-	149.670.681.361
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn - thuần	-	532.515.409.361	-	-	532.515.409.361
Tài sản dài hạn khác	3.990.217.663	-	-	42.277.154.953	46.267.372.616
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>2.869.197.424.068</b>	<b>3.862.504.293.895</b>	<b>149.670.681.361</b>	<b>868.184.772.376</b>	<b>7.749.557.171.700</b>

**Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh**  
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNPNT  
(Ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	Hoạt động bảo hiểm phi nhân thọ VND	Hoạt động đầu tư VND	Hoạt động bất động sản và hoạt động khác	Không phân bổ VND	Tổng cộng VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>					
Phải trả cho người bán	917.900.439.452	-	-	-	917.900.439.452
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	-	-	-	5.170.373.168	5.170.373.168
Phải trả người lao động	-	-	-	67.253.356.343	67.253.356.343
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	263.300.389.799	-	-	-	263.300.389.799
Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	137.436.402.110	-	-	-	137.436.402.110
Phải trả khác	-	-	-	69.895.265.267	69.895.265.267
Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	34.268.691.545	34.268.691.545
Dự phòng nghiệp vụ	3.465.568.283.221	-	-	-	3.465.568.283.221
Các khoản phải trả dài hạn khác	-	-	-	1.220.471.196	1.220.471.196
<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>4.784.205.514.582</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>177.808.157.519</b>	<b>4.962.013.672.101</b>

**Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh**  
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNPNT  
(Ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính)

Thông tin về các khoản mục tài sản và nợ phải trả của các bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	Hoạt động bảo hiểm phi nhân thọ VND	Hoạt động đầu tư VND	Hoạt động bất động sản và hoạt động khác	Không phân bổ VND	Tổng cộng VND
<b>TÀI SẢN</b>					
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	-	-	181.629.382.582	181.629.382.582
Chứng khoán kinh doanh - thuần	-	69.020.732.076	-	-	69.020.732.076
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-	-
- ngắn hạn	-	3.231.000.000.000	-	-	3.231.000.000.000
Phải thu về hợp đồng bảo hiểm - thuần	670.622.581.980	-	-	-	670.622.581.980
Trả trước cho người bán ngắn hạn	-	-	-	3.477.669.175	3.477.669.175
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	-	195.839.500.653	-	68.568.575.669	264.408.076.322
Hàng tồn kho	-	-	-	4.964.555.440	4.964.555.440
Tài sản ngắn hạn khác	669.214.526.312	-	-	28.534.422.941	697.748.949.253
Tài sản tài bảo hiểm	1.110.026.907.638	-	-	-	1.110.026.907.638
Phải thu dài hạn khác	9.000.000.000	-	-	10.823.196.131	19.823.196.131
Tài sản cố định	-	-	-	283.349.977.297	283.349.977.297
Bất động sản đầu tư	-	-	152.133.165.349	-	152.133.165.349
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn - thuần	-	260.615.409.361	-	-	260.615.409.361
Tài sản dài hạn khác	8.222.106.619	-	-	47.151.967.720	55.374.074.339
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>2.467.086.122.549</b>	<b>3.756.475.642.090</b>	<b>152.133.165.349</b>	<b>628.499.746.955</b>	<b>7.004.194.676.943</b>

**Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh**  
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNPNT  
(Ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	Hoạt động bảo hiểm phi nhân thọ VND	Hoạt động đầu tư VND	Hoạt động bất động sản và hoạt động khác VND	Không phân bổ VND	Tổng cộng VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>					
Phải trả cho người bán	821.840.071.231	-	-	-	821.840.071.231
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	-	-	-	9.046.342.224	9.046.342.224
Phải trả người lao động	-	-	-	192.869.147.976	192.869.147.976
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	38.022.076.916	-	-	-	38.022.076.916
Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	137.886.987.999	-	-	-	137.886.987.999
Phải trả khác	-	-	-	76.544.438.358	76.544.438.358
Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	42.812.825.584	42.812.825.584
Dự phòng nghiệp vụ	3.041.028.454.240	-	-	-	3.041.028.454.240
Các khoản phải trả dài hạn khác	-	-	-	1.274.471.199	1.274.471.199
<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>4.038.777.590.386</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>322.547.225.341</b>	<b>4.361.324.815.727</b>

**Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh**  
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNPNT  
(Ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính)

Thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh của các bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty cho năm 2024 như sau:

2024	Hoạt động bảo hiểm phi nhân thọ VND	Hoạt động đầu tư VND	Hoạt động bất động sản và hoạt động khác VND	Không phân bổ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	5.122.748.106.255	-	-	-	5.122.748.106.255
Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	-	-	12.962.845.007	-	12.962.845.007
Doanh thu hoạt động tài chính	-	293.671.006.605	29.218.559.915	-	322.889.566.520
Thu nhập khác	-	-	-	3.941.922.651	3.941.922.651
Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	(4.870.071.477.505)	-	-	-	(4.870.071.477.505)
Giá vốn bất động sản đầu tư	-	-	(6.111.283.386)	-	(6.111.283.386)
Chi phí hoạt động tài chính	-	(78.351.112.272)	(34.861.848.856)	-	(113.212.961.128)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(199.049.295.252)	-	-	-	(199.049.295.252)
Chi phí khác	-	-	-	(1.363.771.429)	(1.363.771.429)
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>53.627.333.498</b>	<b>215.319.894.333</b>	<b>1.208.272.680</b>	<b>2.578.151.222</b>	<b>272.733.651.733</b>

**Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh**  
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024  
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNPNT  
(Ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính)

Thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh của các bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty cho năm 2023 như sau:

2023	Hoạt động bảo hiểm		Hoạt động bất động sản và hoạt động khác		Tổng cộng VND
	Hoạt động bảo hiểm phí nhân thọ VND	Hoạt động đầu tư VND	Hoạt động bất động sản và hoạt động khác VND	Không phân bổ VND	
Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	4.720.461.657.562	-	-	-	4.720.461.657.562
Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	-	-	13.423.084.078	-	13.423.084.078
Doanh thu hoạt động tài chính	-	384.632.242.046	27.464.154.318	-	412.096.396.364
Thu nhập khác	-	-	-	7.028.846.745	7.028.846.745
Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	(4.463.219.765.569)	-	-	-	(4.463.219.765.569)
Giá vốn bất động sản đầu tư	-	-	(5.360.139.276)	-	(5.360.139.276)
Chi phí hoạt động tài chính	-	(104.599.718.894)	(27.335.187.655)	-	(131.934.906.549)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(174.821.461.388)	-	-	-	(174.821.461.388)
Chi phí khác	-	-	-	(1.446.472.950)	(1.446.472.950)
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>82.420.430.605</b>	<b>280.032.523.152</b>	<b>8.191.911.465</b>	<b>5.582.373.795</b>	<b>376.227.239.017</b>

**Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh**  
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp cho năm  
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DNPNT  
(Ban hành theo Thông tư số  
232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12  
năm 2012 của Bộ Tài chính)

(b) **Bộ phận chia theo khu vực địa lý**

Bộ phận chia theo khu vực địa lý của Tổng Công ty dựa trên vị trí địa lý của khách hàng, bao gồm khách hàng trong nước và khách hàng nước ngoài, trong đó doanh thu phí bảo hiểm từ khách hàng nước ngoài chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu phí bảo hiểm của Tổng Công ty và không phải là một bộ phận trọng yếu cần báo cáo riêng. Do đó, thông tin tài chính được báo cáo chủ yếu phản ánh hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty trong lãnh thổ Việt Nam.

Ngày 26 tháng 3 năm 2025

Người lập:  
  
Đoàn Tấn Phong  
Phó Giám đốc Ban Kế toán

Người soát xét:  
  
Sái Văn Hưng  
Kế toán trưởng

Người duyệt:  
  
Vũ Anh Tuấn  
Tổng Giám đốc



# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2024

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 04 năm 2025

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**VŨ ANH TUẤN**





**Địa chỉ:** 26 Tôn Thất Đạm, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**Website:** [www.baominh.com.vn](http://www.baominh.com.vn)

**SĐT:** (028) 38294180

